VGP
CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 03.09.2014 15:32:00 +07:00

| THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 1535 /QĐ-TTg | *Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2014* |

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Số: 5
Ngày: 03.09

# QUYẾT ĐỊNH
## Ban hành Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm năm 2013

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 28 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm năm 2013 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương:

a) Chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành, địa phương liên quan tổ chức quản lý hoạt động sử dụng năng lượng của các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm theo quy định của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

b) Chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức cập nhập và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm để công bố trước ngày 31 tháng 3 hàng năm.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Chỉ đạo các Sở, ban, ngành liên quan tại địa phương thông báo cho các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn trong Danh sách tại Phụ lục kèm theo Quyết định này và tổ chức quản lý, theo dõi thực hiện các chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với các cơ sở;

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tại địa phương kiểm tra, rà soát, lập danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn; tổng hợp gửi Bộ Công Thương trước ngày 01 tháng 02 hàng năm.

3. Các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước:

a) Yêu cầu các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm là thành viên thuộc phạm vi quản lý của đơn vị mình trong Danh sách tại Phụ lục kèm theo Quyết định này thực hiện các nhiệm vụ về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo quy định của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi cơ sở đặt trụ sở, đồng thời báo cáo Tập đoàn, Tổng công ty để tổng hợp báo cáo Bộ Công Thương;

b) Tổ chức rà soát, cập nhật danh sách các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm thuộc phạm vi quản lý của đơn vị mình; tổng hợp gửi Bộ Công Thương trước ngày 01 tháng 02 hàng năm.

4. Các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trong Danh sách tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, người đứng đầu Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước và các cơ sở có tên trong Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Các Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng công ty
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Công báo;
- Lưu: VT, KTN (3). nvq 342

**KT. THỦ TƯỚNG**
**PHÓ THỦ TƯỚNG**

**Hoàng Trung Hải**

**Phụ lục**

**DANH SÁCH CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM NĂM 2013**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1535 /QĐ-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)*

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | **I. ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG** | | | | | |
| | **1. THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH Điện Stanley Việt Nam | Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm | Công nghiệp | Sản xuất mô tô, xe máy | 3.692 | |
| 2 | Tập đoàn Viễn thông Quân đội | Số 16 phố Pháo Đài Láng, quận Đống Đa | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 2.157 | |
| 3 | Công ty TNHH Nissei Electric Hà Nội | Lô I3,I4 - KCN Bắc Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | 2.410 | |
| 4 | Công ty CP chăn nuôi C.P Việt Nam - Chi nhánh Xuân Mai - Hà Nội | Thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 4.879 | |
| 5 | Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Nội | Số 44 đường Yên Phụ, quận Ba Đình | Công nghiệp | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 8.319 | |
| 6 | Công ty TNHH CANON Việt Nam | KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính | 5.993 | |
| 7 | Công ty TNHH OGINO Việt Nam | Lô N - 9, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | 1.336 | |
| 8 | Chi nhánh Công ty TNHH NGK Coca-Cola VN tại Hà Nội | Xã Duyên Thái, huyện Thường Tín | Công nghiệp | Sản xuất đồ uống không cồn | 1.561 | |
| 9 | Công ty TNHH Matsuo Industries Việt Nam | Lô C10 - KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | 1.290 | |
| 10 | Công ty CP Bia Sài Gòn - Hà Nội | A2 - CN8, CCN tập trung vừa và nhỏ, xã Xuân Phương, quận Nam Từ liêm | Công nghiệp | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia | 1.292 | |
| 11 | Công ty TNHH Paker Processing Việt Nam | Lô C1 - 2, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại | 1.346 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 12 | Công ty CP Diana | KCN Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng | Công nghiệp | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu | 1.080 | |
| 13 | Công ty CP XM Sài Sơn - Nhà máy Xi măng Nam Sơn | Xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 5.933 | |
| 14 | Công ty CP dệt 10 - 10 | Số 203 đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 2.291 | |
| 15 | Công ty TNHH YoungFast Optoelectronics VN | Lô CN2 - 1 KCN Thạch Thất - Quốc Oai, huyện Thạch Thất | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng | 8.594 | |
| 16 | Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long | Số 235 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân | Công nghiệp | Sản xuất thuốc lá | 1.869 | |
| 17 | Công ty TNHH cao su INOUE VN | Xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh | Công nghiệp | Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su | 2.388 | |
| 18 | Công ty CP Phát triển Đô thị Nam Hà Nội | Số 458 đường Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng | Công nghiệp | Xây dựng nhà các loại | 2.242 | |
| 19 | Công ty TNHH URC Hà Nội | Lô CN 2.2 KCN Thạch Thất - Quốc Oai, huyện Thạch Thất | Công nghiệp | Sản xuất đồ uống không cồn | 2.534 | |
| 20 | Công ty CP Giấy Vạn Điểm | Thị trấn Phú Minh, huyện Phú Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 2.219 | |
| 21 | Nhà máy in tiền Quốc gia | Số 30 đường Phạm Văn Đồng, quận Cầu Giấy | Công nghiệp | In ấn | 1.211 | |
| 22 | Công ty TNHH hệ thống dây SUMI HANEL | KCN Sài Đồng B, quận Long Biên | Công nghiệp | Sản xuất dây cáp, dây điện và điện tử khác | 1.062 | |
| 23 | Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long | Lô K8 - KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.849 | |
| 24 | Công ty TNHH MTV SINO Việt Nam | CCN Liên Phương, huyện Thường Tín | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại | 2.105 | |
| 25 | Công ty TNHH TOTO Việt Nam | Lô F1 - F4 - KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác | 2.848 | |
| 26 | Tổng công ty CP Bia Rượu nước giải khát Hà Nội | Số 183 đường Hoàng Hoa Thám, quận Ba Đình | Công nghiệp | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia | 4.650 | |
| 27 | Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Đông | Số 2A đường Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông | Công nghiệp | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 1.081 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 28 | Công ty TNHH B.BRAUN Việt Nam | CCN Thanh Oai, huyện Thanh Oai | Công nghiệp | Sản xuất thuốc các loại | 1.692 | |
| 29 | Công ty TNHH Công nghiệp CREDIT UP Việt Nam | Lô 45 KCN Nội Bài, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn | Công nghiệp | Sản xuất mô tô, xe máy | 1.146 | |
| 30 | Tổng công ty mạng lưới Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Viễn thông Quân đội | Lô B1C cụm Sản xuất TTCN và CNN - phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 3.158 | |
| 31 | Chi nhánh Công ty TNHH Tân Mỹ tại Hà Tây | KCN Thạch Thất - Quốc Oai, huyện Quốc Oai | Công nghiệp | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại | 1.521 | |
| 32 | Công ty TNHH SX và TM Hải Long | Tiểu Khu Mỹ Lâm, Thị trấn Phú Xuyên, huyện Phú Xuyên | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 1.361 | |
| 33 | Công ty TNHH Enkei Việt Nam | Lô N2 - KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất mô tô, xe máy | 1.316 | |
| 34 | Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển | Đường Phan Trọng Tuệ, huyện Thanh Trì | Công nghiệp | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ | 1.932 | |
| 35 | Công ty CP ĐT Xây dựng và TM Phú Điền | 83A Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm | Công nghiệp | Xây dựng nhà các loại | 1.087 | |
| 36 | Công ty TNHH sản phẩm Ricoh Imaging VN | Lô A7 KCN Sài Đồng B, quận Long Biên | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học | 1.315 | |
| 37 | Công ty CP nhựa Hà Nội | Tổ 19, phường Phúc Lợi, quận Long Biên | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.790 | |
| 38 | Công ty TNHH phụ tùng xe máy - ôtô SHOWA Việt Nam | Lô M6, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất mô tô, xe máy | 3.213 | |
| 39 | Chi nhánh Công ty TNHH Showpla Việt Nam | Khối 4A cũ, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.750 | |
| 40 | Công ty TNHH linh kiện điện tử SEI (Việt Nam) | Lô C6, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | 2.808 | |
| 41 | Công ty TNHH Sumitomo Heavy Industries (VN) | Lô I7, I8, I9, M2, M3-KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất mô tô, xe máy | 1.202 | |
| 42 | Công ty TNHH Denso Việt Nam | Lô E1- KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | 1.859 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 43 | Công ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam | Khu J3, J4 - KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) | 6.121 | |
| 44 | Trung tâm Viễn thông quốc tế Khu vực I | Số 97 đường Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa | Công nghiệp | Hoạt động viễn thông không dây | 1.586 | |
| 45 | Công ty TNHH PT Xe máy - Ô tô Goshi Thăng Long | Phường Việt Hưng, quận Long Biên | Công nghiệp | Sản xuất mô tô, xe máy | 1.884 | |
| 46 | Công ty TNHH HAL Việt Nam | Lô B19; P17, P18 - KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất mô tô, xe máy | 2.698 | |
| 47 | Công ty Hùng Phương | Xã Yên Thường, huyện Gia Lâm | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 1.213 | |
| 48 | Công ty TNHH ASAHI INTECC Hà Nội | Lô G3, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa | 1.389 | |
| 49 | Công ty CP Cơ điện Trần Phú | Số 41 phố Phương Liệt, quận Thanh Xuân | Công nghiệp | Sản xuất dây cáp, dây điện và điện tử khác | 1.287 | |
| 50 | Công ty TNHH thép An Khánh | Khu Thuỷ Lợi 2, xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 8.678 | |
| 51 | Công ty TNHH FCC Việt Nam | Lô A5 - KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất mô tô, xe máy | 1.026 | |
| 52 | Công ty CP VICOSTONE | Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 1.674 | |
| 53 | Công ty CP Cao su Sao Vàng | Số 231, đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân | Công nghiệp | Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su | 1.239 | |
| 54 | Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông | Đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng | 2.307 | |
| 55 | Công ty CP Dệt công nghiệp Hà Nội | Số 93 đường Lĩnh Nam, phường Mai Động, quận Hoàng Mai | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 1.037 | |
| 56 | Công ty TNHH Kai Việt Nam | Lô I1, I2 - KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng | 1.258 | |
| 57 | Nhà máy SX Bao bì bạt nhựa Tú Phương | Xã Dương Xá, Phú Thị, huyện Gia Lâm | Công nghiệp | Sản xuất bao bì từ plastic | 1.693 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 58 | Công ty TNHH Công nghiệp KYB Việt Nam | Lô I10 - I11 - I12 - KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất mô tô, xe máy | 1.016 | |
| 59 | Công ty TNHH SX Phụ tùng YAMAHA Motor Việt Nam | Lô G1 - G2, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất mô tô, xe máy | 4.197 | |
| 60 | Công ty TNHH YAMAHA Motor Việt Nam | Xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn | Công nghiệp | Sản xuất mô tô, xe máy | 4.667 | |
| 61 | Công ty CP Tập đoàn Thạch Bàn | Tổ 4 phường Thạch Bàn, quận Long Biên | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.423 | |
| 62 | Công ty CP Quốc tế Sơn Hà | Lô 2 - CN1 CCN nhỏ và vừa, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 1.560 | |
| 63 | Công ty CP Đồng Phát | Thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 3.207 | |
| 64 | Công ty CP Nhôm Đô Thành | KCN vừa và nhỏ Phú Thị, huyện Gia lâm | Công nghiệp | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý | 1.174 | |
| 65 | Công ty TNHH Điện tử Meiko Việt Nam | Lô LD4, KCN Thạch Thất-Quốc Oai, xã Phùng Xá, huyện ThạchThất | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | 9.375 | |
| 66 | Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh | Thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất các cấu kiện kim loại | 3.090 | |
| 67 | Công ty TNHH LIXIL INAX Việt Nam | Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác | 1.342 | |
| 68 | Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội | Xã Quất động, huyện Thường Tín | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 2.168 | |
| 69 | Công ty CPĐTXD và Phát triển ĐT Hồng Hà | Tầng 1, 2 Toà nhà N03 Khu ĐTM Dịch Vọng, quận Cầu Giấy | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 2.729 | |
| 70 | Công ty CP Giấy và Bao bì Việt Thắng | CCN Hà Bình Phương, huyện Thường Tín | Công nghiệp | Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa | 1.067 | |
| 71 | Công ty TNHH NM Bia Châu Á - TBD (HN) | Km15 + 500, đường 427, xã Vân Tảo, huyện Thường Tín | Công nghiệp | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia | 1.079 | |
| 72 | Công ty TNHH PANASONIC Việt Nam | Lô J1/2 KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị truyền thông | 7.367 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 73 | Công ty Giấy TISSUE Sông Đuống | Số 672 đường Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 1.430 | |
| 74 | Công ty Thoát nước Hà Nội | Trạm bơm Yên Sở, quận Hoàng Mai | Công nghiệp | Thoát nước | 1.147 | |
| 75 | Nhà máy Xe lửa Gia Lâm | Số 551 đường Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên | Công nghiệp | Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe | 1.111 | |
| 76 | Công ty CP Đầu tư và Phát triển đô thị Sài Đồng | Số 7, Bằng Lăng 1, KĐTST Vincom Village, phường Việt Hưng, quận Long Biên | Công nghiệp | Xây dựng nhà các loại | 1.970 | |
| 77 | Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Nội - Giếng 11 | Phường Việt Hưng, quận Long Biên | Công nghiệp | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 1.597 | |
| 78 | Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội - Nhà máy nước Nam Dư | Phường Trần Phú, quận Hoàng Mai | Công nghiệp | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 1.331 | |
| 79 | Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Việt Hà | KCN Phú Minh, xã Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 1.638 | |
| 80 | Công ty CP Công trình Hàng không | Thôn Mai Phúc, xã Gia Thụy, huyện Gia Lâm | Công nghiệp | Xây dựng nhà các loại | 2.874 | |
| 81 | Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu Khí | Tầng 26, 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy | Công nghiệp | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên | 2.805 | |
| 82 | Công ty CP Đầu tư Sông Đà - Việt Đức | Số 78 Bạch Đằng, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng | Công nghiệp | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao | 1.113 | |
| 83 | Tổng công ty xây dựng cơ điện - Công ty CP | Km số 10, Quốc lộ 1A, huyện Thanh Trì | Công nghiệp | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác | 1.118 | |
| 84 | Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc | Số 1, Phan Đình Giót, quận Thanh Xuân | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | 1.797 | |
| 85 | Công ty Xây dựng và Kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Hà Nội - Đài Tư | KCN Hà Nội - Đài Tư, số 386 Nguyễn Văn Linh, phường Sài Đồng, quận Long Biên | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 1.322 | |
| 86 | Cảng hàng không quốc tế Nội Bài-Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam | Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn | Vận tải | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không | 6.343 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 87 | Tập đoàn xăng dầu Việt Nam | Số 1 Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội. | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng | 3.330 | |
| 88 | Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương (PETROTRANS) | Tầng 14 - Tòa nhà Việt Á, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) | 1.955 | |
| 89 | Công ty TNHH MTV T608 | Số 467 Hà Huy Tập, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) | 1.370 | |
| 90 | Tổng công ty Hàng không Việt Nam - VNA | Số 200 Nguyễn Sơn, quận Long Biên | Vận tải | Vận tải hàng không | 955.332 | |
| 91 | Công ty CP Vận tải và dịch vụ PTS Hà Tây | Km 17, Quốc lộ 6, Đồng Mai, quận Hà Đông | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng | 1.448 | |
| 92 | Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | Số 18 đường Láng Hạ, quận Ba Đình | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | 778 | |
| 93 | Trung tâm TTDĐ VietnamMobile-CN Công ty CP Viễn thông HN | Số 2 Đường Chùa Bộc, quận Đống Đa | Công trình xây dựng | Hoạt động viễn thông không dây | 663 | |
| 94 | Văn phòng Đài Truyền hình Việt Nam | Số 1A ngõ 75, Phố Nguyễn Công Hoan, quận Ba Đình | Công trình xây dựng | Hoạt động truyền hình | 1.681 | |
| 95 | Công ty CP nhựa cao cấp Hàng Không | Ngõ 200 Phố Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, huyện Gia Lâm | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | 550 | |
| 96 | Công ty Truyền tải điện I | Số 15, phố Cửa Bắc, quận Ba Đình | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | 596 | |
| 97 | Trung tâm Thông tin di động KV I | Số 811A, đường Giải Phóng, quận Hoàng Mai | Công trình xây dựng | Hoạt động viễn thông không dây | 935 | |
| 98 | Công ty CP Đầu tư Bất động sản Hapulico | Tầng 23,24 Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 1.002 | |
| 99 | Công ty TNHH Một thành viên 76 | Xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | 502 | |
| 100 | Công ty CP Đầu tư và Phát triển Địa ốc TP Hoàng Gia | Dự án Khu chức năng đô thị Royal City - Số 72A, đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 5.006 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 101 | Bệnh viện hữu nghị Việt Đức | Số 40, phố Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Hoạt động của các bệnh viện | 961 | |
| 102 | Công ty CP Trung tâm TM EVER-FORTUNE | Số 83B, đường Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | 989 | |
| 103 | Trường Đại học Bách khoa Hà Nội | Phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng | Công trình xây dựng | Đào tạo đại học và sau đại học | 561 | |
| 104 | Công ty Điện thoại Hà Nội I | Số 75, phố Đinh Tiên Hoàng | Công trình xây dựng | Hoạt động viễn thông không dây | 1.076 | |
| 105 | Viện Huyết học và Truyền máu Trung ương | Số 78 đường Giải Phóng, quận Đống Đa | Công trình xây dựng | Hoạt động của các bệnh viện | 662 | |
| 106 | Công ty TNHH LD Khách sạn Thống nhất Metropole | Số 15 phố Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Khách sạn | 1.757 | |
| 107 | Công ty TNHH Metrocash & Carry Việt Nam | Phường Yên Sở, quận Hoàng Mai | Công trình xây dựng | Bán buôn tổng hợp | 517 | |
| 108 | Vụ Kế hoạch - Tài chính - Bộ Tài chính | 28 Trần Hưng Đạo (16 - 18 Phan Chu Trinh), quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | 701 | |
| 109 | Viện Dầu khí Việt Nam | Số 173 phố Trung Kính, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | 747 | |
| 110 | Công ty LD Tháp Ngân hàng ĐT và PT VN | Số 194 đường Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 755 | |
| 111 | Bệnh viện Đa khoa Quốc tế VINMEC | Số 458 đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng | Công trình xây dựng | Hoạt động của các bệnh viện | 1.110 | |
| 112 | Công ty TNHH MTV Chiếu sáng và Thiết bị đô thị | Số 30 phố Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Chuẩn bị mặt bằng | 1.577 | |
| 113 | Công ty Chiếu sáng và Thiết bị đô thị | Số 1 đường Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân | Công trình xây dựng | Chuẩn bị mặt bằng | 532 | |
| 114 | Trung tâm Dịch vụ Viễn thông KVI | Thôn Đình Thôn, xã Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm | Công trình xây dựng | Hoạt động viễn thông không dây | 773 | |
| 115 | Cục Quản trị - Tổng cục Hậu cần kỹ thuật - Bộ Công an | Số 80, đường Trần Quốc Hoàn, quận Cầu Giấy | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | 2.253 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 116 | Bệnh viện Hữu Nghị | Số 1 phố Trần Khánh Dư, quận Hai Bà Trưng | Công trình xây dựng | Hoạt động của các bệnh viện | 503 | |
| 117 | Công ty TNHH Khách sạn Hà Nội Fortuna | Số 6B, phố Láng Hạ, quận Ba Đình | Công trình xây dựng | Khách sạn | 676 | |
| 118 | Công ty TNHH LD ĐT Tài chính Hòa Bình | Số 1- 2 phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | 972 | |
| 119 | Bệnh viện Nhi Trung ương | Số 18, ngõ 879, đường La Thành, phường Giảng võ, quận Ba Đình | Công trình xây dựng | Hoạt động của các bệnh viện | 1.006 | |
| 120 | Bệnh viện Phụ sản Trung ương | Số 43 phố Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Hoạt động của các bệnh viện | 510 | |
| 121 | Công ty CP DAEHA | Số 360 Kim Mã, quận Ba Đình | Công trình xây dựng | Khách sạn | 2.216 | |
| 122 | Công ty TNHH Khách sạn Grand Plaza Hà Nội | Số 117 đường Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy | Công trình xây dựng | Khách sạn | 3.012 | |
| 123 | Công ty TNHH Global Toserco.Ltd | Số 40, phố Cát Linh, quận Đống Đa | Công trình xây dựng | Khách sạn | 719 | |
| 124 | Văn phòng Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam | Số 57 đường Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | 1.217 | |
| 125 | Công ty TNHH Tháp trung tâm Hà Nội | Số 49, phố Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Khách sạn | 887 | |
| 126 | Công ty TNHH Thương mại Trần Hồng Quân | Tầng 3, Toà tháp Khách sạn, đường Lê Đức Thọ, quận Nam Từ Liêm | Công trình xây dựng | Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan | 1.587 | |
| 127 | Công ty Thông tin di động | Toà nhà Mobifone, Lô VP1, KĐT Yên Hoà, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy | Công trình xây dựng | Hoạt động viễn thông không dây | 1.406 | |
| 128 | Công ty CP SAVICO Hà Nội | Số 7- 9 đường Nguyễn Văn Linh, phường Gia Thụy, quận Long Biên | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | 1.008 | |
| 129 | Công ty CP Viễn thông FPT | Tầng 2M Toà nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy | Công trình xây dựng | Hoạt động viễn thông không dây | 552 | |
| 130 | Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank | Số 198 phố Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Hoạt động trung gian tiền tệ khác | 952 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 131 | Bộ tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh | Số 1 phố Ông Ích Khiêm, quận Ba Đình | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | 878 | |
| 132 | Khu Liên hợp Thể thao Quốc Gia | Xã Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm | Công trình xây dựng | Hoạt động của các cơ sở thể thao | 738 | |
| 133 | Cục Hậu cần - Bộ Tổng Tham mưu | Số 1 đường Nguyễn Tri Phương, quận Ba Đình | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | 1.929 | |
| 134 | Bệnh viện Bạch Mai | Số 78 đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng | Công trình xây dựng | Hoạt động của các bệnh viện | 1.735 | |
| 135 | Tổng công ty Hàng Hải VN - Công ty TNHH MTV | Số 1 phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | 511 | |
| 136 | Công ty CP Du lịch TM và Đầu tư Thủ đô | Số 109 đường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 501 | |
| 137 | Công ty PT DL hữu hạn làng Nghi Tàm | Số 1A đường Nghi Tàm, quận Tây Hồ | Công trình xây dựng | Khách sạn | 2.518 | |
| 138 | Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD | Số 44 đường Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Khách sạn | 1.289 | |
| 139 | Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tràng Tiền | Số 24 đường Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 891 | |
| 140 | Công ty TNHH Khách sạn nhà hát | Số 1 đường Lê Thánh Tông, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Khách sạn | 992 | |
| 141 | Công ty CP SYRENA | Số 51 đường Xuân Diệu, quận Tây Hồ | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 919 | |
| 142 | Công ty TNHH HANOTEX | Số 88 phố Láng Hạ, quận Đống Đa | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 1.440 | |
| 143 | Công ty CP đầu tư và kinh doanh thương mại VINACONEX | Số 8, đường Quang Trung, quận Hà Đông | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 607 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 144 | Trung tâm Thương mại và Nhà ở Hà Nội | Số 239 đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 1.887 | |
| 145 | Bộ Tổng tham mưu - Quân chủng Phòng không Không quân | Phi trường Bạch Mai, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | 500 | |
| 146 | Công ty TNHH Mặt trời Sông Hồng | Số 23 đường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 643 | |
| 147 | Công ty TNHH Quản lý khách sạn Bitexco | Số 8 đường Đỗ Đức Dục, xã Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm | Công trình xây dựng | Khách sạn | 1.093 | |
| 148 | Công ty TNHH Hà Việt Tungshing | Số 151 đường Thuỵ Khuê, quận Tây Hồ | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 632 | |
| 149 | Công ty CP FPT | Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 1.164 | |
| 150 | Chi nhánh Công ty TNHH Metro Cash & Carry Việt Nam | Đường Phạm Văn Đồng, quận Bắc Từ Liêm | Công trình xây dựng | Bán buôn tổng hợp | 589 | |
| 151 | Công ty liên doanh SAKURA Hà Nội PLAZA | Số 84 đường Trần Nhân Tông, quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Khách sạn | 807 | |
| 152 | Trung tâm Hội nghị Quốc gia | Xã Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | 1.078 | |
| 153 | Công ty TNHH MTV Keangnam - Vina | Khu E6 KĐT Cầu Giấy, xã Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 7.052 | |
| 154 | Công ty TNHH Thương mại quốc tế và Dịch vụ siêu thị Big C Thăng Long | Số 222 đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy | Công trình xây dựng | Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại | 1.667 | |
| 155 | Công ty TNHH Hoà Bình | Số 84 phố Đội Cấn, quận Ba Đình | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | 595 | |
| 156 | Văn phòng Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Số 18 đường Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | 791 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 157 | Công ty TNHH MTV ĐTPT Thuỷ lợi Hà Nội | Xã Tiên Dương, huyện Đông Anh | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | 625 | |
| 158 | Công ty LD TNHH BERJAYA Hồ Tây | Số 11 đường Xuân Diệu, quận Tây Hồ | Công trình xây dựng | Khách sạn | 879 | |
| 159 | Chi nhánh Công ty CP bất động sản Việt - Nhật tại Long Biên | TT Thương mại Gia Thụy, khu X2, phường Gia Thụy, quận Long Biên | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 804 | |
| 160 | Công ty Điện toán và Truyền số liệu | Lô 2A Làng Quốc tế Thăng Long, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | 1.725 | |
| 161 | Học viện Quân y | Đường Nguyễn Chánh, phường Phúc La, quận Hà Đông | Công trình xây dựng | Đào tạo đại học và sau đại học | 731 | |
| 162 | Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco - Chi nhánh Hà Nội | Tháp The Manor, đường Mễ Trì, xã Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 1.856 | |
| 163 | Văn phòng Tổng cục Hải quan | Số 162 đường Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | 618 | |
| 164 | Bệnh viện 103 | Km 2 đường Phùng Hưng, quận Hà Đông | Công trình xây dựng | Hoạt động của các bệnh viện | 642 | |
| 165 | Công ty CP đầu tư và TM PFV | Số 114 phố Mai Hắc Đế, quận Hai Bà Trưng | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 975 | |
| 166 | Công ty liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel | D8 Giảng Võ, phường Giảng võ, quận Ba Đình | Công trình xây dựng | Khách sạn | 663 | |
| 167 | Công ty CP đầu tư T&M Việt Nam | TTTM Mê Linh PLaza, Km8 Thăng Long, Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 810 | |
| 168 | Đài Truyền hình kỹ thuật số VTC | Số 65 phố Lạc Trung, quận Hai Bà Trưng | Công trình xây dựng | Hoạt động truyền hình | 539 | |
| 169 | Văn phòng Đài truyền hình Việt Nam | Số 1A ngõ 75, Phố Nguyễn Công Hoan, quận Ba Đình | Công trình xây dựng | Hoạt động truyền hình | 751 | |
| 170 | Công ty VT liên tỉnh - TCT Bưu chính VT | Số 55 phố Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | 561 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 171 | Công ty quốc tế Hồ Tây | Số 3 đường Phó Đức Chính, quận Ba Đình | Công trình xây dựng | Khách sạn | 977 | |
| 172 | Công ty CP Tập đoàn công nghệ CMC | CMC Tower, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | 661 | |
| 173 | Trung tâm CNTT Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam | C3-Phương Liệt, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân | Công trình xây dựng | Hoạt động trung gian tiền tệ khác | 667 | |
| 174 | Kho bạc Nhà nước | Số 32 Cát Linh, quận Đống Đa | Công trình xây dựng | Hoạt động trung gian tiền tệ khác | 696 | |
| 175 | Tập đoàn Vingroup - Công ty CP | KĐT Vincom Village, phường Việt Hưng, quận Long Biên (191 Bà Triệu) | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 975 | |
| | | **2. TỈNH VĨNH PHÚC** | | | | |
| 1 | Công ty TNHH Thụ Ngọc Hằng | Xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.274 | |
| 2 | Công ty TNHH PIAGGIO Việt Nam | Lô M KCN Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất mô tô, xe máy | 2.118 | |
| 3 | Công ty TNHH JAHWA VINA | Lô CN10 KCN Khai Quang, TP Vĩnh Yên | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | 1.186 | |
| 4 | Công ty TNHH HAESUNG VINA | Lô CN 7 KCN Khai Quang, TP Vĩnh Yên | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 1.973 | |
| 5 | Công ty TNHH Việt Nga | Xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.165 | |
| 6 | Công ty CP PRIME Ngói Việt | KCN Bình xuyên, huyện Bình Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.511 | |
| 7 | Công ty Honda Việt Nam | Phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên | Công nghiệp | Sản xuất mô tô, xe máy | 13.737 | |
| 8 | Công ty TNHH Pangtron Vina | Lô 11 KCN Khai Quang, TP Vĩnh Yên | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị điện khác | 3.760 | |
| 9 | Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức | KCN Bình Xuyên, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 2.399 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 10 | Công ty Ô tô TOYOTA Việt Nam | Phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên | Công nghiệp | Sản xuất xe có động cơ | 2.326 | |
| 11 | Công ty TNHH Hoàn Mỹ | KCN Khai Quang, TP Vĩnh Yên | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 5.355 | |
| 12 | Công ty TNHH SX và TM Việt Anh | Xã Việt Xuân, huyện Vĩnh Tường | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.952 | |
| 13 | Công ty CP Prime Vĩnh Phúc | Thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 6.546 | |
| 14 | Công ty TNHH Công nghiệp chính xác Việt Nam 1 | KCN Khai Quang, TP Vĩnh Yên | Công nghiệp | Sản xuất mô tô, xe máy | 4.104 | |
| 15 | Công ty TNHH Thương mại Khánh Dư | Xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 3.624 | |
| 16 | Công ty CP VIGLACERA Thăng Long | Phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 2.045 | |
| 17 | Công ty TNHH TM Trường Biện | Xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 2.262 | |
| 18 | Công ty CP Prime - Tiền Phong | Thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 2.532 | |
| 19 | Công ty CP Công nghiệp Việt Nam | Xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 4.083 | |
| 20 | Công ty TNHH Kohsei Multipack Việt Nam | Lô C, KCN Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất bao bì từ plastic | 1.279 | |
| 21 | Công ty CP Prime Đại Việt | Thôn Hán Lữ, phường Khai Quang, TP Vĩnh Yên | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 3.912 | |
| 22 | Công ty CP Prime - Yên Bình | Xóm Phố, xã Quất Lưu, huyện Bình Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.321 | |
| 23 | Công ty TNHH SX&TM Thép Việt Nga | Xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.361 | |
| 24 | Công ty Sản xuất Phanh Nissin Việt Nam | Xã Quất Lưu, huyện Bình Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất mô tô, xe máy | 3.583 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **3. TỈNH BẮC NINH** | | | | | | |
| 1 | Công ty Đường Malt | KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du | Công nghiệp | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu | 1.105 | |
| 2 | Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam | Xã Phương Liễu, huyện Quế Võ | Công nghiệp | Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh | 17.077 | |
| 3 | Công ty TNHH Mitac Precision | KCN Quế Võ I, TP Bắc Ninh | Công nghiệp | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính | 3.125 | |
| 4 | Công ty CP kính Viglacera Đáp Cầu | Phường Vũ Ninh, TP Bắc Ninh | Công nghiệp | Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh | 5.629 | |
| 5 | Công ty CP Viglacera Tiên Sơn | KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 12.620 | |
| 6 | Công ty TNHH Canon Việt Nam - Nhà máy Quế Võ | KCN Quế Võ I, TP Bắc Ninh | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | 4.840 | |
| 7 | Công ty TNHH Dragonjet Việt Nam | KCN Quế Võ I, TP Bắc Ninh | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | 1.016 | |
| 8 | Công ty TNHH Seiyo Việt Nam | KCN Quế Võ I, TP Bắc Ninh | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 3.362 | |
| 9 | Công ty TNHH sản xuất và cơ khí Tiến Đạt | KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.234 | |
| 10 | Công ty TNHH VS Industry Việt Nam | KCN Quế Võ I, TP Bắc Ninh | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.492 | |
| 11 | Công ty CP luyện cán thép Sóc Sơn (Công ty Kim khí Hưng Yên) | CCN Lâm Bình, huyện Lương Tài | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 4.786 | |
| 12 | Công ty CP Catalan | Xã Đông Thọ, huyện Yên Phong | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 51.402 | |
| 13 | Công ty CP gốm Từ Sơn Viglacera | Phường Đình Bảng, TX Từ Sơn | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.156 | |
| 14 | Công ty TNHH Tân Giếng Đáy | Xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 14.468 | |
| 15 | Công ty CPVLXD Tân Sơn | Xã Tri Phương, huyện Tiên Du | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 2.379 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 16 | Công ty CP Dabaco Việt Nam | Đường Lý Thái Tổ, TP Bắc Ninh | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 1.488 | |
| 17 | Công ty CP Ngân Sơn | KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du | Công nghiệp | Sản xuất thuốc lá | 2.429 | |
| 18 | Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Đuống | Phường Đình Bảng, TX Từ Sơn | Nông nghiệp | Hoạt động dịch vụ trồng trọt | 2.986 | |
| 19 | Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Nam Đuống | Thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành | Nông nghiệp | Hoạt động dịch vụ trồng trọt | 1.478 | |
| 20 | Công ty TNHH INTOPS Việt Nam | KCN Yên Phong, Yên Phong | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị truyền thông | 24.923 | |
| 21 | Công ty TNHH Mobase Việt Nam | KCN Yên Phong, Yên Phong | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | 7.069 | |
| 22 | Công ty TNHH Sumitomo Electric Interconect Product Việt Nam | KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | 1.067 | |
| 23 | Công ty CP sữa Tiên Sơn | KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du | Công nghiệp | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa | 2.924 | |
| 24 | Công ty TNHH Tenma - Việt Nam | KCN Quế Võ mở rộng, Quế Võ | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 2.160 | |
| 25 | Công ty TNHH Funing Precision Component ( Bắc Ninh) | KCN Quế Võ, TP Bắc Ninh | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng | 2.589 | |
| 26 | Công ty CP Diana | KCN Tân Chi, Tiên Du | Công nghiệp | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu | 2.101 | |
| 27 | Công ty CP Sản xuất và Thương mại Đức Việt | KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du | Công nghiệp | Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học | 1.083 | |
| 28 | Công ty TNHH Canon Việt Nam - Nhà máy Tiên Sơn | KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du | Công nghiệp | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính | 4.367 | |
| 29 | Công ty TNHH Hà Nội SeowonIntech | KCN Yên Phong, Yên Phong | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị truyền thông | 1.066 | |
| 30 | Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam | KCN Yên Phong, Yên Phong | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị truyền thông | 18.493 | |
| 31 | Công ty TNHH Flexcom Việt Nam | CCN Đông Thọ, Yên Phong | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | 1.938 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 32 | Công ty TNHH Orion vina | KCN Yên Phong, Yên Phong | Công nghiệp | Sản xuất các loại bánh từ bột | 1.056 | |
| 33 | Công ty TNHH AIR LIQUIDE Việt Nam | KCN Quế võ, phường Vân Dương, TP Bắc Ninh | Công nghiệp | Sản xuất hoá chất cơ bản | 4.402 | |
| 34 | Công ty CP Giấy Thành Đạt | Thôn Dương Ổ, xã Phong Khê, TP Bắc Ninh | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 1.269 | |
| 35 | Công ty TNHH NOKIA | Số 8, đường 6, VSIP Bắc Ninh, xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị truyền thông | 2.353 | |
| 36 | Công ty TNHH DK UIL Việt Nam | Lô F1, KCN Quế Võ, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị truyền thông | 1.271 | |
| 37 | Chi nhánh Công ty PEPSICO Việt Nam tại Bắc Ninh | Số 88, đường Hữu Nghị, VSIP Bắc Ninh, xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn | Công nghiệp | Sản xuất đồ uống không cồn | 2.443 | |
| 38 | Công ty TNHH DREAMTECH Việt Nam | Số 2, đường 9 VSIP Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn | Công nghiệp | Sản xuất biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện | 1.336 | |
| 39 | Công ty Giấy và Bao bì Phú Giang | Thôn Tam Tảo, xã Phú Lâm, huyện Tiên Du | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 1.273 | |
| 40 | Chi nhánh Tổng công ty CP Dệt May Hà Nội | Km 12, Quốc lộ 18, xã Việt Hùng, huyện Quế Võ | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 2.148 | |
| 41 | Công ty TNHH Đất hiếm Việt Nam | KCN Thuận Thành 3, xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành | Công nghiệp | Sản xuất hoá chất cơ bản | 1.178 | |
| 42 | Công ty TNHH MITAC COMPUTER Việt Nam | Lô L1-2-3-5-6-7, KCN Quế Võ, phường Vân Dương, TP Bắc Ninh | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | 1.291 | |
| 43 | Công ty TNHH CEDO (Việt Nam) | Lô E5-4, KCN Đại Đồng-Hoàn Sơn, xã Đại Đồng, huyện Tiên Du | Công nghiệp | Sản xuất bao bì từ plastic | 1.832 | |
| 44 | Công ty TNHH TOYO INK COMPOUNDS VN | Lô G9, KCN Quế Võ, xã Vân Dương, TP Bắc Ninh | Công nghiệp | Sản xuất plastic nguyên sinh | 1.163 | |
| 45 | CN Công ty TNHH ASIA PACKAGING INDUSTRIES Việt Nam tại Miền Bắc | Số 2, đường 11, KCN, ĐT&DV VSIP Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.283 | |
| 46 | Công ty TNHH Điện tử FOSTER (Bắc Ninh) | Số 1, đường 11, KCN ĐT&DV VSIP Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng | 1.798 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 47 | Công ty CP REXAM-HANACANS | KCN HaNaKa, thị xã Từ Sơn | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 1.854 | |
| 48 | Công ty CP Đức Thịnh Bắc Ninh | CCN Phong Khê, xã Phong Khê, TP Bắc Ninh | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 1.203 | |
| 49 | Thiết bị vệ sinh Inax | Tỉnh Bắc Ninh | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 2.725 | |
| 50 | Viễn thông Bắc Ninh | Số 62 Ngô Gia Tự, TP Bắc Ninh | Công trình xây dựng | Hoạt động viễn thông không dây | 1.668 | |
| 51 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh | Bồ Sơn, Võ Cường, TP Bắc Ninh | Công trình xây dựng | Hoạt động của các bệnh viện | 50.477 | |
| | **4. TỈNH QUẢNG NINH** | | | | | |
| 1 | Công ty Chế tạo máy TKV | Phường Cẩm Thủy, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Sản xuất biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện | 2.183 | VINACOMIN |
| 2 | Công ty CP Than Cọc Sáu | Phường Cẩm Phú, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | 43.685 | VINACOMIN |
| 3 | Công ty CP Than Vàng Danh | Phường Vàng Danh, TP Uông Bí | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | 8.755 | VINACOMIN |
| 4 | Công ty Than Cao Sơn | Phường Cẩm Sơn, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | 50.338 | VINACOMIN |
| 5 | Công ty Than Đèo Nai | Phường Cẩm Tây, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | 33.841 | VINACOMIN |
| 6 | Công ty Than Dương Huy | Phường Cẩm Thạch, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | 9.415 | VINACOMIN |
| 7 | Công ty Than Hà Lầm | Phường Hà Lầm, TP Hạ Long | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | 8.294 | VINACOMIN |
| 8 | Công ty Than Hạ Long | Phường Cao Xanh, TP Hạ Long | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | 6.705 | VINACOMIN |
| 9 | Công ty Than Hà Tu | Phường Hà Tu, TP Hạ Long | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | 17.931 | VINACOMIN |
| 10 | Công ty Than Hòn Gai | 169 Lê Thánh Tông, TP Hạ Long | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | 9.729 | VINACOMIN |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 11 | Công ty Than Khe Chàm | Phường Mông Dương, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | 6.233 | VINACOMIN |
| 12 | Công ty Than Mạo Khê | Thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | 5.995 | VINACOMIN |
| 13 | Công ty Than Mông Dương | Phường Mông Dương, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | 4.555 | VINACOMIN |
| 14 | Công ty Than Nam Mẫu | Phường Quang trung, TP Uông Bí | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | 7.613 | VINACOMIN |
| 15 | Công ty Than Núi Béo | 799 Lê Thánh Tông, TP Hạ Long | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | 21.604 | VINACOMIN |
| 16 | Công ty Than Quang Hanh | 302 Trần Phú, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | 7.530 | VINACOMIN |
| 17 | Công ty Than Thống Nhất | Phường Cẩm Tây, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | 83.101 | VINACOMIN |
| 18 | Công ty Than Uông Bí | Phường Trưng Vương, TP Uông Bí | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | 6.737 | VINACOMIN |
| 19 | Công ty Tuyển Than Cửa Ông | Phường Cửa Ông, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | 9.512 | VINACOMIN |
| 20 | Công ty Tuyển Than Hòn Gai | Phường Bạch Đằng, TP Hạ Long | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | 3.800 | VINACOMIN |
| 21 | Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả | Phường Cẩm Thịnh, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Sản xuất điện | 458.173 | VINACOMIN |
| 22 | Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Uông Bí - Nhà máy điện 110MW | Phường Quang Trung, TP Uông Bí | Công nghiệp | Sản xuất điện | 282.796 | EVN |
| 23 | Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Uông Bí - Nhà máy điện 300MW | Phường Quang Trung, TP Uông Bí | Công nghiệp | Sản xuất điện | 445.135 | EVN |
| 24 | Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh | Tổ 33, Khu 5, phường Hà Khánh, TP Hạ Long | Công nghiệp | Sản xuất điện | 881.410 | EVN |
| 25 | Tổng công ty Đông Bắc | Phường Hồng Hải, TP Hạ Long | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | 54.299 | |
| 26 | Công ty CP Xi măng Cẩm Phả | Phường Cẩm Thạnh, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 131.487 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 27 | Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh | KCN Cái Lân, TP Hạ Long | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 107.197 | |
| 28 | Công ty CP Xi măng Hạ Long | Xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 127.768 | |
| 29 | Công ty CP Xi măng Thăng Long | Xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 241.761 | |
| 30 | Công ty CP XL và SX VLXD Hà Khẩu | Phường Hà Khẩu, TP Hạ Long | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 2.280 | |
| 31 | Công ty CP Viglacera Hạ Long | Phường Hà Khẩu, TP Hạ Long | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 90.087 | |
| 32 | Công ty Dầu thực vật Cái Lân | KCN Cái Lân, phường Bãi Cháy, TP Hạ Long | Công nghiệp | Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động, thực vật | 10.319 | |
| 33 | Công ty TNHH MTV Đóng tầu Hạ Long | KCN Cái Lân, phường Bãi Cháy, TP Hạ Long | Công nghiệp | Đóng tàu và cấu kiện nổi | 3.177 | |
| 34 | Công ty TNHH Sợi hoá học Thế kỉ mới Việt Nam | KCN Cái Lân, phường Bãi Cháy, TP Hạ Long | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 1.697 | |
| 35 | Công ty TNHH MTV VINA New Tarps | KCN Cái Lân, phường Bãi Cháy, TP Hạ Long | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.096 | |
| 36 | Công ty TNHH Vi Sơn | Số 36 Kim Thành, xã Kim Sơn, huyện Đông Triều | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 28.432 | |
| 37 | Công ty TNHH Hưng Long | Thôn An Biên, xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.954 | |
| 38 | Công ty CP Gạch ngói Hải Ninh | Phường Ninh Dương, TP Móng Cái | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 3.213 | |
| 39 | NM Gạch ngói Tuynen Đầm Hà | Xã Tân Bình, huyện Đầm Hà | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 2.374 | |
| 40 | Công ty CP Tập đoàn Hoàng Hà | KCN Kim Sơn, huyện Đông Triều | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 2.014 | |
| 41 | Công ty CP SX VLXD Kim Sơn | Thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 4.959 | |
| 42 | Công ty TNHH Xây dựng Thắng Lợi | Xã Đức Chính, huyện Đông Triều | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 8.803 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 43 | Công ty CP Đông Triều Viglacera | Xã Xuân Sơn, huyện Đông Triều | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 14.250 | |
| 44 | Công ty CP Sông Hồng 12 | Xã Xuân Sơn, huyện Đông Triều | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 2.056 | |
| 45 | Công ty CP Viglacera Hạ Long 1 | Km6 Cộng Hòa, huyện Yên Hưng | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 7.586 | |
| 46 | Công ty CP Gốm XD Yên Thọ | Xã Hoàng Quế, huyện Đông Triều | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.457 | |
| 47 | Công ty TNHH Sản xuất bột mì VIMAFLOUR | Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long | Công nghiệp | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột | 2.090 | |
| 48 | Công ty TNHH CN Young Sun Wolfram | KCN Cái Lân, TP hạ Long | Công nghiệp | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý | 1.358 | |
| 49 | Công ty TNHH Integral Materials Investment Việt Nam | KCN Việt Hưng, phường Việt Hưng, TP Hạ Long | Công nghiệp | Sản xuất hoá chất cơ bản | 1.536 | |
| 50 | NM nước Diễn Vọng | Phường Quang Hanh, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 1.485 | |
| 51 | Công ty CP Gốm Đất Việt | Xã Tràng An, huyện Đông Triều | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.813 | |
| 52 | Công ty CP Vĩnh Thắng | CCN Kim Sơn, huyện Đông Triều | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 2.130 | |
| 53 | Công ty CP Gạch ngói Đất Việt | Xã Tràng An, huyện Đông Triều | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.002 | |
| 54 | NMNĐ Mạo Khê | Xã Bình Khê, huyện Đông Triều | Công nghiệp | Sản xuất điện | 788.400 | |
| 55 | Công ty TNHH Khoa học Texhong Ngân Long | KCN Hải Yên, TP Móng Cái | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 58.325 | |
| 56 | Công ty Gốm XD Hoàng Quế Quảng Ninh | Xã Hoàng Quế, huyện Đông Triều | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 2.204 | |
| 57 | Công ty CP Công nghiệp Tân Tiến | Phường Quang Hanh, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 3.168 | |
| 58 | Công ty TNHH ĐT&TM Quang Minh | Phường Cẩm Trung, TP Cẩm Phả | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) | 8.800 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 59 | Công ty CP Hoàng Trường | Phường Cẩm Thủy, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 6.160 | |
| 60 | Công ty Xây dựng mỏ hầm lò 1 | Phường Cẩm Phú, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 8.239 | |
| 61 | Công ty Xây dựng mỏ hầm lò 2 | Phường Quang Trung, TP Uông Bí | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 1.525 | |
| 62 | Công ty TNHH MTV Môi trường - Vinacomin | Phường Cẩm Thủy, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 2.131 | |
| 63 | Công ty CP Than Tây Nam Đá Mài | Phường Cẩm Sơn, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | 13.968 | |
| 64 | Công ty TNHH MTV khai thác khoáng sản và dịch vụ ITASCO Vinacomin | 55A Lê Thánh Tông, TP Hạ Long | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | 2.131 | |
| 65 | Công ty CP TM Tuấn Tiến | TT Mạo Khê, huyện Đông Triều | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng | 47.404 | |
| 66 | Công ty CP Vĩnh Tiến | TT Mạo Khê, huyện Đông Triều | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.189 | |
| 67 | Công ty TNHH sản xuất gạch xây dựng Hải Hà | Phường Quang Hanh, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.130 | |
| 68 | Công ty CP Thành Đạt | Phường Ka Long, TP Móng Cái | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 5.412 | |
| 69 | XN Khai thác đá Phương Đông | Phường Phương Đông, TP Uông Bí | Công nghiệp | Khai thác đá | 1.142 | |
| 70 | Công ty TNHH Một Thành Viên 86 | Phường Quang Hanh, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | 1.768 | |
| 71 | Công ty Than Hồng Thái - TKV | Phường Phương Đông, TP Uông Bí | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | 3.165 | |
| 72 | Công ty PT Vietmindo Energitama | Uông Thương, TP Uông Bí | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | 1.835 | |
| 73 | Công ty CN Hóa chất Mỏ Cẩm Phả | Phường Cẩm Sơn, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu | 1.599 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 74 | XN Kho vận Xăng dầu K130 - Công ty Xăng dầu B12 | Phường Hà Khẩu, TP Hạ Long | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng | 1.327 | |
| 75 | Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả TKV | Phường Cửa Ông, TP Cẩm Phả | Vận tải | Bốc xếp hàng hóa cảng sông | 2.896 | |
| 76 | Công ty Kho vận Đá Bạc TKV | Trưng Vương, TP Uông Bí | Vận tải | Bốc xếp hàng hóa cảng sông | 9.898 | |
| 77 | Công ty Vật tư Vận tải và Xếp dỡ TKV | Phường Cẩm Đông, TP Cẩm Phả | Vận tải | Bốc xếp hàng hóa cảng sông | 1.154 | |
| 78 | Công ty Kho vận Hòn Gai | Phường Hồng Hà, TP Hạ Long | Vận tải | Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa bằng phương tiện cơ giới | 1.817 | |
| 79 | Công ty CP Vận tải thủy | 169 Lê Thánh Tông, TP Hạ Long | Vận tải | Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa bằng phương tiện cơ giới | 2.492 | |
| 80 | Công ty CP Vận tải và đưa đón thợ mỏ | Phường Cẩm Đông, TP Cẩm Phả | Vận tải | Vận tải bằng xe buýt | 2.712 | |
| 81 | Công ty CP Hoa Sơn | Phường Hà Trung, TP Hạ Long | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) | 1.687 | |
| 82 | Công ty TNHH Phúc Xuyên | Phường Yên Thanh, TP Uông Bí | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) | 2.295 | |
| 83 | CN Công ty VLXD và XLTM Quảng Ninh | Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) | 4.659 | |
| 84 | Công ty CP TM&DV Bạch Đằng Hạ Long | Phường Hà Khánh, TP Hạ Long | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) | 3.995 | |
| 85 | Công ty CP Tú Linh | Phường Cẩm Sơn, TP Cẩm Phả | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) | 2.657 | |
| 86 | Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thái Gia | Km8, Phường Quang Hanh, TP Cẩm Phả | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) | 3.159 | |
| 87 | Công ty CP Hải Dương | Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) | 3.752 | |
| 88 | Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bắc Dương | Phường Hà Khẩu, TP Hạ Long | Vận tải | Bốc xếp hàng hóa cảng sông | 1.179 | |
| 89 | Công ty Đầu tư xây dựng và Thương mại | Phường Cẩm Phú, TP Cẩm Phả | Vận tải | Bốc xếp hàng hóa cảng sông | 7.713 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 90 | Công ty CPTM Vinashin Hạ Long | Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long | Vận tải | Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa bằng phương tiện cơ giới | 2.067 | |
| 91 | Công ty CP Hàng hải Quảng Hưng | Phường Hồng Hải, TP Hạ Long | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) | 7.481 | |
| 92 | Công ty TNHH Hưng Bình | Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) | 2.968 | |
| 93 | Chi nhánh Công ty CPVT Xăng dầu Hải Dương tại Quảng Ninh | Phường Đại Yên, TP Hạ Long | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng | 1.295 | |
| 94 | Ban Quản lý các dịch vụ công ích TP Hạ Long | Số 18 Lê Thánh Tông, TP Hạ Long | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | 535 | |
| 95 | Chi nhánh Công ty Metro Cash & Carry | Phường Hà Tu, TP Hạ Long | Công trình xây dựng | Bán buôn tổng hợp | 501 | |
| 96 | Công ty TNHH Âu Lạc Quảng Ninh | Phường Tuần Châu, TP Hạ Long | Công trình xây dựng | Khách sạn | 501 | |
| 97 | Công ty CP Quốc tế Hoàng Gia | Phường Bãi Cháy, TP Hạ long | Công trình xây dựng | Khách sạn | 857 | |
| 98 | Công ty CP Giải trí Lợi Lai | Phường Ka Long, TP Móng Cái | Công trình xây dựng | Khách sạn | 789 | |
| | **5. TỈNH HẢI DƯƠNG** | | | | | |
| 1 | Công ty CP Đá mài Hải Dương | Số 314 Điện Biên Phủ, phường Bình Hàn, TP Hải Dương | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu | 4.966 | |
| 2 | Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại | Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh | Công nghiệp | Sản xuất điện | 1.841.911 | EVN |
| 3 | Công ty CP Nhựa và môi trường xanh An Phát | Lô CN11+CN12, CCN An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách | Công nghiệp | Sản xuất bao bì từ plastic | 3.139 | |
| 4 | Công ty CP Luyện kim Tân Nguyên Hải Dương Việt Nam | Thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 25.012 | |
| 5 | Công ty CP Thép Hòa Phát | Xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 21.901 | |
| 6 | Công ty TNHH Dây và Cáp điện ô tô SUMIDEN VN | KCN Đại An, TP Hải Dương | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | 2.080 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 7 | Công ty TNHH Sản xuất vật liệu xây dựng Thành Công | Thôn Quỳnh Khê, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 2.211 | |
| 8 | Công ty CP SX Vật liệu XD Thành Công III | Xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 5.334 | |
| 9 | Công ty CP Chăn Nuôi C.P. Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương | KCN Tân Trường, huyện Cẩm Giàng | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 1.754 | |
| 10 | Công ty TNHH KEFICO Việt Nam | KCN Đại An, TP Hải Dương | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | 1.360 | |
| 11 | Công ty TNHH Điện tử UMC Việt Nam | KCN Tân Trường, huyện Cẩm Giàng | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | 2.076 | |
| 12 | Công ty TNHH Công nghiệp BROTHER Việt Nam | KCN Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng | Công nghiệp | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính | 2.975 | |
| 13 | Công ty TNHH Phú Tân | Xã Duy Tân, huyện Kinh Môn | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 6.590 | |
| 14 | Công Ty TNHH HITACHI CABLE Việt Nam | KCN Tân trường, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng | Công nghiệp | Sản xuất dây cáp, dây điện và điện tử khác | 1.796 | |
| 15 | Công ty TNHH SUMIDENSO Việt Nam | KCN Đại An, TP Hải Dương | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | 2.284 | |
| 16 | Công ty CP Trúc Thôn | Thôn Trúc, xã Cộng Hoà, thị xã Chí Linh | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.582 | |
| 17 | CN Công ty CP CN Tung Kuang | Xã Tân Trường, huyện Cẩm giàng | Công nghiệp | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý | 1.213 | |
| 18 | Công ty TNHH Thành Dũng | Xã Long Xuyên, huyện Kinh Môn | Công nghiệp | Sản xuất giấy nhăn và bìa nhăn | 2.308 | |
| 19 | Công ty CP B.C.H | Xã Kim Lương, huyện Kim Thành | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 8.928 | |
| 20 | Công ty CP Tân Hà Kiều | Thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn | Công nghiệp | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt chưa được phân vào đâu | 9.383 | |
| 21 | Công ty TNHH Điện tử IRISO Việt Nam | KCN Tân Trường, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | 1.275 | |
| 22 | Công ty CP Giầy Cẩm Bình | Thị trấn Lai Cách, huyện Hải Dương | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 1.938 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 23 | Công ty Xi măng Phúc Sơn | Thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 47.416 | |
| 24 | Nhà máy Xi măng Thành Công II | Xã Duy Tân, huyện Kinh Môn | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 1.748 | |
| 25 | Công ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình | Xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng | Công nghiệp | Sản xuất dây cáp, dây điện và điện tử khác | 1.289 | |
| 26 | Công ty TNHH may Tinh Lợi | KCN Nam Sách, huyện Nam Sách | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 2.308 | |
| 27 | Công ty TNHH Uniden Việt Nam | Lô 5.1, KCN Tân Trường, xã Tân Trường, Huyện Cẩm Giàng | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị truyền thông | 1.767 | |
| 28 | Công ty TNHH Công nghệ Vĩnh Hàn Precision | KCN Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.316 | |
| 29 | Công ty TNHH KPF Việt Nam | Lô XN2, KCN Đại An mở rộng, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 3.889 | |
| 30 | Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch | Khu 2 Bích Nhôi, Thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 50.549 | VICEM |
| | **6. THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH MTV Đóng tàu Phà Rừng | Thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên | Công nghiệp | Đóng tàu và cấu kiện nổi | 1.073 | |
| 2 | Công ty CNTT Nam Triệu | Xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên | Công nghiệp | Đóng tàu và cấu kiện nổi | 2.006 | |
| 3 | Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng | Thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 103.361 | VICEM |
| 4 | Công ty Xi măng Chinfon | Thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 263.564 | |
| 5 | Công ty CP Xi măng Tân Phú Xuân | Xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 1.035 | |
| 6 | Công ty TNHH Ống thép Vinapipe | Km9, Quán Toan, quận Hồng Bàng | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.590 | |
| 7 | Công ty CP Thép Đình Vũ | KCN Đình Vũ, quận Hải An | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 3.128 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | Công ty CP Luyện thép Việt Ý | KCN Cầu Kiền, xã Hoàng Động, huyện Thủy Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 29.360 | |
| 9 | Công ty LD Sản xuất thép Vinausteel | Km9, Quán Toan, quận Hồng Bàng | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 2.522 | |
| 10 | Công ty Thép VSC Posco | Km9, Quán Toan, quận Hồng Bàng | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 8.406 | |
| 11 | Công ty CP Thép Úc SSE | Km9, Quán Toan, quận Hồng Bàng | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 10.630 | |
| 12 | Công ty CP Thép Việt Nhật | Km9, Quán Toan, quận Hồng Bàng | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.210 | |
| 13 | Công ty TNHH CNN Doosan Vina HP | Km92, QL5, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng | Công nghiệp | Sản xuất các cấu kiện kim loại | 1.686 | |
| 14 | Công ty TNHH Cơ khí Việt Nhật | Km9, Quán Toan, quận Hồng Bàng | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.427 | |
| 15 | Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong | Số 2, An Đà, quận Ngô Quyền | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 3.875 | |
| 16 | Công ty TNHH CN Nhựa Phú Lâm | Km9, Phạm Văn Đồng, phường Hải Thành, quận Dương Kinh | Công nghiệp | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu | 4.334 | |
| 17 | Công ty TNHH CN Nhựa Chinhuei | Km9, Phạm Văn Đồng, phường Hải Thành, quận Dương Kinh | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.065 | |
| 18 | Công ty CP Cáp điện LS Vina | Cầu Bính, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng | Công nghiệp | Sản xuất dây cáp, dây điện và điện tử khác | 4.218 | |
| 19 | Công ty CP Hóa chất Minh Đức | Thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất hoá chất cơ bản | 5.525 | |
| 20 | Công ty TNHH MTV DAP - Vinachem | Lô GI7 - Khu Kinh tế Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An | Công nghiệp | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ | 33.955 | VINACHEM |
| 21 | Công ty TNHH Đỉnh Vàng | Số 1167 Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Đông Hải, quận Hải An | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 1.917 | |
| 22 | Công ty TNHH Sao Vàng | Thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 1.325 | |
| 23 | Công ty CP giầy Aurora VN | Xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 3.098 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 24 | Công ty CP Thuận Ích | Số 32 Trần Phú, quận Ngô Quyền | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 1.581 | |
| 25 | Công ty CP Giấy Hapaco | Xã Đại Bản, huyện An Dương | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 1.838 | |
| 26 | Công ty TNHH Thủy tinh Sanmiguel | Số 17A Ngô Quyền, quận Ngô Quyền | Công nghiệp | Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh | 7.974 | |
| 27 | Công ty TNHH MTV Cấp nước Hải Phòng | Số 54 Đinh Tiên Hoàng, quận Hồng Bàng | Công nghiệp | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 2.242 | |
| 28 | Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng | Số 16 Lạch Tray, quận Ngô Quyền | Công nghiệp | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia | 2.513 | |
| 29 | NM Sản xuất thức ăn gia súc Proconco | KCN Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 3.516 | |
| 30 | Công ty CP Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ | Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An | Công nghiệp | Bốc xếp hàng hóa cảng biển | 1.399 | |
| 31 | Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng | Xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất điện | 830.352 | EVN |
| 32 | Công ty CP Hóa dầu và sơ sợi dầu khí | KCN Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 8.851 | |
| 33 | Công ty TNHH Toyota Boshoku HP | KCN Nomura, quận An Dương | Công nghiệp | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu | 4.328 | |
| 34 | Công ty TNHH Synztec Việt Nam | KCN Nomura, quận An Dương | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su | 1.866 | |
| 35 | Công ty TNHH Toyoda Gosei Hải Phòng | KCN Nomura, quận An Dương | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | 1.720 | |
| 36 | Công ty TNHH GE Việt Nam | KCN Nomura, quận An Dương | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị điện khác | 1.663 | |
| 37 | Công ty TNHH Takahata Precision Việt Nam | KCN Nomura, quận An Dương | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.114 | |
| 38 | Công ty TNHH Quốc tế Vĩnh Chân VN | Lô CN 16 CCN Tân Liên, huyện Vĩnh Bảo | Công nghiệp | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu | 1.085 | |
| 39 | Công ty CP Đồ hộp Hạ Long | Số 71 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền | Công nghiệp | Chế biến và đóng hộp thuỷ sản | 1.747 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 40 | Công ty CP Luyện gang Vạn Lợi | Xã An Hồng, huyện An Dương | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.886 | |
| 41 | Công ty CP Bao bì và In công nghệ cao Đình Vũ | Số 5 Thiên Lôi, quận Ngô Quyền | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 13.319 | |
| 42 | Công ty TNHH Sunmax VN | Km8, Phạm Văn Đồng, phường Hải Thành, quận Dương Kinh | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su | 11.318 | |
| 43 | Công ty CP Container Việt Nam | Số 11 Võ Thị Sáu, quận Ngô Quyền | Vận tải | Bốc xếp hàng hóa cảng biển | 2.463 | |
| 44 | Công ty CP Vận tải thuỷ số 3 | Số 22 đường Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng | Vận tải | Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa bằng phương tiện cơ giới | 6.183 | |
| 45 | Công ty CP Vận tải Xăng Dầu VIPCO Hải Phòng | Số 37 Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng | Vận tải | Vận tải hàng hóa viễn dương | 4.266 | |
| 46 | Công ty CP Phát triển Hàng Hải | Số 11 Võ Thị Sáu, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền | Vận tải | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác | 1.367 | |
| 47 | Công ty CP VTB Việt Nam | Số 215 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền | Vận tải | Bốc xếp hàng hóa cảng sông | 3.792 | |
| 48 | Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng | Số 8A Trần Phú, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền | Vận tải | Bốc xếp hàng hóa cảng biển | 4.085 | |
| 49 | Công ty CP Thương mại Vận tải Trung Dũng | Số 8, Lô 6B, Lê Hồng Phong, quận Ngô Quyền | Vận tải | Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh | 26.557 | |
| 50 | Công ty CP Vận tải biển Việt Nam | Số 215 Lạch Tray, quận Ngô Quyền | Vận tải | Vận tải hàng hóa viễn dương | 8.483 | |
| 51 | Công ty CP Quốc tế và Dịch vụ Đại siêu thị BigC HP | Số 1/20, Khu đô thị mới Sở Dầu, quận Hồng Bàng | Công trình xây dựng | Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại | 22.208 | |
| 52 | Công ty TNHH Metro Cash & Carry VN | Số 2, Khu đô thị mới Sở Dầu, quận Hồng Bàng | Công trình xây dựng | Bán buôn tổng hợp | 3.052 | |
| 53 | Công ty CP Xây dựng và Thương mại Thùy Dương | Số 519 Lê Hồng Phong, quận Ngô Quyền | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 1.119 | |
| **7. TỈNH HƯNG YÊN** | | | | | | |
| 1 | Công ty CP HYUNDAI ALUMINUM VINA | KCN Phố Nối A, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 8.950 | |
| 2 | Công ty TNHH MTV Thép Hòa Phát | KCN Phố Nối A, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 52.779 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Công ty TNHH JP Corelex (Việt Nam) | KCN Phố Nối A, Văn Lâm, Hưng Yên | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 12.209 | |
| 4 | Công ty CP Thép Việt - Ý | KCN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 13.281 | |
| 5 | Công ty TNHH Song Long | Xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 3.793 | |
| 6 | Công ty TNHH Toko Việt Nam | Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 4.785 | |
| 7 | Công ty CP Mikado Hưng Yên | Xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.024 | |
| 8 | CN Công ty CP ACECOOK VN tại Hưng Yên | KCN Như Quỳnh, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự | 1.239 | |
| 9 | Công ty CP Hưng Phú | KCN Phố Nối B, huyện Yên Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 2.092 | |
| 10 | Công ty CP Inox Hòa Bình | Xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.310 | |
| 11 | Công ty TNHH MTV khai thác Thủy Lợi HY | Số 47, đường Trưng Trắc, phường Quang Trung, TP Hưng Yên | Nông nghiệp | Hoạt động dịch vụ trồng trọt | 1.816 | |
| 12 | Công ty CP Dầu thực vật Quang Minh | Thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động | Công nghiệp | Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động, thực vật | 1.032 | |
| 13 | Công ty CP Nhựa Hưng Yên | Số 115 Nguyễn Thiện Thuật, phường Minh Khai, TP Hưng Yên | Công nghiệp | Sản xuất bao bì từ plastic | 1.697 | |
| 14 | Công ty TNHH Gas Việt Nhật Miền Bắc | KCN Thăng Long II, huyện Yên Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất hoá chất cơ bản | 3.353 | |
| 15 | Công ty TNHH MUSASHI AUTO PARTS Việt Nam | KCN Thăng Long II, huyện Yên Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | 1.403 | |
| 16 | Công ty TNHH HAMADEN Việt Nam | KCN Thăng Long II, huyện Yên Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | 1.582 | |
| 17 | Công ty TNHH Sản xuất phụ tùng ô tô xe máy Việt Nam | Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | 4.543 | |
| 18 | Công ty TNHH Thép Nhật Quang | Xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 2.495 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | Công ty TNHH Thiết bị điện Lioa | Xã Đình Dù, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại | 2.465 | |
| 20 | Công ty TNHH Tae Yang Việt Nam | KCN Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng | 2.913 | |
| 21 | Công ty TNHH PIC Việt Nam | KCN Phố Nối A, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu | 1.751 | |
| 22 | Công ty TNHH Kyocera Việt Nam | KCN Thăng Long II, huyện Yên Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | 1.274 | |
| 23 | Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc | Xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.422 | |
| 24 | Công ty TNHH Dây và Cáp điện Ngọc Khánh | Xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất dây cáp, dây điện và điện tử khác | 1.340 | |
| 25 | Công ty TNHH Dây và Cáp điện ô tô Sumiden Việt Nam | KCN Thăng Long II, huyện Yên Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất dây cáp, dây điện và điện tử khác | 1.109 | |
| 26 | Công ty CP Thực phẩm XK Trung Sơn, Hưng Yên | Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.374 | |
| 27 | Công ty TNHH Dệt và Nhuộm Hưng Yên | Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào | Công nghiệp | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác | 4.232 | |
| 28 | Công ty TNHH DORCO VINA | KCN Phố Nối A, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng | 2.881 | |
| 29 | Công ty TNHH HOYA Glass Disk Việt Nam II | KCN Thăng Long II, huyện Yên Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) | 5.973 | |
| 30 | Công ty TNHH Thép cán nguội Hoà Phát | Khu D, KCN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.059 | |
| 31 | Công ty TNHH Sản xuất - TM Hoà Bình | Xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 1.057 | |
| **8. TỈNH THÁI BÌNH** | | | | | | |
| 1 | Công ty CP Bitexco Nam Long | KCN Nguyễn Đức Cảnh, TP Thái Bình | Công nghiệp | Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) | 5.071 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Công ty CP Tập đoàn Hương Sen | 18, Trần Thái Tông, TP Thái Bình | Công nghiệp | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia | 4.329 | |
| 3 | Công ty CP VLXD Thái Thủy | Xã Thái Thủy, huyện Thái Thụy | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 3.475 | |
| 4 | Công ty CP VLXD Đống Năm | Xã Đông Động, huyện Đông Hưng | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 3.086 | |
| 5 | Công ty CP TM XNK DATEX | KCN Nguyễn Đức Cảnh, TP Thái Bình | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 4.171 | |
| 6 | Công ty TNHH May NienhSing Việt Nam | KCN Phúc Khánh, TP Thái Bình | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 9.514 | |
| 7 | Công ty CP VLXD Tiền Phong | Phường Tiền Phong, TP Thái Bình | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 7.191 | |
| 8 | Công ty CP Sợi Trà Lý | Phường Tiền Phong, TP Thái Bình | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 2.374 | |
| 9 | Công ty TNHH Hợp Thành | KCN Nguyễn Đức Cảnh, TP Thái Bình | Công nghiệp | Sản xuất sợi nhân tạo | 1.188 | |
| 10 | Công ty TNHH TAV | KCN Nguyễn Đức Cảnh, TP Thái Bình | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 4.933 | |
| 11 | Công ty CP Dệt sợi Đam San | KCN Nguyễn Đức Cảnh, TP Thái Bình | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 1.904 | |
| 12 | Công ty Gốm xây dựng Đại Thắng | KCN Nguyễn Đức Cảnh, TP Thái Bình | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 4.662 | |
| 13 | Công ty TNHH Dệt Đại Cường Thái Bình | KCN Nguyễn Đức Cảnh, TP Thái Bình | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 2.368 | |
| 14 | Công ty CP Gạch ốp lát Thái Bình | Xã Đông Lâm, huyện Tiền Hải | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.110 | |
| 15 | Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh sứ Hảo Cảnh | Xã Đông Cơ, huyện Tiền Hải | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.013 | |
| 16 | Chi nhánh Công ty CP Viglacera Tiên Sơn | KCN Tiền Hải, huyện Tiền Hải | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.607 | |
| 17 | Nhà máy Gạch men Mikado | Xã Đông Lâm, huyện Tiền Hải | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 2.854 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 18 | Công ty TNHH Thép đặc biệt Shengli Việt Nam | KCN Cầu Nghìn, xã An Bài, huyện Quỳnh Phụ | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 48.619 | |
| 19 | Công Ty TNHH Pha Lê Việt Tiệp Thái Bình | Lô 43.588,1m2, xã Tây Sơn, huyện Tiền Hải | Công nghiệp | Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh | 5.420 | |
| 20 | Công ty CP Du lịch và thương mại Hải Bình | Lô 23/CL2, Khu Đô thị Trần Lãm, phường Trần Lãm, TP Thái Bình | Vận tải | Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa bằng phương tiện cơ giới | 8.790 | |
| | | **9. TỈNH HÀ NAM** | | | | |
| 1 | Công ty CP Xi măng Vicem Bút Sơn | Xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 247.160 | VICEM |
| 2 | Xí nghiệp Gạch Mộc Bắc | Xã Mộc Bắc, huyện Duy Tiên | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.500 | |
| 3 | Công ty TNHH Đồng kỹ thuật Korea VN | KCN Đồng Văn, huyện Duy Tiên | Công nghiệp | Sản xuất dây cáp, dây điện và điện tử khác | 1.156 | |
| 4 | Công ty CP Xi măng Vissai 3 | Xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 79.146 | |
| 5 | Công ty CP Xi măng Xuân Thành | Xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 73.650 | |
| 6 | Công ty TNHH Việt Đức | Xã Tiên Động, huyện Bình Lục | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.384 | |
| 7 | Công ty CP Nhựa Châu Âu | KCN Đồng Văn, huyện Duy Tiên | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.641 | |
| 8 | Công ty TNHH MTV Hanoisimex Hà Nam | KCN Đồng Văn, huyện Duy Tiên | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 2.971 | |
| 9 | Công ty CP Xi măng Hoàng Long | Xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 6.949 | |
| 10 | Công ty HACERA | CCN Tây Nam, TP Phủ Lý | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 3.822 | |
| 11 | Công ty TNHH Showa Denko Rare Earth VN | KCN Đồng Văn, huyện Duy Tiên | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu | 1.333 | |
| 12 | Công ty TNHH HTĐ Sumi VN | KCN Đồng Văn, huyện Duy Tiên | Công nghiệp | Sản xuất dây cáp, dây điện và điện tử khác | 1.423 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 13 | Công ty Friesland Campina Hà Nam | CCN Tây Nam, TP Phủ Lý | Công nghiệp | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa | 1.977 | |
| 14 | Công ty CP Khoáng sản Fecon | CCN Thi Sơn, huyện Kim Bảng | Công nghiệp | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao | 1.596 | |
| 15 | Công ty TNHH Gạch Tuynel Việt Tiệp | Huyện Lý Nhân | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 2.657 | |
| 16 | CN Công ty CP Thực phẩm Hữu Nghị tại Hà Nam | KCN Đồng Văn, huyện Duy Tiên | Công nghiệp | Sản xuất các loại bánh từ bột | 1.587 | |
| 17 | Công ty Dệt Hà Nam | KCN Châu Sơn, TP Phủ Lý | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 14.673 | |
| 18 | Công ty CP Xi măng Vissai Hà Nam | Xã Than Tân, huyện Thanh Liêm | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 1.028 | |
| 19 | Công ty Xi măng Kiện Khê | TT Kiện Khê, huyện Thanh Liêm | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 6.697 | |
| 20 | Công ty CP Đầu tư công nghệ và Thương mại Ha Na | Tổ 3, Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 1.350 | |
| 21 | Công ty Dệt may Châu Giang | Xã Hoà Hậu, huyện Lý Nhân | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 1.458 | |
| 22 | Công ty TNHH Nhựa Đông Á | Phường Châu Sơn, TP Phủ Lý | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.076 | |
| 23 | Công ty CP dinh dưỡng Hồng Hà | KCN Đồng Văn, huyện Duy Tiên | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 1.221 | |
| 24 | Công ty CP Thép Hưng Thịnh | KCN Đồng Văn, huyện Duy Tiên | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.604 | |
| 25 | Công ty TNHH Vận tải Vạn Hải Lý | Tiểu khu La Mát, TT Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam -ĐT | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) | 1.583 | |
| | **10. TỈNH NAM ĐỊNH** | | | | | |
| 1 | Tổng công ty CP Dệt may Nam Định | Số 43 Tô Hiệu, TP Nam Định | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 8.309 | |
| 2 | Công ty CP Dệt May Sơn Nam | Số 63 Nguyễn Văn Trỗi, phường Trần Quang Khải, TP Nam Định | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 3.401 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Công ty TNHH Kim khí Anh Tú | Số 9, Thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 3.212 | |
| 4 | Công ty TNHH Youngone Nam Định | KCN Hoà Xá, TP Nam Định | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 1.994 | |
| 5 | Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Bắc Nam Hà | Lô D2 KCN Đông Mạc, phường Thống Nhất, TP Nam Định | Nông nghiệp | Hoạt động dịch vụ trồng trọt | 1.782 | |
| 6 | Công ty CP Lâm sản Nam Định | Lô C1 Đường D2 KCN Hòa xá, TP Nam định | Công nghiệp | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ | 1.568 | |
| 7 | Công ty CP May Sông Hồng | Số 105 đường Nguyễn Đức Thuận, phường Thống Nhất, TP Nam Định | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 1.501 | |
| 8 | Công ty CP Dệt lụa Nam Định | Số 4 Đường Hà Huy Tập, TP Nam Định | Công nghiệp | Sản xuất vải dệt thoi | 1.351 | |
| 9 | Công ty TNHH Thắng Lợi | Số 5 đường N1, CCN An Xá, TP Nam Định | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 1.190 | |
| 10 | Công ty CP Dây lưới thép Nam Định | Số 67 Nguyễn Văn Trỗi, TP Nam Định | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 1.062 | |
| **11. TỈNH NINH BÌNH** | | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình | KCN Khánh Phú, huyện Yên khánh | Công nghiệp | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ | 387.418 | |
| 2 | Công ty TNHH Tập đoàn The Vissai | KCN Gián Khẩu, huyện Gia Viễn | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 250.507 | |
| 3 | Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp | KCN Tam Điệp, thị xã Tam Điệp | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 124.538 | VICEM |
| 4 | Chi nhánh NM Xi măng Duyên Hà | Xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 174.688 | |
| 5 | Công ty CP Xi măng Hệ Dưỡng | Xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 234.114 | |
| 6 | Công ty TNHH Giày Adora Việt Nam | KCN Tam Điệp, thị xã Tam Điệp | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 4.644 | |
| 7 | Nhà máy Thép chất lượng cao Tam Điệp | KCN Tam Điệp, thị xã Tam Điệp | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 6.080 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | Công ty TNHH May Phoenix | KCN Tam Điệp, thị xã Tam Điệp | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 11.017 | |
| 9 | NM Kính nổi Tràng An | KCN Khánh Phú, huyện Yên khánh | Công nghiệp | Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh | 25.724 | |
| 10 | Công ty CP Phân lân Ninh Bình | Xã Ninh An, huyện Hoa Lư | Công nghiệp | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ | 29.876 | |
| 11 | Công ty CP Gạch ngói Sông Chanh - NM gạch Gia Tường | Xã Gia Tường, huyện Nho Quan | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 5.359 | |
| 12 | Công ty CP Gạch ngói Gia Thanh | Xã Gia Thanh, huyện Gia Viễn | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.459 | |
| 13 | Công ty CP VLXD và Xây lắp số 5 | Phường Nam Sơn, TX Tam Điệp | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 4.088 | |
| 14 | Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình | Phường Thanh Bình, TP Ninh Bình | Công nghiệp | Sản xuất điện | 280.306 | EVN |
| 15 | Công ty TNHH May NIENHSING Ninh Bình | KCN Khánh Phú, huyện Yên khánh | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 1.207 | |
| 16 | Công ty CP Xi măng Hướng Dương | Phường Nam Sơn, Thị xã Tam Điệp | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 21.253 | |
| 17 | Công ty TNHH thép KYOEI Việt Nam | KCN Khánh Phú, huyện Yên khánh | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 5.616 | |
| 18 | Công ty TNHH Dương Giang | KCN Khánh Phú, huyện Yên khánh | Công nghiệp | Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh | 3.558 | |
| 19 | Tập đoàn Xuân Thành | Số 08, Đường 1, Phố 9, phường Đông Thành, TP Ninh Bình | Công nghiệp | Xây dựng công trình công ích | 2.164 | |
| 20 | Công ty TNHH Đầu tư XD & phát triển Xuân Thành | Số 65, phường Vân Giang, TP Ninh Bình | Công nghiệp | Xây dựng công trình công ích | 1.119 | |
| 21 | DNTN Xuân Trường | Số 16, Đường Xuân Thành, phường Tân Thành, TP Ninh Bình | Công nghiệp | Xây dựng công trình công ích | 11.281 | |
| 22 | Công ty CP ĐT&PT Xuân Thủy | Số 65, phường Vân Giang, TP Ninh Bình | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 5.918 | |
| 23 | Công ty TNHH SX&TMDV Phục Hồng | Phường Nam Sơn, thị xã Tam Điệp | Vận tải | Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi | 1.122 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 24 | Công ty TNHH Long Sơn | Số 29/3 Trung Sơn, phường Trung Sơn, thị xã Tam Điệp | Vận tải | Vận tải hàng hóa ven biển | 2.040 | |
| 25 | Công ty TNHH Hoàng Ngân | Xã Ninh An, huyện Hoa Lư | Vận tải | Vận tải hàng hóa ven biển | 1.672 | |
| 26 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình | Phường Nam Thành, TP Ninh Bình | Công trình xây dựng | Hoạt động của các bệnh viện | 561 | |
| **II. TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC** | | | | | | |
| **1. TỈNH CAO BẰNG** | | | | | | |
| 1 | Công ty CP khoáng sản và luyện kim Cao Bằng | Phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, TP Cao Bằng | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 2.207 | |
| 2 | Công ty CP khoáng sản và công nghiệp Cao Bằng | Xã Phong Châu, huyện Trùng Khánh | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 6.008 | |
| 3 | Công ty CP khoáng sản Nikko Việt Nam | Xã Quốc Toản, huyện Trà Lĩnh | Công nghiệp | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý | 1.181 | |
| 4 | Doanh nghiệp thương mại Nam Mạch | Xã Ngũ Lão, huyện Hào An | Công nghiệp | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý | 2.750 | |
| 5 | Công ty CP Măng gan Cao Bằng | Xã Ngũ Lão, huyện Hào An | Công nghiệp | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt chưa được phân vào đâu | 2.196 | |
| 6 | Công ty CP Sản xuất VLXD Cao Bằng | P Ngọc Xuân, TP Cao Bằng | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 3.612 | |
| 7 | Công ty CP khoáng sản Tây Giang Cao Bằng | Xã Ngũ Lão, huyện Hào An | Công nghiệp | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý | 23.273 | |
| 8 | Công ty CP Xi Măng và XDCT Cao Bằng | KM6, phường Duyệt Chung, TP Cao Bằng | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 11.790 | |
| 9 | Công ty TNHH CKC | Huyện Bảo Lâm | Công nghiệp | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt chưa được phân vào đâu | 1.420 | |
| **2. TỈNH HÀ GIANG** | | | | | | |
| 1 | NM Khai thác khoáng sản - CTCP ĐT Khoáng sản An Thông | Xã Minh Sơn, huyện Bắc Mê | Công nghiệp | Khai thác quặng sắt | 1.311 | |
| 2 | NM Khai thác khoáng sản-CTCP ĐT Khoáng sản An Thông | Xã Minh Sơn, huyện Bắc Mê | Công nghiệp | Khai thác quặng sắt | 1.308 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Công ty TNHH Ban Mai | Tổ 7, phường Trần Phú, TP Hà Giang | Công nghiệp | Khai thác quặng sắt | 2.806 | |
| 4 | Công ty Khoáng sản Đông Bắc I | Phú Yên, Mê Linh, tỉnh Hà Giang | Công nghiệp | Khai thác quặng sắt | 3.463 | |
| **3. TỈNH TUYÊN QUANG** | | | | | | |
| 1 | Công ty CP Vật liệu Viên Châu | Xã An Tường, TP Tuyên Quang | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 5.782 | |
| 2 | NM Luyện Ferro Mangan Chiêm Hóa - CTCP KSCN Chiến Công | Xã phúc Thịnh, huyện Chiêm Hóa | Công nghiệp | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt chưa được phân vào đâu | 10.556 | |
| 3 | Công ty TNHH MTV Cơ khí hóa chất 13 | TT Tân Bình, huyện Yên Sơn | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 2.212 | |
| 4 | Công ty CP Xi măng Tân Quang | Xã Tràng Đà, TP Tuyên Quang | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 71.683 | |
| 5 | NM Giấy và Bột giấy An Hòa | Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 12.985 | |
| 6 | Công ty CP Xi măng Tuyên Quang | Xã Tràng Đà, TP Tuyên Quang | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 4.763 | |
| 7 | Chi nhánh Công ty CP Khoáng sản và Cơ khí: Nhà máy Hợp kim sắt Mimeco Tuyên Quang | MIMECO TQ, KCN Long Bình An, phường Đội Cấn, TP Tuyên Quang | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 2.687 | |
| **4. TỈNH ĐIỆN BIÊN** | | | | | | |
| 1 | Nhà máy Xi măng Điện Biên | Xã Sam Mứn, huyện Điện Biên | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 30.178 | |
| **5. TỈNH LAI CHÂU** | | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH Xây dựng Hưng Hải | Phường Đoàn Kết, TP Lai Châu | Công nghiệp | Xây dựng công trình đường bộ | 1.265 | |
| **6. TỈNH LÀO CAI** | | | | | | |
| 1 | Công ty Phốt pho vàng Lào Cai | KCN Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng | Công nghiệp | Sản xuất hoá chất cơ bản | 10.891 | |
| 2 | Công ty TNHH Đông Nam Á Lào Cai | KCN Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng | Công nghiệp | Sản xuất hoá chất cơ bản | 26.088 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Công ty CP Phốt pho VN | KCN Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng | Công nghiệp | Sản xuất hoá chất cơ bản | 17.218 | |
| 4 | Công ty Luyện đồng Lào Cai | KCN Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng | Công nghiệp | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý | 10.527 | VINACOMIN |
| 5 | Công ty Mỏ đồng Sin Quyền Lào Cai | Xã Bản Vược, huyện Bát Xát | Công nghiệp | Khai thác quặng sắt | 11.287 | VINACOMIN |
| 6 | Công ty CP VLXD Lào Cai | Số 398 Ngô Quyền, TP Lào Cai | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 3.959 | |
| 7 | Công ty CP SX - XNK Phú Hưng | Xã Bản Vược, huyện Bát Xát | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 6.350 | |
| 8 | Công ty CP Hóa chất Đức Giang Lào Cai | KCN Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng | Công nghiệp | Sản xuất hoá chất cơ bản | 74.605 | VINACHEM |
| 9 | Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam | Phường Pom Hán, TP Lào Cai | Công nghiệp | Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón | 27.754 | VINACHEM |
| 10 | Công ty TNHH Phốt pho vàng Việt Nam | Số 497 đường Lê Thanh, phường Bắc Cường,TP Lào Cai | Công nghiệp | Sản xuất hoá chất cơ bản | 8.095 | VINACHEM |
| 11 | Công ty CP Giấy An Hoà | Thôn An Hòa, xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 12.269 | |
| 12 | Công ty CP ĐTXD và PTNL Phúc Khánh | Số 001 Đường Nguyễn Huệ, phường Phố Mới, TP Lào Cai | Công nghiệp | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác | 1.116 | |
| 13 | Chi nhánh Công ty CPTM và Vận tải | Km9 Xã bản Phiệt, huyện Bảo Thắng | Vận tải | Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh | 8.169 | |
| | **7. TỈNH YÊN BÁI** | | | | | |
| 1 | Công ty CP xi măng Yên Bình | Tổ 5 thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 63.561 | |
| 2 | Công ty CP xi măng và khoáng sản Yên Bái | Tổ 16, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 14.922 | |
| 3 | Công ty CP sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn | Số 93, đường Lê Lợi, phường Yên Ninh, TP Yên Bái | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác | 1.226 | |
| 4 | Công ty CP Mông Sơn | Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình | Công nghiệp | Khai thác đá | 1.119 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | Công ty VLXD Yên Bái | Phường Nguyễn Phúc, TP Yên Bái | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 4.620 | |
| **8. TỈNH THÁI NGUYÊN** | | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo | Xóm 11, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ | Công nghiệp | Khai thác quặng sắt | 8.656 | |
| 2 | Công ty CP Xi măng Quán Triều VVMI | Xã An Khánh, huyện Đại Từ | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 9.453 | |
| 3 | Công ty CP Hợp kim sắt Trung Việt | Xã Hoá Trung, huyện Đồng Hỷ | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 3.676 | |
| 4 | Công ty TNHHNN MTV DIESEL Sông Công | Phường Lương Châu, thị xã Sông Công | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | 2.624 | |
| 5 | Công ty than Khánh Hoà - VVMI | Xóm Cao Sơn 1, Xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | 11.756 | |
| 6 | Công ty CP Giấy Hoàng Văn Thụ | Phường Quán Triều | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 1.631 | |
| 7 | Công ty CP đầu tư và Thương mại Hiệp Linh | Số nhà 1135, tổ 11, phường Phú Xá TP Thái Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.344 | |
| 8 | Công ty CP PRIME Phổ Yên | Xã Thuận Thành - Phổ Yên | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 4.055 | |
| 9 | Công ty CP Gang thép Thái Nguyên | Phường Phú Xá - TP Thái Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 52.605 | |
| 10 | Nhà máy Thép Trường Sơn - CN Công Ty TNHH Minh Bạch | KCN Sông Công 1, Bách Quang, thị xã Sông Công | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.230 | |
| 11 | Công ty TNHH MTV Kim loại màu Thái Nguyên | Tổ 6, Phường Phú Xá, Thành Phố Thái Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý | 6.429 | |
| 12 | Công Ty TNHH Hiệp Hương | Khu A, KCN Sông Công, thị xã Sông Công | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 3.121 | |
| 13 | Công ty CP cơ khí Phổ Yên | TT Bãi Bông, Phổ Yên | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 1.513 | |
| 14 | Công ty TNHHXD & PTNT miền núi | Số 598 đường Thống Nhất, phường Tân Thịnh, TP Thái Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý | 4.419 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 15 | Công ty CP Xi Măng La Hiên VVMI | Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 10.739 | |
| 16 | Công ty CP phụ tùng máy số 1 | Phường Mỏ Chè, Sông Công, Thái Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | 2.616 | |
| 17 | Chi nhánh Công ty CP ĐT và SX Công nghiệp nhà máy xi măng Lưu Xá | Phú Xá - TP Thái Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 1.228 | |
| 18 | Công ty TNHH Giấy Trường Xuân | KCN Phổ Yên (địa chỉ chính: SN40, Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội) | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 1.402 | |
| 19 | Công ty CP Thép Toàn Thắng | Khu B, KCN Sông Công, phường Bách Quang, TX Sông Công | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 3.312 | |
| 20 | Công ty TNHH Thép Tú Ninh | KM Quốc lộ 3, phường Tân Thành - TP Thái Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.003 | |
| 21 | Công ty TNHH MTV 27 | Phường Quan Triều - TP Thái Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.200 | |
| 22 | HTX CN và Vận tải chiến công | Phường Phố Cò, TX Sông Công | Công nghiệp | Khai thác quặng sắt | 2.563 | |
| 23 | Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn | Thôn Đồng Thu, xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 14.577 | |
| 24 | Công ty TNHH Hương Đông | Khu B, KCN Sông Công, phường Bách Quang, TX Sông Công | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 2.176 | |
| 25 | Công ty TNHH Luyện thép Sông Công | Đường CM tháng 10, KCN Sông Công, phường Bách Quang, TX Sông Công | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 2.381 | |
| | **9. TỈNH LẠNG SƠN** | | | | | |
| 1 | Công ty CP Xi măng Lạng Sơn | Xã Mai Pha, TP Lạng Sơn | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 9.590 | |
| 2 | Công ty CP Xi măng Đồng Bành | Thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 8.892 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Công ty CP Xi măng ACC78 | Xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 7.516 | |
| 4 | Công ty Than Na Dương - VVMI | Khu 4, Thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | 2.137 | VINACOMIN |
| **10. TỈNH BẮC GIANG** | | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH MTV Phân đạm và hóa chất Hà Bắc | Phường Thọ Xương, TP Bắc Giang | Công nghiệp | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ | 257.119 | VINACHEM |
| 2 | Công ty CP May Bắc Giang | Phường Dĩnh Kế, TP Bắc Giang | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 1.188 | |
| 3 | Công ty CP May XNK Hà Phong | Xã Đoan Bái, huyện Hiệp Hòa | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 2.385 | |
| 4 | Công ty NĐ Sơn Động - Vinacomin | Thị trấn Thanh Sơn, huyện Sơn Động | Công nghiệp | Sản xuất điện | 398.807 | VINACOMIN |
| 5 | Công ty Xi măng Bắc Giang | Xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 8.353 | |
| 6 | Công ty TNHH Fuhong Precision Component Bắc Giang | KCN Đình Trám, huyện Việt Yên | Công nghiệp | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính | 7.056 | |
| 7 | Công ty TNHH Wintex VN | KCN Quang Châu, huyện Việt Yên | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | 14.484 | |
| 8 | Công ty TNHH Liên doanh Việt - Hàn | KCN Đình Trám, huyện Việt Yên | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.140 | |
| 9 | Công ty CP Thương mại Sơn Trạch | KCN Song Khê - Nội Hoàng, TP Bắc Giang | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.043 | |
| 10 | Công ty TNHH Thương mại Dương Tiến | Xã Tiền Phong, huyện Yên Dũng | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 2.810 | |
| 11 | Công ty CP Thép Việt Úc | KCN Song Khê - Nội Hoàng, TP Bắc Giang | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 2.095 | |
| 12 | NM Giấy Xương Giang - CTCPXNK Bắc Giang | KCN Song Khê-Nội Hoàng, TP Bắc Giang | Công nghiệp | Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa | 5.244 | |
| 13 | Công ty TNHH Khải Thừa VN | CCN Già Khê - Tiên Hưng, huyện Lục Nam | Công nghiệp | Sản xuất bao bì từ plastic | 5.207 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 14 | Công ty TNHH MTV 45 | Xã Thanh Sơn, huyện Sơn Động | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | 12.271 | |
| 15 | NM Vật liệu chịu lửa Tam Tầng | Thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm chịu lửa | 1.547 | |
| 16 | Công ty CP Hồng Thái | Xã Hồng Thái, huyện Việt Yên | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 3.414 | |
| 17 | Công ty CP Cầu Sen | Thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 2.199 | |
| 18 | Công ty TNHH Quỳnh Sơn | Xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 3.267 | |
| 19 | NM Gạch Bích Sơn - Công ty CP Tân Xuyên | Thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 4.103 | |
| 20 | NM Tân Xuyên - Công ty CP Tân Xuyên | Xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 5.381 | |
| 21 | Công ty Gạch Hòa Sơn | Xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 3.836 | |
| 22 | Công ty TNHH Hosiden VN | KCN Quang Châu, huyện Việt Yên | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | 1.924 | |
| 23 | Công ty TNHH Daegwang Vina | KCN Đình Trám, huyện Việt Yên | Công nghiệp | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng | 1.268 | |
| 24 | Công ty TNHH Italisa VN | KCN Song Khê - Nội Hoàng, TP Bắc Giang | Công nghiệp | Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn | 1.251 | |
| 25 | Công ty CP ĐT&XD Ngọc Thiện TJC | Xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 28.772 | |
| 26 | Công ty CP Xe khách Bắc Giang | Số 167 Xương Giang, phường Xương Giang, TP Bắc Giang | Vận tải | Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh | 40.068 | |
| **11. TỈNH PHÚ THỌ** | | | | | | |
| 1 | Công ty CP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao | TT Hùng Sơn, huyện Lâm Thao | Công nghiệp | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ | 24.669 | VINACHEM |
| 2 | Công ty TNHH MIWON VN | TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu | 27.018 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Công ty TNHH Pangrim Neotex | TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất vải dệt thoi | 61.269 | |
| 4 | Công ty CP Hóa chất Việt Trì | TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất hoá chất cơ bản | 11.549 | |
| 5 | Công ty CP Xi măng Sông Thao | Xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 54.815 | |
| 6 | Công ty CP CMC | TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 25.732 | |
| 7 | Công ty CP Xi măng Phú Thọ | TT Thanh Ba | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 29.945 | |
| 8 | Công ty CP Xi măng Hữu Nghi | KCN Thụy Vân, TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 4.492 | |
| 9 | Công ty CP Dệt Vĩnh Phú | TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 3.525 | |
| 10 | Công ty CP Giấy Việt Trì | TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 10.857 | |
| 11 | Tổng công ty Giấy Việt Nam | TT Phong Châu, huyện Phù Ninh | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 95.619 | VINAPACO |
| 12 | Công ty CP Nhôm Sông Hồng | TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất các cấu kiện kim loại | 3.837 | |
| 13 | Công ty CP Viglacera Việt Trì | TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác | 1.642 | |
| 14 | Công tyTNHH MTV Hóa chất 21 | Xã Phú Hộ, TX Phú Thọ | Công nghiệp | Sản xuất hoá chất cơ bản | 4.023 | |
| 15 | Công ty TNHH Kapstex Vina | KCN Thụy Vân, TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.867 | |
| 16 | Công ty CP Đông Á | TT Phong Châu, huyện Phù Ninh | Công nghiệp | Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh | 2.810 | |
| 17 | CN Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Thăng Long | Xã Thượng Cửu, huyện Thanh Sơn | Công nghiệp | Khai thác quặng sắt | 2.996 | |
| 18 | Công ty TNHH Polytarp | KCN Thụy Vân, TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 2.304 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | Công ty TNHH MTV Chè Phú Bền | TT Thanh Ba | Công nghiệp | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu | 3.072 | |
| 20 | Công ty CP Giấy BBP | TT Phong Châu, huyện Phù Ninh | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 3.391 | |
| 21 | Công ty CP Sản xuất TM Hữu Nghị | Phường Nông Trang, TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 1.517 | |
| 22 | Công ty TNHH JMPlasticsVN | CCN Đồng Lạng, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.394 | |
| 23 | Công ty TNHH Tarpline Hà Nội | CCN Đồng Lạng, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.277 | |
| **12. TỈNH SƠN LA** | | | | | | |
| 1 | NM Gạch tuynel Sơn La | Phường Chiềng Sinh, TP Sơn La | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 2.763 | |
| 2 | NM Gạch tuynel Sơn Hưng Trung | Phường Chiềng Sinh, TP Sơn La | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.584 | |
| 3 | NM Gạch tuynel Mộc Châu | Xã Mường Sang, huyện Mộc Châu | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.410 | |
| 4 | NM Gạch tuynel Sông Mã | Xã Chiềng Khoong, huyện Mộc Châu | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.295 | |
| 5 | NM Gạch Chiềng Pha | Xã Chiềng Pha, huyện Thuận Châu | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 2.453 | |
| 6 | NM Gạch Vạn Thành | Xã Chiềng Sôm, TP Sơn La | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.228 | |
| 7 | NM Gạch Chiềng Mung | Xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.314 | |
| 8 | NM Gạch tuynel Nà Bó | Xã Nà Bó, huyện Mai Sơn | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.440 | |
| 9 | Công ty CP Xi măng Mai Sơn | Xã Nà Bó, huyện Mai Sơn | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 27.116 | |
| 10 | NM Đồng Sao Tua | Xã Sao Tua, huyện Mộc Châu | Công nghiệp | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý | 5.470 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 11 | NM Mỏ Niken Bản Phúc | Xã Mường Khoa, huyện Bắc Yên | Công nghiệp | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt chưa được phân vào đâu | 2.286 | |
| **13. TỈNH HÒA BÌNH** | | | | | | |
| 1 | Công ty CP Nước sạch Vinaconex | Xã Phú Minh, huyện Kỳ Sơn | Công nghiệp | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 4.241 | |
| 2 | Công ty TNHH Xi măng Vĩnh Sơn | Xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 38.909 | |
| 3 | Công ty CP Xi măng 18 | Xã Ngọc Lương, huyện Yên Sơn | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 16.147 | |
| 4 | Công ty CP ĐT năng lượng Xây dựng TM Hoàng Sơn | Tổ 01, phường Tân Thịnh, TP Hòa Bình | Công nghiệp | Xây dựng công trình công ích | 1.524 | |
| **III. BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG** | | | | | | |
| **1. TỈNH THANH HÓA** | | | | | | |
| 1 | Công ty Xi măng Bỉm Sơn | Phường Ba Đình, Thị xã Bỉm Sơn | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 591.355 | VICEM |
| 2 | Công ty CP Xi măng Nghi Sơn | Xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 492.032 | |
| 3 | Công ty CP Xi măng Công Thanh | Xã Tân trường, huyện Tĩnh Gia | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 75.856 | VICEM |
| 4 | NM Gạch men Vicenza | KCN Lễ Môn, TP Thanh Hóa | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 11.332 | |
| 5 | XN Vật liệu xây dựng Hùng Cường | Xã Định Công, huyện Yên Định | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.502 | |
| 6 | Công ty CP Gạch tuynel Trường Lâm (Licogi 15) | Xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 2.245 | |
| 7 | Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Sông Mã | Xã Hoằng Trung, huyện Hoằng Hóa | Nông nghiệp | Hoạt động dịch vụ trồng trọt | 1.310 | |
| 8 | Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Nam Sông Mã | Xã Thành Vân, huyện Thạch Thành | Nông nghiệp | Hoạt động dịch vụ trồng trọt | 1.204 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | Công ty CP Mía đường Việt Nam - Đài Loan | Thị trấn Vân Du, huyện Thạch Thành | Công nghiệp | Sản xuất đường | 2.237 | |
| 10 | Công ty CP Mía đường Lam Sơn | Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân | Công nghiệp | Sản xuất đường | 5.539 | |
| 11 | Công ty TNHH Giày HONGFU Việt Nam | KCN và ĐT Hoàng Long, phường Tào Xuyên, TP Thanh Hóa | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 1.943 | |
| 12 | Công ty TNHH Giầy SUNJADE Việt Nam | Lô B KCN Lễ Môn, TP Thanh Hóa | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 1.010 | |
| 13 | Công ty TNHH Giầy ANNORA Việt Nam | Xã Xuân Lâm, Khu kinh tế Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 1.405 | |
| 14 | Chi nhánh Công ty CP BĐS Việt Nhật tại Thanh Hóa | Xã Đông Hai, TP Thanh Hóa | Công trình xây dựng | Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại | 630 | |
| | **2. TỈNH NGHỆ AN** | | | | | |
| 1 | Công ty Bia Sài Gòn - Sông Lam | Xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia | 1.673 | |
| 2 | Công ty CP Trung Đô | KCN Bắc Vinh, TP Vinh | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.437 | |
| 3 | NM Tinh bột sắn Thanh Chương | Xã Thanh Ngọc, huyện Thanh Chương | Công nghiệp | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột | 1.037 | |
| 4 | Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai | Phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 19.662 | VICEM |
| 5 | Công ty CP Nhựa bao bì Vinh | Khối 8, phường Bến Thủy, TP Vinh | Công nghiệp | Sản xuất bao bì từ plastic | 1.208 | |
| 6 | Công ty CP Dệt may Hoàng Thị Loan | Số 33 Nguyễn Văn Trỗi, TP Vinh | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 2.448 | |
| 7 | Công ty CP Thực phẩm sữa T.H | Xã Nghĩa Sơn, huyện Nghĩa Đàn | Công nghiệp | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa | 2.836 | |
| 8 | Công ty CP Ván nhân tạo Tân Việt Trung | Lô số 8, Bắc khu C, KCN Nam Cấm, Khu Kinh Tế Đông Nam, huyện Nghi Lộc | Công nghiệp | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác | 1.476 | |
| 9 | Công ty CP Bao bì SABECO Sông Lam | Đường Đặng Thai Mai, KCN Bắc Vinh, TP Vinh | Công nghiệp | Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa | 1.902 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **3. TỈNH HÀ TĨNH** | | | | | | |
| 1 | Công ty CP Tập đoàn Hoành Sơn | Xã Trung Lễ, huyện Đức Thọ | Công nghiệp | Xây dựng công trình công ích | 7.092 | |
| 2 | Công ty CP vận tải Ô tô Hà Tĩnh | Phường Nam Hà, TP Hà Tĩnh | Vận tải | Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh | 1.764 | |
| 3 | Công ty TNHH TM&DV VT Viết Hải | Xã Thạch Trung, TP Hà Tĩnh | Vận tải | Bán buôn xi măng | 2.477 | |
| 4 | DN TN Thông Thúy | Thị trấn Đức Thọ, huyện Đức Thọ | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) | 1.496 | |
| 5 | Công ty CP thương mại Mitraco Hà Tĩnh | Số 2 Vũ Quang, TP Hà Tĩnh | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 3.943 | |
| **4. TỈNH QUẢNG BÌNH** | | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH MTV Xi măng Sông Gianh | Xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 16.664 | |
| 2 | NM Xi măng Áng Sơn (Công ty CP Cosevco 6) | Xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 2.630 | |
| 3 | Công ty CP SXVL&XD Cosevco 1 - NM Xi măng Trường Thành | Thị trấn Ba Đồn, huyện Quảng Trạch | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 20.909 | |
| 4 | Công ty TNHH Vật liệu xây dựng VN | Xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 6.172 | |
| 5 | Công ty CP Xi măng Vicem Hải Vân | Xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 5.709 | |
| 6 | Ban quản lý dự án điện lực dầu khí Vũng Áng - Quảng trạch | Thôn Vĩnh Sơn, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch | Công nghiệp | Sản xuất điện | 8.200 | |
| **5. TỈNH QUẢNG TRỊ** | | | | | | |
| 1 | Công ty CP gỗ MDF Geruco Quảng Trị | KCN Nam Hà, phường Đông Lương, TP Đông Hà | Công nghiệp | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác | 3.543 | |
| 2 | Công ty CP Xi măng Bỉm Sơn- Chi nhánh Quảng Trị | KCN Nam Hà, phường Đông Lương, TP Đông Hà | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 1.408 | |
| 3 | Công ty CP khoáng sản Quảng Trị | xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh | Công nghiệp | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt chưa được phân vào đâu | 1.251 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | **6. TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** | | | |
| 1 | Công ty Luks CEMENT ( VN ) | Nhà máy xi măng số 3 | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 18.180 | |
| 2 | Công ty CP Dệt - May Huế | Số 122 Dương Thiệu Tước, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 6.209 | |
| 3 | Công ty TNHH Bia Huế | Số 243 Nguyễn Sinh Cung, xã Phú Thượng, huyện Phú Vang | Công nghiệp | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia | 2.109 | |
| 4 | Công ty CP sợi Phú Bài | Lô B-5-4, KCN Phú Bài, thị xã Hương Thủy | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 6.728 | |
| 5 | Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế | Số 53 Nguyễn Gia Thiều, phường Phú Hậu, Thành phố Huế | Công nghiệp | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt chưa được phân vào đâu | 3.384 | |
| 6 | Công ty CP sợi Phú Nam | KCN Phú Bài, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 2.347 | |
| 7 | Công ty CP sợi Phú Việt | KCN Phú Bài, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 1.529 | |
| 8 | Công ty CP Long Thọ | Số 423 Bùi Thị Xuân, phường Thủy Biều | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.421 | |
| 9 | Công ty TNHH DK&MM Huế Việt Nam | Lô DH5 KCN Phú Bài, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 2.429 | |
| 10 | Công ty CP sợi Phú Thạnh | KCN Phú Bài, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 1.824 | |
| 11 | Công ty CP sợi Phú Mai | Lô D, KCN Phú Bài, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 1.744 | |
| 12 | Công ty TNHH LAGUNA (Việt Nam) | Thôn Cù Dù, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc | Công trình xây dựng | Khách sạn | 2.003 | |
| 13 | Công ty CP ESPACE BUSINESS Huế | Khu Quy Hoạch Bà Triệu - Hùng Vương, phường Phú Hội, TP Huế | Công trình xây dựng | Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại | 700 | |
| | | | **7. THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** | | | |
| 1 | Công ty CP Cao su Đà Nẵng | KCN Liên Chiểu, quận Liên Chiểu | Công nghiệp | Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su | 40.927 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Công ty CP Thép DANA - Ý | Đường số 11B, KCN Thanh Vinh, quận Liên Chiểu | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 32.127 | |
| 3 | Công ty CP thép Đà Nẵng | Đường Tạ Quang Bửu - KCN Liên Chiểu, quận Liên Chiểu | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 10.515 | |
| 4 | Tổng công ty CP Dệt may Hòa Thọ | Số 36 Ông Ích Đường, quận Cẩm Lệ | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 10.060 | |
| 5 | Công ty CP Thép Thái Bình Dương | Đường số 1, KCN Thanh Vinh, Xã Hòa Liên, Huyện Hòa Vang | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 9.577 | |
| 6 | Công ty CP Gạch men Cosevco | Đường số 9 , KCN Hòa khánh, quận Liên Chiểu | Công nghiệp | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao | 5.182 | |
| 7 | Công ty CP Xi măng Vicem Hải Vân | Số 65 Nguyễn Văn Cừ, quận Liên Chiểu | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 9.736 | |
| 8 | Công ty TNHH Kiến trúc và Thương mại Á Châu | Lô 4, đường 10, KCN Hòa Khánh, quận Liên Chiểu | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 1.027 | |
| 9 | Công ty TNHH Daiwa Việt Nam | Lô M, đường số 5, KCN Hòa Khánh, quận Liên Chiểu | Công nghiệp | Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao | 2.046 | |
| 10 | Công ty CP sản xuất thép Việt - Mỹ | Đường số 2, KCN Hòa Khánh, quận Liên Chiểu | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 2.479 | |
| 11 | Công ty TNHH Mabuchi Motor Đà Nẵng | Lô A2, Đường 3, KCN Hòa Khánh, quận Liên Chiểu | Công nghiệp | Sản xuất mô tơ, máy phát | 2.841 | |
| 12 | Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng | Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu | Công nghiệp | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 2.589 | |
| 13 | Công ty TNHH Điện tử Việt Hoa | KCN Hoà Khánh, quận Liên Chiểu | Công nghiệp | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính | 2.296 | |
| 14 | Công ty TNHH điện tử Foster Đà Nẵng | Đường số 1 KCN Hoà Cầm, quận Cẩm Lệ | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng | 1.911 | |
| 15 | Công ty CP Keyhinge Toys Việt Nam | KCN Hòa Khánh, quận Liên Chiểu | Công nghiệp | Sản xuất đồ chơi, trò chơi | 1.892 | |
| 16 | Công ty TNHH VBL Đà Nẵng | KCN Hòa Khánh, quận Liên Chiểu | Công nghiệp | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia | 1.734 | |
| 17 | Công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước | KCN Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.592 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 18 | Công ty TNHH Associated Việt Nam | KCN Hòa Cầm, quận Cẩm Lệ | Công nghiệp | Sản xuất đồ chơi, trò chơi | 1.244 | |
| 19 | Công ty CP xuất nhập khẩu Thuỷ sản miền Trung | Số 01 Bùi Quốc Hưng, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.151 | |
| 20 | Nhà máy sản xuất lon và nắp lon nước giải khát - Công ty TNHH Bao bì nước giải khát Crown Đà Nẵng | Lô K, đường số 6, KCN Liên Chiểu, quận Liên Chiểu | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 1.039 | |
| 21 | Công ty TNHH MTV Xi măng miền Trung | Quốc lộ 14B, thôn Phú Sơn Nam, huyện Hoà Vang | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 1.011 | |
| 22 | Công ty CP dệt gia dụng Phong Phú (Nhà máy dệt Hải Vân) | Số 34 đường Ông Ích Đường, quận Cẩm Lệ | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 1.056 | |
| 23 | Công ty TNHH MASSDA Land | KCN An Đồn, phường An Hải Bắc, quận SơnTrà | Công nghiệp | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 2.861 | |
| 24 | Xí nghiệp đầu máy Đà Nẵng | Số 93 Trần Cao Vân, TP Đà Nẵng | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) | 9.932 | |
| 25 | Xí nghiệp xăng dầu PETEC- Hòa Hiệp | Số 410 Nguyễn Văn Cừ, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng | 5.672 | |
| 26 | Hầm đường bộ Hải Vân - Công ty CP Quản lý và khai thác Hầm đường bộ Hải Vân | Phường Hoà Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu | Công trình xây dựng | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ | 2.508 | |
| 27 | Khách sạn Silver Shores - Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Silver Shores | Lô 8, đường Trường Sa, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn | Công trình xây dựng | Khách sạn | 3.150 | |
| 28 | Khách sạn Hyatt Regency Đà Nẵng - Công ty CP Khu du lịch biển Ngũ Hành Sơn | Đường Trường Sa, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn | Công trình xây dựng | Khách sạn | 1.803 | |
| 29 | Khu du lịch sinh thái biển Bãi Bắc (Intercontinental) - Công ty CP Địa Cầu | Bãi Bắc, Bán đảo Sơn Trà, quận Sơn Trà | Công trình xây dựng | Khách sạn | 1.415 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 30 | Tổng công ty mạng lưới Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Viễn thông Quân đội | Số 27B Nguyễn Thành Hãn, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 1.329 | |
| 31 | Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng - Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam | Phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu | Vận tải | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không | 1.563 | |
| 32 | Siêu thị Big C - Công ty CP Thương mại quốc tế và Dịch vụ siêu thị BigC | Số 255-257 Hùng Vương, quận Thanh Khê | Công trình xây dựng | Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại | 1.115 | |
| 33 | Siêu thị Lotte Mart - Công ty TNHH Lotte Mart Đà Nẵng | Số 06 Đường Nại Nam, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 1.154 | |
| 34 | Khách Sạn Pullman Danang Beach Resort - Công ty TNHH Du lịch-Thương mại Phú An Thịnh | Đường Trường Sa, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn | Công trình xây dựng | Khách sạn | 1.112 | |
| 35 | Khu du lịch Bà Nà - Công ty CP Dịch vụ Cáp treo Bà Nà | Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hoà Vang | Công trình xây dựng | Khách sạn | 956 | |
| 36 | Khách sạn Vinpearl Luxury Đà Nẵng - Công ty TNHH MTV Vinpearl Đà Nẵng | Đường Trường Sa, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn | Công trình xây dựng | Khách sạn | 820 | |
| 37 | Khách sạn Novotel - Công ty TNHH Mặt Trời Sông Hàn | Số 36 Bạch Đằng, quận Hải Châu | Công trình xây dựng | Khách sạn | 943 | |
| 38 | Khách sạn Furama - Công ty CP Khu du lịch Bắc Mỹ An | Đường Trường Sa, quận Ngũ Hành Sơn | Công trình xây dựng | Khách sạn | 798 | |
| 39 | Công ty TNHH MTV Bệnh viện Ung thư Đà Nẵng | Tổ 14, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu | Công trình xây dựng | Hoạt động của các bệnh viện | 521 | |
| | **8. TỈNH QUẢNG NAM** | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH CCI Việt Nam | KCN Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | 1.247 | |
| 2 | Công ty TNHH Thép Việt Pháp | CCN Thương Tín 1, huyện Điện Bàn | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 3.454 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Công ty TNHH Groz-beckert | CCN Đại An, huyện Đại Lộc | Công nghiệp | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng | 1.429 | |
| 4 | Công ty TNHH VBL Quảng Nam | KCN Điện Nam, huyện Điện Ngọc | Công nghiệp | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia | 1.208 | |
| 5 | Chi nhánh Công ty PepsiCo tại Quảng Nam | Xã Điện Thắng Bắc, huyện Điện Bàn | Công nghiệp | Sản xuất đồ uống không cồn | 1.641 | |
| 6 | Công ty CP Đại Hưng | Xã Đại Đồng, huyện Đại Lộc | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 5.454 | |
| 7 | XNSX Gạch tuynel Bình Nguyên | Xã Bình Nguyên, huyện Thăng Bình | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.131 | |
| 8 | Công ty CP Gốm sứ La Tháp | Xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.214 | |
| 9 | NM Gạch An Hòa - Công ty CP VLXD Vicem Đà Nẵng | Xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.115 | |
| 10 | NM Gạch tuynel Đại Hiệp | Xã Đại Hiệp, huyện Đại Lộc | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 2.397 | |
| 11 | HTX CN TTCN Đại Hiệp | Xã Đại Hiệp, huyện Đại Lộc | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 2.446 | |
| 12 | Công ty TNHH Ninh Hòa | CCN Cẩm Sơn, xã Điện Tiến, huyện Điện Bàn | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.038 | |
| 13 | Công ty CP Gạch gốm Kiềm lâm | Xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.140 | |
| 14 | Công ty TNHH Tân Hưng Thịnh | CCN Cẩm Sơn, xã Điện Tiến, huyện Điện Bàn | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 2.394 | |
| 15 | HTX Dịch vụ NN&KDTH Đại Hiệp | Xã Đại Hiệp, huyện Đại Lộc | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.019 | |
| 16 | Công ty TNHH Huy Hoàng 1 | Xã Điện Thắng Bắc, huyện Điện Bàn | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.333 | |
| 17 | Chi nhánh Công ty TNHH Gạch cổ Bát Tràng | Xã Tam Anh Bắc, huyện Núi Thành | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.005 | |
| 18 | Công ty CP Prime Đại Lộc | CCN Đại Quang, huyện Đại Lộc | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 6.981 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | Công ty CP Gạch men Anh Em DIC | KCN Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.150 | |
| 20 | Công ty Giày Rieker Việt Nam | KCN Điện Nam, xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 2.201 | |
| 21 | Công ty CP Đồng Tâm Miền Trung | Lô 3 - KCN Điện Nam, xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 3.702 | |
| 22 | Công ty TNHH khai thác Vàng Bông Miêu | Thôn Bồng Miêu, xã Tam Lãnh, huyện Phú Ninh | Công nghiệp | Khai thác quặng kim loại quí hiếm | 1.162 | |
| 23 | Công ty CP Kính Nổi Chu Lai - INDEVCO | KCN Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành | Công nghiệp | Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh | 5.746 | |
| 24 | Công ty CP Du lịch dịch vụ Hội An | Số 10 đường Trần Hưng Đạo, phường Minh An, TP Hội An | Công trình xây dựng | Khách sạn | 530 | |
| 25 | Công ty TNHH Indochina Resort (Hội An) | Thôn 1 A, xã Điện Dương, huyện Điện Bàn | Công trình xây dựng | Khách sạn | 1.158 | |
| | | | **9. TỈNH QUẢNG NGÃI** | | | |
| 1 | Công ty Lắp máy Điện Nước (LICOGI) | Số 35 Hai Bà Trưng, phường Lê Hồng Phong, TP Quảng Ngãi | Công nghiệp | Xây dựng nhà các loại | 1.031 | |
| 2 | Công ty CP Đường Quảng Ngãi | Số 02, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Quảng Phú, TP Quảng Ngãi | Công nghiệp | Sản xuất đường | 190.115 | |
| 3 | NM Bia Dung Quất | Phường Quảng Phú, TP Quảng Ngãi | Công nghiệp | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia | 1.232 | |
| 4 | Công ty CP Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi | KCN Quảng Phú, TP Quảng Ngãi | Công nghiệp | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia | 1.709 | |
| 5 | NM Sản xuất tinh bột mì Quảng Ngãi | Xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh | Công nghiệp | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột | 2.113 | |
| 6 | Công ty CP Nhiên liệu sinh học dầu khí Miền Trung | KKT Dung Quất, huyện Bình Sơn | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 11.486 | |
| 7 | Công ty TNHH Doosan Việt Nam | KKT Dung Quất, huyện Bình Sơn | Công nghiệp | Sản xuất máy thông dụng khác | 61.365 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | Công ty TNNHH Công nghiệp tàu thủy Dung Quất | Xã Bình Đông, huyện Bình Sơn | Công nghiệp | Đóng tàu và cấu kiện nổi | 2.012 | PVN |
| 9 | Nhà máy Lọc dầu Dung Quất | Xã Bình Trị, huyện Bình sơn | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế | 373.355 | PVN |
| 10 | CN Tổng công ty Dầu Việt Nam tại Quảng Ngãi | Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng | 11.152 | |
| 11 | Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi (PTSC Quảng Ngãi) | Lô 4H, đường Tôn Đức Thắng, TP Quảng Ngãi | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng | 2.722 | |
| 12 | Công ty TNHH Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) | Số 207, Đại Lộ Hùng Vương, TP Quảng Ngãi | Vận tải | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương | 2.468 | |
| | | **10. TỈNH BÌNH ĐỊNH** | | | | |
| 1 | NM Sữa Bình Định | Số 87 Hoàng Văn Thụ, TP Quy Nhơn | Công nghiệp | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa | 1.120 | |
| 2 | Công ty CP Khoáng sản BIOTAN | Số 422 Nguyễn Thái Học, TP Quy Nhơn | Công nghiệp | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt chưa được phân vào đâu | 4.418 | |
| 3 | Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Khoáng sản Ban Mai | Số 178 Nguyễn Thái Học, Nguyễn Thái Học, TP Quy Nhơn | Công nghiệp | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt chưa được phân vào đâu | 1.569 | |
| 4 | Công ty TNHH Tấn Phát | Xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ | Công nghiệp | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt chưa được phân vào đâu | 2.372 | |
| 5 | NM Bia Quy Nhơn | KCN Phú Tài, TP Quy Nhơn | Công nghiệp | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia | 2.635 | |
| 6 | Công ty CP Fresenius Kabi Bidiphar | KV8, phường Nhơn Phú, TP Quy Nhơn | Công nghiệp | Sản xuất thuốc các loại | 2.716 | |
| 7 | Công ty CP Khoáng sản Bình Định | CCN Cát Nhơn, TP Quy Nhơn | Công nghiệp | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt chưa được phân vào đâu | 6.630 | |
| 8 | Nhà máy gạch ốp lát Ceramic Cosevo | KCN Phú Tài, TP Quy Nhơn | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 3.886 | |
| 9 | Công ty CP Khoáng sản Sài Gòn-Quy Nhơn (NM sản xuất xi Titan) | Xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ | Công nghiệp | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt chưa được phân vào đâu | 9.906 | |
| 10 | Công ty CP Gạch Tuynel Bình Định | Km 1215 QL1A, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.055 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **11. TỈNH PHÚ YÊN** | | | | | | |
| 1 | Công ty CP Pymepharco | Số 166-170 đường Nguyễn Huệ, TP Tuy Hòa | Công nghiệp | Sản xuất thuốc các loại | 1.648 | |
| 2 | Công ty CP Khoáng sản Phú Yên | Số 01 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 7, TP Tuy Hòa | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.637 | |
| 3 | Công ty CP tinh bột sắn Fococev | Xã Eabia, huyện Sông Hinh | Công nghiệp | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột | 5.384 | |
| 4 | NMSX Tinh bột sắn Đồng Xuân | Thị trấn La Hai, huyện Đồng Xuân | Công nghiệp | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột | 2.580 | |
| 5 | Công ty TNHH Công nghiệp KCP Việt Nam | Thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa | Công nghiệp | Sản xuất đường | 3.565 | |
| 6 | Công ty CP Thuận Thảo | Xã Bình Ngọc, TP Tuy Hòa | Vận tải | Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh | 3.730 | |
| **12. TỈNH KHÁNH HÒA** | | | | | | |
| 1 | NM Thuốc lá Khatoco Khánh Hòa - CN TCT Khánh Việt | Xã Trường Sơn, huyện Vĩnh Trường, TP Nha Trang | Công nghiệp | Sản xuất thuốc lá | 1.581 | |
| 2 | CN Công ty CP Xi Măng Hà Tiên 1 - Trạm nghiền Cam Ranh | Hòn Quy, xã Cam Thịnh Đông, TP Cam Ranh | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 3.624 | |
| 3 | Nhà máy tàu biển Hyundai Vinashin (HVS) | Số 01 KDC Mỹ Giang, xã Ninh Phước, huyện Ninh Hoà | Công nghiệp | Đóng tàu và cấu kiện nổi | 5.177 | |
| 4 | Công ty CP Dệt may Nha Trang | KM 1447 Quốc lộ 1A,xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 11.814 | |
| 5 | Công ty CP Địa ốc - Du lịch Đông Hải | Số 26-28Trần Phú, TP Nha Trang | Công trình xây dựng | Khách sạn | 1.252 | |
| 6 | Công ty TNHH Hoàn Cầu Resort Vịnh Kim Cương | Đại lộ Nguyễn Tất Thành, thôn Phước Hạ, xã Phước Đồng, TP Nha Trang | Công trình xây dựng | Khách sạn | 676 | |
| 7 | Chi nhánh Công ty CP Hải Vân Nam | Số 38 Trần Phú, TP Nha Trang | Công trình xây dựng | Khách sạn | 700 | |
| 8 | Công Ty TNHH VINPEARL Nha Trang | Đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, TP Nha Trang | Công trình xây dựng | Khách sạn | 3.357 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **13. TỈNH BÌNH THUẬN** | | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH Phú Hiệp | Phường Mũi Né, TP Phan Thiết | Công nghiệp | Khai thác cát, sỏi | 3.401 | |
| 2 | CN Công ty TNHH TM Tân Quang Cường | Tân Thiện, phường Tân Phước, thị xã La Gi | Công nghiệp | Khai thác cát, sỏi | 1.326 | |
| 3 | Công ty CP ĐT Khoáng sản và Thương mại Bình Thuận | Xã Thuận Quý, huyện Hàm Thuận Nam | Công nghiệp | Khai thác đá | 1.285 | |
| 4 | Công ty TNHH Sea Links City | Km 9, đường Nguyễn Thông, Khu Phố 5, phường Phú Hài, TP Phan Thiết | Công trình xây dựng | Khách sạn | 828 | |
| 5 | NMĐ Diesel Phú Quý | Huyện Phú Quý | Công nghiệp | Sản xuất điện | 1.073 | |
| 6 | DNTN Tiến Phát | Xã Đức Hạnh, huyện Đức Linh | Công nghiệp | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột | 1.378 | |
| 7 | Công ty CP KTKS&SXVLXD Trung Nguyên | KP Bắc Sơn CCN-TTCN Bắc Bình 2, Thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 3.733 | |
| **IV. TÂY NGUYÊN** | | | | | | |
| **1. TỈNH KON TUM** | | | | | | |
| 1 | Nhà máy tinh bột sắn Đak Tô | Xã Tân Cảnh, huyện Đăk Tô | Công nghiệp | Sản xuất bột thô | 1.034 | |
| 2 | Công ty TNHH Tuấn Dũng | Số 325 Phan Đình Phùng, TP KonTum | Công nghiệp | Xây dựng công trình đường bộ | 1.780 | |
| **2. TỈNH GIA LAI** | | | | | | |
| 1 | Công ty MDF Vinafor Gia Lai | Xã Song An, TX An Khê | Công nghiệp | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác | 1.470 | |
| 2 | Công ty CP Xi măng Gia Lai | Phường Yên Thế, TP PleiKu | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 2.374 | |
| **3. TỈNH ĐẮK LẮK** | | | | | | |
| 1 | Công ty CP Bia Sài Gòn Miền Trung-NM bia Đắk Lắc | Số 01, Nguyễn Văn Linh, phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột | Công nghiệp | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia | 1.404 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Công ty CP Thép Đông Nam Á | KCN Hòa Phú, TP Buôn Ma Thuột | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 6.539 | |
| 3 | Nhà máy tinh bột sắn Đắk Lắc | Thôn 9, xã Ea Kar, huyện Ea Kar | Công nghiệp | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột | 1.234 | |
| 4 | Công ty CP Kỹ nghệ gỗ MDF Long Việt | Xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song | Công nghiệp | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác | 2.158 | |
| 5 | Công ty CP Vận tải Ô tô Đắk Lắk | Số 38 Y Ơn, TP Buôn Ma Thuột | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) | 1.597 | |
| **4. TỈNH LÂM ĐỒNG** | | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH Lang Hanh | Thôn Tân Phú, Ninh Gia, Đức Trọng, Lâm Đồng | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 3.939 | |
| 2 | Công ty CP địa ốc Đà Lạt (Nhà máy gạch Tuynel) | 25 Trần Phú, P3, Đà Lạt (địa chỉ nhà máy: thôn Nghĩa Đức, Đơn Dương, Lâm Đồng) | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.155 | |
| 3 | Công ty CP Bình Điền, Lâm Đồng | Quốc lộ 20, Hiệp Thanh, Đức Trọng, Lâm Đồng | Công nghiệp | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ | 1.109 | |
| 4 | Công ty CP Thắng Đạt (nhà máy gạch Đơn Dương) | 39 Nguyễn Công Trứ, P8, TP Đà Lạt (địa chỉ nhà máy: BokoBang, Tu Tra, Đơn Dương, Lâm Đồng) | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.814 | |
| 5 | Công ty CP Hiệp Thành | Số 5 Thôn Hiệp Thành I, xã Tam Bố, huyện Di Linh, Lâm Đồng | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 7.286 | |
| 6 | Xí nghiệp Hiệp An | Xã Hiệp An, huyện Đức Trọng, Lâm Đồng | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.605 | |
| **V. ĐÔNG NAM BỘ** | | | | | | |
| **1. TỈNH BÌNH PHƯỚC** | | | | | | |
| 1 | Nhà máy Vedan | Xã Bù Nho, huyện Bù Gia Mập | Công nghiệp | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu | 1.549 | |
| 2 | Nhà máy xi măng Bình Phước | Ấp Thanh Bình, xã Thanh Lương, Thị xã Bình Long | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 24.646 | |
| 3 | Công ty TNHH Techseal - Đại Bình | KCN Đồng Xoài I, xã Tân Thành, Thị xã Đồng Xoài | Công nghiệp | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác | 1.540 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | Công ty TNHH C&T Vina | Số 108B KCN Minh Hưng, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 1.171 | |
| 5 | Công ty TNHH Thép Tân Thành Phát | Số 32/40/479, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.535 | |
| 6 | Công ty Kim Tín MDF | Đường Tôn Đức Thắng, KP Tân An, Thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ | 2.117 | |
| 7 | Công ty TNHH Freewell Việt Nam | KCN Bắc Đồng Phú, KP Bàu Ké, Thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 2.119 | |
| 8 | Công ty CP Gỗ MDF VRG Dongwhal | Xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành | Công nghiệp | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác | 12.002 | |
| **2. TỈNH TÂY NINH** | | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH CN Cao su An Cố | Xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu | Công nghiệp | Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su | 1.497 | |
| 2 | Công ty TNHH Cao su Thời Ích | Đường số 10, KCN Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng | Công nghiệp | Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su | 2.281 | |
| 3 | CN Công ty CP Đầu tư Dệt Phước Thịnh | Đường số 7, KCN Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 1.586 | |
| 4 | CN Công ty CP Sợi Thế Kỷ | Đường số 8, KCN Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 7.378 | |
| 5 | Công ty CP Dệt may ĐT-TM Thành Công | KCN Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 3.959 | |
| 6 | Công ty TNHH Đồng Nhứt | Số 18, Ấp 5, xã Suối Dây, huyện Tân Châu | Công nghiệp | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột | 1.699 | |
| 7 | Công ty XNK TM-CN-VT Hùng Duy | Ấp 6, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu | Công nghiệp | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột | 1.520 | |
| 8 | Công ty TNHH SXTM XNK Đỗ Phủ Tây Ninh | Ấp 6, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu | Công nghiệp | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột | 1.115 | |
| 9 | DNTN Thành Thái | Ấp 6, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu | Công nghiệp | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột | 1.144 | |
| 10 | Công ty CP ĐTPT CN Thanh Xuân | CCN Thanh Xuân, xã Mỏ Công, huyện Tân Biên | Công nghiệp | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột | 1.549 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 11 | Công ty TNHH SXTMDV Tổng hợp XNK Hữu Đức Tây Ninh | Ấp Suối Dộp, xã Thái Bình, huyện Châu Thành | Công nghiệp | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột | 2.046 | |
| 12 | Công ty TNHH Hồng Phát | Ấp Sa Nghe, xã An Cơ, huyện Châu Thanh | Công nghiệp | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột | 1.289 | |
| 13 | Công ty TNHH SX Tinh bột khoai mì Bình Minh | Xã Phước Vinh, huyện Châu Thành | Công nghiệp | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột | 1.176 | |
| 14 | CN Công ty TNHH XNK TMCNVT Hùng Duy | Xã Hòa Hội, huyện Châu Thành | Công nghiệp | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột | 1.715 | |
| 15 | CN Sản xuất tinh bột sắn - Công ty TNHH Miwon VN | Xã Phước Minh, huyện Dương Minh Châu | Công nghiệp | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột | 1.060 | |
| 16 | DNTN Chế biến củ mì Hồng Phát | Xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu | Công nghiệp | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột | 1.019 | |
| 17 | Công ty TNHH PooHung VN | Đường số 1 KCN Chà Là, ấp Bình Linh, Chà Là, Dương Minh Châu,Tây Ninh | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 4.143 | |
| 18 | Công ty TNHH Tinh bột sắn DMC | Thị trấn Dương Minh Châu, huyện Dương Minh Châu | Công nghiệp | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột | 1.285 | |
| 19 | Công ty TNHH Cansport VN | Ấp Thuận Hòa, xã Truông Mít, huyện Dương Minh Châu | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 1.818 | |
| 20 | DNTN Sầm Nhứt | Ấp Hoà Bình, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên - T106/159B | Công nghiệp | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột | 2.360 | |
| 21 | Công ty TNHHMTV Hồng Cúc Tây Ninh | Ấp Hòa Bình, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên - T.106/150 | Công nghiệp | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột | 1.409 | |
| 22 | Công ty CP Việt Nam Mộc Bài | Xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 4.450 | |
| 23 | Công ty CP PET Quốc tế | Đường số 6, KCX - CN Linh Trung 3, huyện Trảng Bàng | Công nghiệp | Sản xuất bao bì từ plastic | 3.367 | |
| 24 | Công ty TNHH Bao bì HUANA | Đường số 5, KCX - CN Linh Trung 3, huyện Trảng Bàng | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 2.022 | |
| 25 | Công ty TNHH ICHIHIRO VN | Đường số 5, KCX - CN Linh Trung 3, huyện Trảng Bàng | Công nghiệp | Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) | 1.366 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 26 | Công ty TNHH SaiLun VN | KCN Phước Đông - Bời Lời, huyện Gò Dầu | Công nghiệp | Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su | 1.302 | |
| 27 | Công ty CP xi măng FiCo Tây Ninh | Số 433, Đại lộ 30/4, thị xã Tây Ninh | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 17.459 | |
| 28 | Công ty CP Đầu Tư Sài Gòn VRG - Chi nhánh Tây Ninh | Tổ 15, Đường ĐT 782, Ấp Phước Đức B, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 1.984 | |
| 29 | Công ty TNHH TM Dầu Khí Minh Hải | Số 569, đường CMT8, KP3, thị xã Tây Ninh | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng | 2.442 | |
| 30 | DNTN Cường Phát | Số 569, đường CMT8, KP2, Phường 3, thị xã Tây Ninh | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng | 1.160 | |
| | **3. TỈNH BÌNH DƯƠNG** | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH Thép An Hưng Tường | Ấp 3, xã Tân Định, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 63.192 | |
| 2 | Công ty TNHH Xưởng giấy Chánh Dương | KCN Mỹ Phước, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 8.598 | |
| 3 | Công ty TNHH TM & DV Tân Hiệp Phát | Số 219 Đại lộ Bình Dương, phường Vĩnh Phú, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất đồ uống không cồn | 27.214 | |
| 4 | Công ty TNHH Dệt Đông Tiến Hưng | Lô 12 KCN Tân Đông Hiệp A, thị xã Dĩ An | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 6.836 | |
| 5 | Công ty CP Tập đoàn Hoa Sen | Số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An | Công nghiệp | Sản xuất các cấu kiện kim loại | 9.121 | |
| 6 | Công ty TNHH Thép Sa Mi Na | Số 137C, khu phố Tân Thắng, phường Tân Bình | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 5.160 | |
| 7 | Xí nghiệp Hơi Kỹ nghệ Que Hàn Bình Dương | Đường số 1, KCN Đồng An, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 4.306 | |
| 8 | Công ty TNHH Perfetti Van Melle Việt Nam | Số 26 KCN Sóng Thần, thị xã Dĩ An | Công nghiệp | Sản xuất các loại bánh từ bột | 4.194 | |
| 9 | Chi nhánh Công ty TNHH Thiên Thai (TNHH) | Ấp Bình Chánh, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 4.145 | |
| 10 | Công ty CP Giấy An Bình | Số 27/5A Kha Vạn Cân, phường An Bình, thị xã Dĩ An | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 11.135 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 11 | Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam | Xã Bình Hòa, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa | 3.788 | |
| 12 | Chi nhánh Công ty CP Thép Nam Kim | KCN Đồng An 2, phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 10.674 | |
| 13 | Công ty CP Thép Nam Kim | Đường N1- CSX An Thạnh, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 3.395 | |
| 14 | Công ty TNHH Fotai Việt Nam | Lô D1-4 KCN Đại Đăng, TP Thủ Dầu Một | Công nghiệp | Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) | 6.034 | |
| 15 | Công ty CP Sợi Duy Nam | Lô A7-A8 Đường 3, KCN Dệt may Bình An, phường Bình Thắng, TX Dĩ An | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 3.680 | |
| 16 | Công ty TNHH Dệt KonDo Việt Nam | KCN Mỹ Phước, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 3.649 | |
| 17 | Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Thiên Nam | KCN Dệt May Bình An, phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 5.598 | |
| 18 | Công ty TNHH Minh Long 1 | Phường Hưng Định, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác | 3.495 | |
| 19 | Công ty CP ĐT&PT Thiên Hưng | KCN Dệt May Bình An, thị xã Dĩ An | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 3.413 | |
| 20 | Công ty TNHH RK Resources | Xã Lai Hưng, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ | 3.376 | |
| 21 | Công ty CP Thép Pomina | KCN Sóng Thần 2, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 19.174 | |
| 22 | Công ty TNHH UNI-PRESIDENT Việt Nam | Số 16-18 ĐT 743, KCN Sóng Thần 2, thị xã Dĩ An | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 60.025 | |
| 23 | Công ty CP MDF Việt Nam | Xã An Điền, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác | 3.254 | |
| 24 | Công ty TNHH Sài Gòn Stec | Số 7 đường số 7, KCN VSIP II, phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | 5.918 | |
| 25 | Công ty TNHH MTV Công nghiệp MASAN | Lô 06 KCN Tân Đông Hiệp A, thị xã Dĩ An | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản nước mắm | 4.537 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 26 | Công ty TNHH CN TUNG SHIN | Số 08 đường 18, KCN Sóng Thần 2, thị xã Dĩ An | Công nghiệp | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý | 3.047 | |
| 27 | Công ty TNHH Thép Tú Sơn | Ấp Tân Hóa, xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 3.949 | |
| 28 | Công ty CP Công Nghiệp Co-Win Fasteners Việt Nam | KCN Đồng An, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 5.191 | |
| 29 | Chi nhánh công ty CP Nhựa Bình Minh | Số 7 Đường số 2, KCN Sóng Thần 1, thị xã Dĩ An | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 2.847 | |
| 30 | Công ty TNHH Thép Nam Viên | Ấp Vườn Vũ, xã Tân Mỹ, huyện Tân Uyên | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 2.714 | |
| 31 | Công ty TNHH Colgate Palmolive Việt Nam | D-9-CN, KCN Mỹ Phước 3, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 2.655 | |
| 32 | Công ty TNHH CN Dệt Huge Bamboo | KCN Mỹ Phước, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Hoàn thiện sản phẩm dệt | 2.710 | |
| 33 | Công ty CP Nhựa Youl Chon Vina | KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 2.617 | |
| 34 | Công ty TNHH Giấy Glatz Việt Nam | Số 8 đường Dân Chủ, KCN VSIP II, phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 4.085 | |
| 35 | Công ty TNHH Kyungbang Việt Nam | Lô B-3A-CN, KCN Bàu Bàng, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 2.509 | |
| 36 | Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc | Ô 13D Lô CN8 đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 6.207 | |
| 37 | Công ty TNHH Trung Hà | Tổ 3, khu phố 3, thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 4.884 | |
| 38 | Công ty CP Chăn nuôi C.P Việt Nam | KCN Mỹ Phước II, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 2.410 | |
| 39 | Công ty TNHH Shyang Hung Cheng | CSX An Thạnh, phường An Thạnh, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 3.211 | |
| 40 | Công ty TNHH Procter & Gamble Đông Dương | KCN Đông An, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh | 1.138 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 41 | Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC Ball Việt Nam | Số 2 VSIP II-A, đường số 18, KCN VSIP II-A, huyện Tân Uyên | Công nghiệp | Sản xuất đồ uống không cồn | 2.305 | |
| 42 | Công ty CP Tôn Đông Á | Số 5 đường số 5, KCN Sóng Thần 1, thị xã Dĩ An | Công nghiệp | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại | 5.600 | |
| 43 | Công ty TNHH Công Nghiệp Chung Lương Việt Nam | KSX Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất vải dệt thoi | 2.172 | |
| 44 | Doanh Nghiệp Tư Nhân Tân Định | Ấp 3, xã Tân Định, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 2.113 | |
| 45 | Công ty TNHH Thực phẩm Orion Vina | KCN Mỹ Phước, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất các loại bánh từ bột | 2.109 | |
| 46 | Công ty TNHH Hoya Lens Việt Nam | Số 20 đường số 4, KCN VSIP II, phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa | 1.969 | |
| 47 | Công ty TNHH Golden Fortune (Việt Nam) | Khu phố Phước Hải, thị trấn Thái Hòa, huyện Tân Uyên | Công nghiệp | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ | 1.965 | |
| 48 | Công ty TNHH Asia Packaging Industries Việt Nam | KCN Mỹ Phước, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 1.958 | |
| 49 | Công ty TNHH Thức ăn gia súc Lái Thiêu | Số 48B khu phố Hòa Long, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 1.941 | |
| 50 | Công ty TNHH Thép Quang Thắng | Ấp 4, xã Thới Hòa, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.901 | |
| 51 | Công ty TNHH Giày Thông Dụng | KSX An Phú, phường An Phú, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 1.827 | |
| 52 | Công ty TNHH Nhựa Đạt Hòa | Đường NA4, lô C-1-CN, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất bao bì từ plastic | 1.802 | |
| 53 | Công ty TNHH DIN SAN | Số 1 Đường 4, KCN Tân Đông Hiệp B, thị xã Dĩ An | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 1.757 | |
| 54 | Công ty CP Gạch Đông Nam Á | Ấp 9, xã Chánh Phú Hoà, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.753 | |
| 55 | Công ty TNHH Kỹ Thuật CN Yacht Việt Nam | KCN Bàu Bàng, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất pin và ắc quy | 1.727 | |
| 56 | Công ty TNHH Điện tử Foster (Việt Nam) | Số 20 đường số 5, KCN VSIP II, TP Thủ Dầu Một | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | 2.927 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 57 | Chi nhánh công ty CP Sữa Việt Nam (Vinamilk) | Lô A đường NA7, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa | 1.705 | |
| 58 | Công Ty TNHH Chí Hùng | Khu phố Mỹ Hiệp, thị trấn Thái Hòa, huyện Tân Uyên | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 2.860 | |
| 59 | Xí nghiệp Casumina Bình Dương | KCN Dốc Bà Nghĩa, Khu phố 7, thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.685 | |
| 60 | Công ty TNHH Hải Mỹ | KSX Bình Chuẩn, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 1.908 | |
| 61 | Công ty TNHH SRITHAI Việt Nam | Đường số 2, KCN Sóng Thần 1, thị xã Dĩ An | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 2.379 | |
| 62 | Công ty TNHH Thép Trường Thịnh | Ấp Bà Tri, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.612 | |
| 63 | Công ty CP VRG Khải Hoàn | Ấp Cầu Sắt, xã Lai Hưng, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su | 3.053 | |
| 64 | Công ty TNHH Kiswire Việt Nam | KCN Bàu Bàng, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 1.566 | |
| 65 | Chi nhánh công ty CP CN Đông Hưng | Số 8 Đại lộ Độc Lập, KCN Sóng Thần 1, thị xã Dĩ An | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 2.766 | |
| 66 | Công ty TNHH De Heus | KCN Mỹ Phước 1, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 1.497 | |
| 67 | Công ty TNHH SX Anh Pháp | Ấp 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.491 | |
| 68 | Công ty TNHH CN Thread Việt Nam | Lô D1-6, KCN Đại Đăng, TP Thủ Dầu Một | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 1.839 | |
| 69 | Công ty TNHH Luyện Cán Thép Hùng Cường | Xã Thới Hòa, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.486 | |
| 70 | Xí nghiệp Cấp nước Dĩ An | Ấp 1A, phường An Phú, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 2.748 | |
| 71 | Công ty CP Latitude Tree Việt Nam | 29 KCN Sóng Thần 2, thị xã Dĩ An | Công nghiệp | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ | 1.463 | |
| 72 | Công ty TNHH Panko Vina | KCN Mỹ Phước 1, huyện Bến Cát | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 2.243 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 73 | Công ty CP Bia Sài Gòn Bình Tây | KCN Tân Đông Hiệp B, thị xã Dĩ An | Công nghiệp | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia | 1.444 | |
| 74 | Công ty Giấy & Bao Bì Đồng Tiến - Chi nhánh Bình Dương | Ấp 3, xã Tân Định, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 1.440 | |
| 75 | Công ty TNHH Baosteel Can Making Việt Nam | Số 02 VSIP II -A đường số 15, KCN VSIP II-A, huyện Tân Uyên | Công nghiệp | Sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu | 1.430 | |
| 76 | Công ty TNHH Việt Ý | Đường DH409, Ấp Ông Đông, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên | Công nghiệp | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ | 1.409 | |
| 77 | Công ty CP GREATREE INDUSTRIAL | Ấp 1B, phường An phú, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ | 1.386 | |
| 78 | Công ty TNHH C & H Vina | Tổ 3, khu phố 5, thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên | Công nghiệp | Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) | 1.381 | |
| 79 | Công ty TNHH Xi Măng Fico Bình Dương | Xã Thương Tân, huyện Tân Uyên | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 1.415 | |
| 80 | Công ty CP SX Gỗ Nhân tạo Tiến Phát | Ấp Bàu Bàng, xã Lai Uyên, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ | 1.377 | |
| 81 | Công ty TNHH Quốc tế Hằng Phú | Tổ 4, khu 8, thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên | Công nghiệp | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ | 1.367 | |
| 82 | Công ty CP Đỗ gỗ STarWood Việt Nam | Tổ 4, khu 5, thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên | Công nghiệp | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ | 1.365 | |
| 83 | Công ty TNHH FRAMAS Việt Nam | Số 9 đường 12, KCN Sóng Thần 2, thị xã Dĩ An | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 1.364 | |
| 84 | Nhà máy giấy Bình An - Công ty CP Giấy Tân Mai | Phường Bình An, thị xã Dĩ An | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 1.358 | |
| 85 | Công ty TNHH PRINCEMATE Việt Nam | Lô K1-K4, Đường D2-N2, KCN Nam Tân Uyên, huyện Tân Uyên | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 1.318 | |
| 86 | Công ty TNHH GUYOMACH Việt Nam | Ấp 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 1.304 | |
| 87 | Công ty CP Chấn Kiệt | Xã An Tây, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ | 1.303 | |
| 88 | Công ty TNHH TPR Việt Nam | Số 26 VSIP II đường số 02, KCN VSIP II, TP Thủ Dầu Một | Công nghiệp | Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy) | 2.200 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 89 | Công ty TNHH Tiger Alwin | Số 22 đường 26, KCN Sóng Thần II, thị xã Dĩ An | Công nghiệp | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý | 1.296 | |
| 90 | Công ty TNHH VN gạch men Thạch Anh | Ấp An Hoà, xã Hoà Lợi, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.274 | |
| 91 | Công ty TNHH YC - TEC Việt Nam | Số 07 Đ12, KCN Sóng Thần 2, thị xã Dĩ An | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 2.235 | |
| 92 | Công ty CP Thực phẩm Á Châu | Số 9/2, đường ĐT 743, khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự | 1.238 | |
| 93 | Công ty TNHH Công nghiệp Gỗ Grand Art VN | KCN Mỹ Phước 1, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ | 1.185 | |
| 94 | Công ty TNHH Bạc Đạn SST Việt Nam | Số 6-8 VSIP II-A, đường số 12, KCN VSIP II-A, huyện Tân Uyên | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.182 | |
| 95 | Công ty CP Green River Furniture | Khu 3, thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên | Công nghiệp | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ | 2.166 | |
| 96 | Công ty CP VITALY | Đường N1, KSXTT Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 16.222 | |
| 97 | Công ty Liên doanh Dệt Nhuộm Việt Hồng | Lô E1-E5, KCN Việt Hương 2, xã An Tây, huyện Bến Cát | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 1.175 | |
| 98 | Công ty TNHH Sheng Chang | Lô I-1A-CN, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất pin và ắc quy | 1.708 | |
| 99 | Công ty TNHH dệt sợi KYROS | Ấp Bình Quới, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 1.158 | |
| 100 | Công ty TNHH Dongil Rubber Belt | KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su | 1.146 | |
| 101 | Công ty TNHH ESPRINTA Việt Nam | KCN Sóng Thần II, thị xã Dĩ An | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 1.143 | |
| 102 | Công ty TNHH Thép Thanh Nguyên | Xã Thới Hoà, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.599 | |
| 103 | Công ty CP Công nghiệp Gỗ Kaiser Việt Nam | Đường D9, KCN Mỹ Phước, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ | 4.386 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 104 | Công ty TNHH Yuwa Việt Nam | Số 15 đường số 6, KCN VSIP II, phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | 1.126 | |
| 105 | Công ty CP Sao Việt | KCN Đồng An, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 1.125 | |
| 106 | Công ty TNHH Long Yi Industrial Việt Nam | Lô E 5 -CN & E 11, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 1.118 | |
| 107 | Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Hoa Nét | Ấp Tân Long, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên | Công nghiệp | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ | 1.113 | |
| 108 | Công ty TNHH Thép Thanh Bình | Phường An Phú, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.106 | |
| 109 | Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú | Xã Lai Uyên, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 7.913 | |
| 110 | Công ty CP Poh Huat Việt Nam | Số 17 đường 26, KCN Sóng Thần 2, thị xã Dĩ An | Công nghiệp | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ | 1.090 | |
| 111 | Hợp tác xã thép Toàn Lực | Ấp 1 xã Tân Bình, huyện Tân Uyên | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.085 | |
| 112 | Công ty TNHH American Home Việt Nam | Phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 3.816 | |
| 113 | Công ty TNHH Đa Hợp Evatech Việt Nam | Xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 1.083 | |
| 114 | Công ty TNHH Cấp nước Bình An | Phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An | Công nghiệp | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 1.611 | |
| 115 | Công ty TNHH Hưng Long | Thôn An Biên, xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.070 | |
| 116 | Công ty TNHH Kỹ nghệ Evergreen Việt Nam | Số 1 đường số 7, KCN VSIP II, phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 1.057 | |
| 117 | Công ty Kính nổi Viglacera-CN Tổng công ty Viglacera | KSX Tân Đông Hiệp, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An | Công nghiệp | Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh | 6.601 | |
| 118 | Công ty CP Xi măng Hà Tiên Kiên Giang-Becamex | KCN Mỹ Phước 1, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 1.049 | |
| 119 | Công ty TNHH HON CHUAN Việt Nam | Số 29 Đường Số 7, KCN VSIP II, phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một | Công nghiệp | Sản xuất bao bì từ plastic | 1.034 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 120 | Công ty TNHH EMIVEST FEEDMILL Việt Nam | KCN Bàu Bàng, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa | 1.033 | |
| 121 | Công ty TNHH InterWood Việt Nam | Khu 3, thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên | Công nghiệp | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ | 1.031 | |
| 122 | Công ty TNHH SX-TM Trúc Hào | Số 7B/1 ấp Bình Đường 3, phường An Bình, thị xã Dĩ An | Công nghiệp | Sản xuất các loại dây bện và lưới | 1.030 | |
| 123 | Công ty TNHH Sung Shin A | Lô G4A-CN, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 3.272 | |
| 124 | Công ty TNHH Đông Nam | ĐT 743 KP Chiêu Liêu, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An | Công nghiệp | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng | 1.022 | |
| 125 | Chi nhánh công ty CP Shang One Viet Nam | Số 10 ĐL Độc Lập, KCN Sóng Thần 1, thị xã Dĩ An | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.015 | |
| 126 | Công ty TNHH giấy Hưng Thịnh | Lô M5 Đường D4, KCN Nam Tân Uyên, huyện Tân Uyên | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 1.010 | |
| 127 | Công ty TNHH Nhựa Chinli | KCN Việt Hương, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 2.090 | |
| 128 | Công ty TNHH Ever Tech Plastic Việt Nam | Khu phố Mỹ Hiệp, thị trấn Thái Hòa, huyện Tân Uyên | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 1.897 | |
| 129 | Công ty TNHH Thép Quyền Quyên | Ấp 4, xã Thới Hoà, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.375 | |
| 130 | Công ty TNHH II -VI Việt Nam | Số 36 Đường số 4, KCN VSIP I, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 1.832 | |
| 131 | Công ty TNHH Box-Pak | Số 22 Đại Lộ Hữu Nghị, KCN VSIP I, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất giấy nhãn và bìa nhãn | 1.220 | |
| 132 | Công ty TNHH Bao bì Dynaplast | Số 20 Đường Số 8, KCN VSIP I, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất bao bì từ plastic | 1.987 | |
| 133 | Công ty TNHH Eclipse Polymers | Số 2 Đường Số 7, KCN VSIP I, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 1.100 | |
| 134 | Công ty TNHH Estec Việt Nam | Số 6 Đường Số 6, KCN VSIP I, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | 1.290 | |
| 135 | Nhà máy sữa bột Việt Nam | Số 9 Đại Lộ Tự Do, KCN VSIP I, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa | 2.509 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 136 | Công ty TNHH Mega Step Electronics | Số 37 Đại Lộ Tự Do, KCN VSIP I, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | 1.046 | |
| 137 | Công ty TNHH Vision International | Số 19 Đại Lộ Hữu Nghị, KCN VSIP I, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao | 2.285 | |
| 138 | Công ty TNHH Ắc quy GS Việt Nam | Số 18 Đường Số 3, KCN VSIP I, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất pin và ắc quy | 2.911 | |
| 139 | Công ty TNHH Honda Metal Industries Vietnam | Số 31 Đại Lộ Tự Do, KCN VSIP I, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 2.257 | |
| 140 | Công ty TNHH Huhtamaki | Số 22 Đường Số 8, KCN VSIP I, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất bao bì từ plastic | 1.368 | |
| 141 | Công ty TNHH Vietnam J.S Plastic Packaging | Số 30 Đại Lộ Hữu Nghị, KCN VSIP I, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất bao bì từ plastic | 1.022 | |
| 142 | Công ty TNHH Kimberly-Clark Vietnam | Số 32 Đại Lộ Hữu Nghị, KCN VSIP I, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu | 3.584 | |
| 143 | Công ty CP Kinh đô Bình Dương | Số 26 Đường Số 8, KCN VSIP I, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất các loại bánh từ bột | 1.486 | |
| 144 | Công ty TNHH Tribeco Bình Dương | Số 08 Đường Số 11, KCN VSIP I, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất đồ uống không cồn | 1.118 | |
| 145 | Công ty TNHH Giày Kingmaker | Số 12 Đường Số 3, KCN VSIP I, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 1.464 | |
| 146 | Công ty TNHH Kurabe Industrial | Số 26 Đại Lộ Tự Do, KCN VSIP I, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | 2.600 | |
| 147 | Công ty CP Liwayway Việt Nam | Số 14 Đường Số 5, KCN VSIP I, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất các loại bánh từ bột | 1.662 | |
| 148 | Công ty TNHH CNTP Liwayway Sài Gòn | Số 14 Đường Số 5 , KCN VSIP I, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất các loại bánh từ bột | 1.352 | |
| 149 | Công ty TNHH Maruei Vietnam Precision | Số 9 Đại Lộ Độc Lập, KCN VSIP I, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | 1.276 | |
| 150 | Công ty TNHH Nitto Denko Việt Nam | Số 6 Đường Số 3, KCN VSIP I, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 2.288 | |
| 151 | Công ty TNHH New Toyo Pulppy | Số 8 Đường Số 6, KCN VSIP I, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 4.280 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 152 | Công ty TNHH Perstima Việt Nam | Số 15 Đường Số 6, KCN VSIP I, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 1.657 | |
| 153 | Công ty TNHH Liên doanh Stada Việt Nam | Số 40 Đại Lộ Tự Do, KCN VSIP I, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 1.190 | |
| 154 | Công ty TNHH Wonderful Saigon Electrics | Số 16 đường số 10, KCN VSIP I, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | 4.536 | |
| 155 | Công ty TNHH Showa Gloves Việt Nam | Số 23 Đại Lộ Tự Do, KCN VSIP I, thị xã Thuận An | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 1.201 | |
| 156 | Công ty TNHH Takako Việt Nam | Số 27 Đai Lộ Độc Lập, KCN VSIP I, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác | 1.455 | |
| 157 | Công ty TNHH Uchiyama Việt Nam | Số 25 Đường Số 6, KCN VSIP I, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.576 | |
| 158 | Công ty TNHH URC Việt Nam | Số 26 Đường Số 6, KCN VSIP I, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất đồ uống không cồn | 9.895 | |
| 159 | Công ty TNHH Yokohama Tyre Vietnam | Số 17 Đường Số 10, KCN VSIP I, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su | 1.433 | |
| 160 | Công ty TNHH Lốp Kumho Việt Nam | Lô G-CN, đường NE8, KCN Mỹ Phước 3, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su | 8.909 | |
| 161 | Công ty CP Maruichi Sun Steel | Đường DT 743, ấp Đông An, xã Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 43.568 | |
| 162 | Công ty TNHH Giấy Kraft Vina | Lô D-6A-CN, KCN Mỹ Phước 3, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 48.703 | |
| 163 | Công ty TNHH Sợi dệt may Việt Nhật | Ấp Chiêu Liêu, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An | Công nghiệp | Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) | 1.160 | |
| 164 | Công ty American Standard Việt Nam | Đường DT 743, phường An Phú, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác | 3.927 | |
| 165 | Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Ý Mỹ | Ấp Bình Phước B, DT743, xã Bình Chuẩn, thị xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.242 | |
| 166 | Công ty CP Cao su Phước Hòa | Xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 2.028 | |
| 167 | Công ty TNHH Swire Cold Storage Việt Nam | Số18, đường 6, KCN Sóng Thần 1, thị xã Dĩ An | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng | 2.469 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 168 | Công ty TNHH Giấy Bình Chiểu | Khu phố 3,Bình Chiểu Quận Thủ Đức | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 1.482 | |
| 169 | Công ty TNHH MTV CTN Môi Trường Bình Dương-XNCN Dĩ An (Tân Ba ) | Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp Thủ Dầu Một | Công nghiệp | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 3.280 | |
| 170 | Công ty TNHH HAN SOLL VINA (HSV) | Đường số 06 KCN Sóng Thần 1, thị xã Dĩ An | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 1.019 | |
| 171 | Công ty CP Chế biến gỗ Trường Thành | ĐT 747, Khu phố 7, thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên | Công nghiệp | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ | 1.026 | |
| 172 | Công ty TNHH Quốc tế công nghiệp gỗ YANG CHENG(VN) | Khu phố Đồng An, phường Bình Hoà, Thị Xã Thuận An | Công nghiệp | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ | 1.231 | |
| 173 | Công ty TNHH CN Golden Tree Plastics VN | KCN Việt Hương 2, huyện Bến Cát | Công nghiệp | Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) | 1.180 | |
| 174 | Công ty CP Thép Thủ Đức | KCN Sóng Thần 2, Bình Dương | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 2.743 | |
| 175 | Tổng công ty ĐT&PT công nghiệp-TNHH MTV (Chung Cư Becamex) | Số 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hoà, TP Thủ Dầu Một | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 874 | |
| 176 | Chi nhánh công ty CP BĐS Việt - Nhật tai Bình Dương (Siêu thị Big C) | Phường Hiệp Thành, TP Thủ Dầu Một | Công trình xây dựng | Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại | 955 | |
| 177 | CN số 2 - Công ty CP BĐS Việt-Nhật tại Bình Dương (Siêu thị Big C) | Phường Đông Hoà, thị xã Dĩ An | Công trình xây dựng | Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại | 883 | |
| 178 | Công ty CP Bệnh viện Phụ sản-Nhi Hạnh Phúc | Số 18 Đại lộ Bình Dương xã Vĩnh Phú, huyện Lái Thiêu | Công trình xây dựng | Hoạt động của các bệnh viện | 695 | |
| | **4. TỈNH ĐỒNG NAI** | | | | | |
| 1 | Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 | Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch | Công nghiệp | Sản xuất điện | 479.209 | |
| 2 | Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 | Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch | Công nghiệp | Sản xuất điện | 750.766 | |
| 3 | Công ty CP ĐTPT Nhà và Đô thị IDICO | KCN Nhơn Trạch 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 173.702 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | Công ty TNHH Hyosung Việt Nam | Đường N2, KCN Nhơn Trạch 5, huyện Nhơn Trạch | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 122.008 | |
| 5 | Công ty TNHH Điện Lực Amata | KCN Amata, Phường Long Bình, TP Biên Hoà | Công nghiệp | Sản xuất điện | 52.376 | |
| 6 | Công ty CPHH VEDAN Việt Nam | Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành | Công nghiệp | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu | 136.962 | |
| 7 | Công ty Chế tạo CN và GC CB Hàng XK VN | Khu phố 5, phường Tam Hiệp, TP Biên Hoà | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 18.811 | |
| 8 | Công ty Phát Triển KCN Long Bình (Loteco) | Quốc lộ 15, KCN Loteco, TP Biên Hoà | Công nghiệp | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 22.974 | |
| 9 | Công ty Ajinomoto VN | Đường 11, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, TP Biên Hòa | Công nghiệp | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu | 16.783 | |
| 10 | Công ty CP Thép Biên Hòa (Vicasa) | Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, TP Biên Hoà | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 21.515 | |
| 11 | Công ty TNHH Sợi Tainan VN | Số 9, Đường 17A , KCN Biên Hòa 2, TP Biên Hòa | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 13.808 | |
| 12 | Công ty CPHH CN Gốm sứ TAICERA-KCN | Khu Công Nghiệp Gò Dầu, xã Phước Thái, huyện Long Thành | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 56.993 | |
| 13 | Công ty Changshine VN | Ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 11.933 | |
| 14 | Công ty TNHH POUCHEN Việt Nam | Quốc lộ 1K, xã Hóa An, TP Biên Hoà | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 9.395 | |
| 15 | Công ty TNHH Pousung VN | KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 8.881 | |
| 16 | Nhà máy hóa chất Biên Hòa | KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, TP Biên Hòa | Công nghiệp | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ | 11.900 | |
| 17 | Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn | (TR.BOM H-AN)DKE1, Biên Hoà | Công nghiệp | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 7.777 | |
| 18 | Công ty TNHH Robert Bosch VN | KCN Long Thành, huyện Long Thành | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 7.351 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | Công ty CP Chăn nuôi C.P. Việt Nam | KCN Bàu Xéo, huyện Trảng Bom | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 6.743 | |
| 20 | Công ty FUJITSU KCN BH2 | KCN Biên Hòa 2, TP Biên Hoà | Công nghiệp | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính | 6.676 | |
| 21 | Công ty TNHH Giày Đồng Nai Việt Vinh | KCN Sông Mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 6.069 | |
| 22 | Công ty TNHH Đông Phương ĐN | KCN Sông Mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 5.962 | |
| 23 | Công ty TNHH Shing Mark Vina | KCN Bàu Xéo, huyện Trảng Bom | Công nghiệp | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ | 5.682 | |
| 24 | Công ty LD LAFARGE xi măng | Xã Phước Khánh, huyện Long Thành | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 5.495 | |
| 25 | Công ty TNHH Giày Dona Standard VN | KCN Xuân Lộc, huyện Long Thành | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 5.280 | |
| 26 | Công ty TNHH Bao bì NGK Crown ĐN | Đường Số 04, KCN Tam Phước, TP Biên Hòa | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 5.079 | |
| 27 | Công ty TNHH Nhựa T.P.C Vina CN G.DAU | KCN Long Thành, huyện Long Thành | Công nghiệp | Sản xuất plastic nguyên sinh | 4.750 | |
| 28 | Công ty TNHH SAMIL VINA | KCN Long Thành, huyện Long Thành | Công nghiệp | Sản xuất vải dệt thoi | 4.957 | |
| 29 | Công ty TNHH 1TV Hóa chất cơ bản miền Nam | Đường 5, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, TP Biên Hoà | Công nghiệp | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ | 4.068 | |
| 30 | Công ty CP Việt-Pháp SX Thức ăn gia súc | KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, TP Biên Hoà | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 4.245 | |
| 31 | Công ty CP Quốc tế Pancera | KCN Gò Dầu, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 15.267 | |
| 32 | Công ty CP Phân bón Miền Nam | KCN Gò Dầu, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai | Công nghiệp | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ | 3.442 | |
| 33 | Công ty CP Thép An Khánh - Chi nhánh Đồng Nai | Ấp 4, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 3.400 | |
| 34 | Công ty CP SX&ĐT Hoàng Gia | KCN 2 Nhơn Phú, huyện Nhơn Trạch | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 12.023 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 35 | Công ty CP SX ống thép không hàn cán nóng | KCN Dệt may Nhơn Trạch, huyện Nhơn Trạch | Công nghiệp | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại | 3.332 | |
| 36 | Công ty TNHH MTV cấp nước Đồng Nai | Số 48, CMT8, phường Quyết Thắng, TP Biên Hoà | Công nghiệp | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 4.085 | |
| 37 | Công ty TNHH Dona Pacific VN | KCN Sông Mây, huyện Trảng Bom | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 2.936 | |
| 38 | Công ty CP Bảo Vân | Đường 5, KCN Biên Hoà 1, TP Biên Hòa | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 2.878 | |
| 39 | Công ty TNHH Sanlim Furniture VN | KCN Bàu Xéo, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom | Công nghiệp | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ | 2.826 | |
| 40 | Công ty TNHH Johnson Wood KCN T.PHUOC | KCN Long Thành, huyện Long Thành | Công nghiệp | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ | 2.801 | |
| 41 | Công ty CP Gạch men V.T.C | Lô 09 KCN Gò Dầu, huyện Long Thành | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 28.705 | |
| 42 | Công ty CPĐT SXTM Kim Phong | Ấp Bến Cam, xã Phước Thiền, huyện Long Thành | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 16.851 | |
| 43 | Công ty CP Tấm Lợp VLXD Đồng Nai | Đường số 4, KCN BH1, TP Biên Hoà | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 2.734 | |
| 44 | Công ty Cao su KENDA VN | KCN Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, Thống Nhất | Công nghiệp | Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su | 2.705 | |
| 45 | Công ty TNHH Dae Myung Chemical VN | KCN Long Thành, huyện Long Thành | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 2.587 | |
| 46 | Công ty CP BOO nước Thủ Đức | Trạm bơm nước Hóa An, Tỉnh lộ 16 | Công nghiệp | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 2.489 | |
| 47 | Công Ty CP B.O.O Nước Thủ Đức | 479, Khu phố 1, xa lộ Hà Nội, phường Linh Trung, Q.Thủ Đức, TPHCM | Công nghiệp | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 4.341 | |
| 48 | Công ty TNHH MABUCHI Motor VN | Đường 5A, KCN Biên Hòa 2, TP Biên Hoà | Công nghiệp | Sản xuất mô tơ, máy phát | 8.623 | |
| 49 | Công ty TNHH Gạch men Bách Thành | KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 10.696 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 50 | Công ty TNHH Global Dyeing | KCN Long Thành, huyện Long Thành | Công nghiệp | Sản xuất vải dệt thoi | 3.450 | |
| 51 | Công ty TNHH Su Heung VN | KCN Long Thành, Đường 1, Thị trấn Long Thành, huyện Long Thành | Công nghiệp | Sản xuất thuốc các loại | 3.165 | |
| 52 | Công ty TNHH Dinh Dưỡng Á Châu VN | KCN Sông Mây, huyện Thống Nhất | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 2.150 | |
| 53 | Công ty TNHH Gas Việt Nhật | Số 33, Đường 3A, KCN Biên Hòa 2, TP Biên Hòa | Công nghiệp | Sản xuất hoá chất cơ bản | 2.106 | |
| 54 | Công ty TNHH điện máy Haier Việt Nam | KCN Biên Hòa 2, TP Biên Hoà | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | 2.088 | |
| 55 | Công ty TNHH GREAT VECA VN - AP | Xã Bắc Sơn, huyệnTrảng Bom | Công nghiệp | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ | 2.083 | |
| 56 | Công ty CP POH HUAT VN (Chi nhánh Đồng Nai) | KCN Tam Phước, huyện Long Thành | Công nghiệp | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ | 2.079 | |
| 57 | Công ty TNHH AB Mauri Việt Nam | Xã La Ngà, huyện Định Quán | Công nghiệp | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu | 2.068 | |
| 58 | Công ty Grobest & I-MEI Industrial VN | Số 9, Đường 3A, KCN Biên Hòa 2, TP Biên Hòa | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 1.997 | |
| 59 | Công ty CP Chăn Nuôi CP.VNam | KCN Biên Hòa 2, TP Biên Hoà | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 1.982 | |
| 60 | Công ty TNHH Olympus VN | KCN Long Thành, huyện Long Thành | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 52.954 | |
| 61 | Công ty CP Hoa Việt | Khu phố 8, phường Long Bình, TP Biên Hòa | Công nghiệp | Sản xuất thuốc lá | 1.780 | |
| 62 | Nhà máy Sữa Dielac - Công ty CP Sữa VN | Xa lộ Hà Nội, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, TP Biên Hòa | Công nghiệp | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa | 5.331 | |
| 63 | Công ty TNHH MTV PAK VN | Xã Phước Bình, huyện Long Thành | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 2.359 | |
| 64 | Công ty LD Thuốc lá BAT-Vinataba Long Bình | Phường Long Bình, TP Biên Hòa | Công nghiệp | Sản xuất thuốc lá | 26.107 | |
| 65 | Công ty CP Tae Kwang Vina industrial | Đường 2A, KCN Biên Hòa 2, Biên Hoà | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 3.571 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 66 | Công ty TNHH Công nghiệp PLUS VN | Đường 1A, KCN Biên Hòa 2, Biên Hoà | Công nghiệp | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu | 1.542 | |
| 67 | Công ty TNHH Quốc tế Kim Bảo Sơn VN | KCN Long Thành, huyện Long Thành | Công nghiệp | Sản xuất bao bì từ plastic | 1.539 | |
| 68 | Công ty TNHH Surint Omya VN | KCN Gò Dầu, huyện Long Thành | Công nghiệp | Sản xuất hoá chất cơ bản | 1.519 | |
| 69 | Công ty CP Trung Đông | CCN Tam Phước 1, xã Tam Phước, TP Biên Hòa | Công nghiệp | Sản xuất bao bì từ plastic | 2.432 | |
| 70 | Công ty TNHH thép Seah VN | KCN Biên Hòa 2, TP Biên Hòa | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 2.596 | |
| 71 | Xí Nghiệp Cao su Đồng Nai | Đường 11, KCN Biên Hòa 1, TP Biên Hoà | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.415 | |
| 72 | Công ty Đúc chính xác CQS MAYS | Lô 9 KCN Hố Nai 3, huyệnTrảng Bom, Thống Nhất | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 1.394 | |
| 73 | Công ty CP Gạch Men Thanh Thanh | KCN Biên Hòa 1, TP Biên Hoà | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 7.378 | |
| 74 | Công ty TNHH Gỗ LEEFU VN | KCN Tam Phước, huyện Long Thành | Công nghiệp | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ | 1.350 | |
| 75 | Công ty TNHH YNGHUA VN | KCN Biên Hòa 2, TP Biên Hòa | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 1.342 | |
| 76 | Công ty TNHH Tín Dũng | KCN Hố Nai, huyện Trảng Bom, Thống Nhất | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | 1.336 | |
| 77 | Công ty TNHH Việt Nam MEIWA | Đường 15A, KCN Biên Hòa 2, TP Biên hòa | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | 1.301 | |
| 78 | Công ty Phân Bón Việt Nhật | KCN Gò Dầu, huyện Long Thành | Công nghiệp | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ | 4.126 | |
| 79 | Công ty CP Thép Nhà Bè | KCN Nhơn Trạch 2, xã Nhơn Phú, huyện Nhơn Trạch | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 2.592 | |
| 80 | Công ty TNHH On Semiconductor VN | Số 10, đường 17A, KCN Biên Hòa 2, TP Biên Hòa, T.Đồng Nai | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 1.173 | |
| 81 | Công ty TNHH Thành Vinh | Ấp 4, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom | Công nghiệp | Sản xuất các cấu kiện kim loại | 1.212 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 82 | Công ty LD Cáp Taihan Sacom | KCN Long Thành, huyện Long Thành | Công nghiệp | Sản xuất dây cáp, dây điện và điện tử khác | 1.152 | |
| 83 | Công ty TNHH Mainetti VN | KCN Long Thành, huyện Long Thành | Công nghiệp | Sản xuất các cấu kiện kim loại | 1.148 | |
| 84 | Công ty CP Ngô Han | Ấp Hiền Đức, xã Phước Thái, huyện Long Thành | Công nghiệp | Sản xuất dây cáp, dây điện và điện tử khác | 1.387 | |
| 85 | Công ty CP Gạch men Ý Mỹ | KCN Tam Phước, xã Tam Phước, TP Biên Hòa | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 2.838 | |
| 86 | Công ty TNHH Siêu Phàm | Số 8, Đường 5, KCN Biên Hòa 1, TP Biên Hòa | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su | 1.314 | |
| 87 | Công ty CP Gốm sứ Toàn quốc | KCN Gò Dầu, xã Phước Thái, huyện Long Thành | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác | 5.825 | |
| 88 | Công ty TNHH Bình Tiên Đồng Nai | Số 1/1, Phạm Văn Thuận, phường Tam Hiệp, TP Biên Hòa | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 1.511 | |
| 89 | Công ty TNHH PERFECT VISION | KCN Long Thành, huyện Long Thành | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.133 | |
| 90 | Công ty TNHH Sản xuất đồ mộc Chien Việt Nam | KCN Tam Phước, xã Tam Phước, TP Biên Hòa | Công nghiệp | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ | 1.169 | |
| 91 | Công ty TNHH CN DIING JYUO VN | KCN Tam Phước, xã Tam Phước, TP Biên Hòa | Công nghiệp | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác | 1.022 | |
| 92 | Công ty TNHH DAEWON CHEMICAL VINA | KCN Long Thành, huyện Long Thành | Công nghiệp | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú | 1.122 | |
| 93 | Công ty Tôn Phương Nam | Đường 9, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, TP Biên Hòa | Công nghiệp | Sản xuất các cấu kiện kim loại | 5.980 | |
| 94 | Công ty CP ĐT PT Cường Thuận Idico | Số 168 KP11, Phường An Bình, TP Biên Hòa | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.020 | |
| 95 | Công ty CP Gạch men Chang Yih | KCN Nhơn Trạch, huyện Nhơn Trạch | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 5.836 | |
| 96 | Công ty CP thiết bị vệ sinh Ceasar Việt Nam | KCN Nhơn Trạch, huyện Nhơn Trạch | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác | 4.792 | |
| 97 | Công ty TNHH Posco VST | KCN Nhơn Trạch, huyện Nhơn Trạch | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 8.861 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 98 | Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa | KCN Nhơn Trạch, huyện Nhơn Trạch | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 10.958 | |
| 99 | Công ty TNHH MTV SX Gạch men King Minh | Ấp Đồng Nai, Xã Hòa An, TP Biên Hòa | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 3.150 | |
| 100 | Công ty TNHH Thiết bị Hệ thống LPG | Các KCN thuộc Đồng Nai, Bình Dương và các tỉnh lân cận | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 18.466 | |
| 101 | Công ty TNHH Hóa chất và Xây dựng Phú Mỹ | KCN Biên Hòa 1, TP Biên Hòa | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 13.481 | |
| 102 | Công ty TNHH URC Việt Nam | Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, huyện Nhơn Phú | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 7.388 | |
| 103 | CN Công ty CP Trung Nguyên | Đường N2, KCN Nhơn Trạch 5, huyện Nhơn Trạch | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 1.873 | |
| 104 | Công ty TNHH Lốp Kumho Việt Nam | KCN Biên Hòa 1, TP Biên Hòa | Công nghiệp | Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su | 3.676 | |
| 105 | Công ty TNHH TTTM Lotte VN | Khu TM Amata, phường Long Bình, TP Biên Hòa | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 848 | |
| 106 | Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai | Phường Quyết Thắng, TP Biên Hòa | Công trình xây dựng | Hoạt động của các bệnh viện | 522 | |
| **5. TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU** | | | | | | |
| 1 | Cảng Xí nghiệp LD Vietsopetro | Số 73, đường 30/4 Phường 9, TP Vũng Tàu | Công nghiệp | Khai thác dầu thô | 1.910 | PVN |
| 2 | Công ty CP Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu | Số 14 đường 30/4, phường 9, Tp.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu | Công nghiệp | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 2.421 | |
| 3 | Công ty TNHH San Fang Việt Nam | Lô II-4 KCN Mỹ Xuân A2, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú | 1.448 | |
| 4 | Công ty TNHH chế biến bột mì Mekong | KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột | 4.801 | |
| 5 | Công ty TNHH Inter Flour Việt Nam | KCN Cái Mép, Xã Tân Phước, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột | 3.608 | |
| 6 | Công ty TNHH chế biến thủy sản Tiến Đạt | Ấp Láng Cát, xã Tân Phước, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 2.191 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 7 | DN tư nhân Liêm Chính | KCN Mỹ Xuân A, xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.373 | |
| 8 | Công ty TNHH CS WIND Việt Nam | KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại | 4.841 | |
| 9 | Công ty TNHH Posco Việt Nam | Lô số 1, KCN Phú Mỹ 2, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 36.156 | |
| 10 | CN Phía Nam - Công ty CP Xi măng Cẩm Phả | KCN Mỹ Xuân A, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 2.989 | |
| 11 | Nhà máy Thép Pomina 2 | KCN Phú Mỹ, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 76.050 | |
| 12 | Nhà máy Thép Pomina 3 | KCN Phú Mỹ, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 75.427 | |
| 13 | Công ty Thép Miền Nam | KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 62.031 | |
| 14 | Công ty Thép tấm lá Phú Mỹ | KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 6.270 | |
| 15 | Công ty TNHH CN Kính NSG Việt Nam | KCN Mỹ Xuân, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh | 35.535 | |
| 16 | Công ty TNHH Thép Vinakyoei | KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 27.906 | |
| 17 | Công ty TNHH MTV Giấy Sài Gòn - Mỹ Xuân | KCN Mỹ Xuân A, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 12.013 | |
| 18 | Công ty CP Công nghệ và Đầu tư Bách Việt | KCN Mỹ Xuân A, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học | 1.135 | |
| 19 | Công ty CP Tonghong Tannery Việt Nam | Lô II KCN Mỹ Xuân A2, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú | 6.261 | |
| 20 | Công ty TNHH Bluescope Steel Việt Nam | KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 9.236 | |
| 21 | Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen Phú Mỹ | KCN Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại | 30.634 | |
| 22 | Cty CP Thép tấm lá Thống Nhất | KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.929 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 23 | Công ty CP Hải Việt | KCN Đông Xuyên, P Rạch Dừa, TP Vũng Tàu | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.320 | |
| 24 | Công ty CP Thủy sản và XNK Côn Đảo | Số 40, Lê Hồng Phong, TP Vũng Tàu | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.218 | |
| 25 | Công ty TNHH MTV VLXD Hoa Sen | KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.697 | |
| 26 | Công ty TNHH Meisheng Textiles Việt Nam | CCN Ngãi Giao, Thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 20.637 | |
| 27 | Cty CP vật liệu xây dựng DIC Long Hương | QL 51, phường Kim Đinh, TP Bà Rịa | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 3.947 | |
| 28 | Công ty TNHH Gốm sứ Mỹ Xuân | KCN Mỹ Xuân A, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 7.780 | |
| 29 | Công ty TNHH Công nghiệp Gốm Bạch Mã (Việt Nam) | KCN Mỹ Xuân, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 16.235 | |
| 30 | Công ty TNHH Gạch men Mỹ Đức | KCN Mỹ Xuân A, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 3.482 | |
| 31 | Công ty TNHH Gạch men Nhà Ý | KCN Mỹ Xuân A, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 7.573 | |
| 32 | Công ty TNHH Prime Asia Việt Nam | Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Huyện Tân Thành | Công nghiệp | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú | 1.531 | |
| 33 | Công ty TNHH Xm Holcim Việt Nam- Trạm nghiền xi măng | KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 5.653 | |
| 34 | CN TCT Thủy Sản Việt Nam - Cảng Cá Cắt Lỡ Vũng Tàu | Số 1007/34 đường 30/4 TP Vũng Tàu | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.783 | |
| 35 | Công ty TNHH PAK Việt Nam | KCN Mỹ Xuân A, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 1.500 | |
| 36 | NM nước đá Hải Điền | Thị trấn Long Hải, huyện Long Điền | Công nghiệp | Sản xuất nước đá | 1.118 | |
| 37 | NM gạch men Hoàng Gia | KCN Mỹ Xuân A, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 17.069 | |
| 38 | Công ty Baconco KCN Phú Mỹ | KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp | 13.079 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 39 | CN Công ty TNHH Airliquide Việt Nam | KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất hoá chất cơ bản | 4.145 | |
| 40 | Công ty TNHH Eclat Fabrics Việt Nam | KCN Mỹ Xuân A2, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất vải dệt thoi | 16.447 | |
| 41 | Công ty TNHH Xay lúa mì Việt Nam | KCN Mỹ Xuân A, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột | 1.364 | |
| 42 | Công ty TNHH nhựa và hóa chất Phú Mỹ (NM Hạt nhựa PVC) | KCN Cái Mép, Xã Phước Hòa, Huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 9.501 | |
| 43 | Công ty TNHH Gạch INAX Việt Nam | KCN Mỹ Xuân A, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 3.417 | |
| 44 | Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa | QL 51A, P Long Hương, TP Bà Rịa | Công nghiệp | Sản xuất điện | 268.723 | EVN |
| 45 | Tổng công ty Phát điện 3 | Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất điện | 2.793.682 | EVN |
| 46 | Nhà máy Đạm Phú Mỹ | KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất hoá chất cơ bản | 202.552 | PVN |
| 47 | XN Liên doanh Vietso Petro | Số 105, Lê Lợi, TP Vũng Tàu | Công nghiệp | Khai thác dầu thô | 29.525 | PVN |
| 48 | NM gạch Phú Mỹ | KCN Mỹ Xuân B1, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 1.800 | |
| 49 | Công ty CP Dầu thực vật Tường An | KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động, thực vật | 4.813 | |
| 50 | Nhà máy Nhiệt điện BOT Phú Mỹ 3 | Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất điện | 787.577 | |
| 51 | Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ BOT 2.2 | Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất điện | 720.900 | |
| 52 | Dây chuyền nghiền sàng đá XD (Tổng công ty VLXD số 1) | Km50, QL 51, xã Tân Phước, Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 40.041 | |
| 53 | Công ty CP Chiana Steel Sumikin | KCN Mỹ Xuân A2, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 15.879 | |
| 54 | Công ty TNHH Đông Phương | Đường 11, KCN Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP Vũng Tàu | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 1.175 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 55 | Công ty Gas Việt Nhật chi nhánh Phú Mỹ | KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất hoá chất cơ bản | 11.389 | |
| 56 | Công ty TNHH Bunge Việt Nam | KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động, thực vật | 4.267 | |
| 57 | Nhà máy Công ty TNHH thủy tinh Malaya - Việt Nam | KCN Mỹ Xuân A, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh | 12.511 | |
| 58 | Nhà máy Công ty TNHH LLG Vina | KCN Mỹ Xuân A2, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh | 3.209 | |
| 59 | Công ty TNHH Fritta Việt Nam | KCN Mỹ Xuân A, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 1.800 | |
| 60 | Nhà máy Công ty CP CNG Việt Nam | KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế | 7.554 | |
| 61 | Công ty TNHH Vũ Chân | KCN Mỹ Xuân, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học | 2.125 | |
| 62 | Công ty TNHH Thép Đồng Tiến | Km3, KCN Mỹ Xuân B1, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 10.431 | |
| 63 | Công ty TNHH thép Fuco | KCN Phú Mỹ 2, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 52.919 | |
| 64 | Công ty CP Thương mại và sản xuất Tôn Tân Phước Khanh | KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại | 4.758 | |
| 65 | Chi nhánh Công ty TNHH Khí hóa lỏng miền Nam | Số 449 Nguyễn An Ninh, P9, TP Vũng Tàu | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế | 1.568 | |
| 66 | Công ty TNHH Cảng quốc tế Tân Cảng - Cái Mép | Tầng 7, Toà nhà Sài Gòn Newport, Xã Tân Phước, Tân Thành | Vận tải | Bốc xếp hàng hóa cảng biển | 1.676 | |
| 67 | Công ty TNHH Cảng quốc tế Thị Vải | KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành | Vận tải | Bốc xếp hàng hóa cảng biển | 1.389 | |
| 68 | Công ty CP Cảng Đông Xuyên | Đường 12, KCN Đông Xuyên, Rạch Giá, TP Vũng Tàu | Vận tải | Bốc xếp hàng hóa cảng biển | 1.580 | |
| 69 | Cảng cá Cát Lở Vũng Tàu | Số 1007/34 Đường 30/4 P11, TP Vũng Tàu | Vận tải | Bốc xếp hàng hóa cảng biển | 1.728 | |
| 70 | Công ty dầu khí Việt Nhật | T7, Tòa nhà dầu khí, số 8 Hoàng Diệu, TP Vũng Tàu | Công nghiệp | Khai thác dầu thô | 2.364 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 71 | Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí hàng hải PTSC | Số 31 đường 30/4, P9, TP Vũng Tàu | Công nghiệp | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn | 1.772 | PVN |
| 72 | Công ty TNHH BOOMIN VINA | Xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 1.665 | |
| 73 | Công ty TNHH LIVING & LIFE VINA | KCN Mỹ Xuân A2, huyện Tân Thành | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 4.104 | |
| 74 | CN TCT Khí VN- Công ty CP Chế biến khí Vũng Tàu | 101 Lê Lợi Phường 6, TP Vũng Tàu, tỉnh BRVT | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế | 9.967 | |
| 75 | Công ty Cảng DV Dầu khí (PTSC) | Số 65A, đường 30/4, phường 9, TP Vũng Tàu | Vận tải | Bốc xếp hàng hóa cảng biển | 2.313 | PVN |
| 76 | PTSC tàu dịch vụ dầu khí | Số 73, đường 30/4 Phường 9, TP Vũng Tàu | Vận tải | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương | 1.891 | PVN |
| 77 | Công ty CP dịch vụ khai thác dầu khí PTSC | Tầng 6, toà nhà PV, số 8 Hoàng Diệu, P1, TP Vũng Tàu | Vận tải | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương | 12.598 | |
| 78 | Công ty CP vận tải dầu khí Vũng Tàu | Tầng 5, toà nhà số 208 Thống Nhất, P8, TP Vũng Tàu | Vận tải | Dịch vụ đại lý tàu biển | 3.978 | |
| 79 | Công ty CP DV XNK Nông lâm sản và phân bón Bà Rịa | KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành | Vận tải | Bốc xếp hàng hóa cảng biển | 1.184 | |
| 80 | Công ty CP Tiến Lộc | Đường Nguyễn An Ninh, TP Vũng Tàu | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) | 6.288 | |
| 81 | Công ty CP cung ứng nhiên liệu tàu biển Vinabunkrer | Số 12 Lý Tự Trọng, Phường 1, TP Vũng Tàu | Vận tải | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương | 1.937 | |
| 82 | Công ty Dịch vụ Hàng hải dầu khí (PVTRANS OFS) | Phòng 310, Lầu 3, Petro Tower, số 8 Hoàng Diệu, Phường 1, TP. Vũng Tàu | Vận tải | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương | 36.073 | PVN |
| 83 | Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Miền Đông | Số 54B đường 30/4, phường Thắng Nhất, TP Vũng Tàu | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) | 469.716 | |
| 84 | Xí nghiệp xăng dầu PETEC - Cái Mép | KCN Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) | 27.778 | |
| 85 | Công ty TNHH dự án Hồ Tràm | Xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc | Công trình xây dựng | Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày | 5.555 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 86 | Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn - Vũng Tàu | Số 36 Nguyễn Thái Học, P7, TP Vũng Tàu | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 524 | |
| 87 | Khách sạn Imperia Vũng Tàu | Số 159 Thùy Vân, TP Vũng Tàu | Công trình xây dựng | Khách sạn | 703 | |
| 88 | Khách sạn Palace | Số 01, Nguyễn Trãi P1, TP Vũng Tàu | Công trình xây dựng | Khách sạn | 588 | |
| 89 | Công ty TNHH Khách sạn Dầu Khí PTSC | Số 9-11 Hoàng Diệu, Phường 1, TP Vũng Tàu | Công trình xây dựng | Khách sạn | 106.721 | |
| | **6. THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | | | | | |
| 1 | Nhà máy Bia Việt Nam | Số 170 đường Lê Văn Khương, phường Thới An, Quận 12 | Công nghiệp | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia | 4.585 | |
| 2 | Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải | Số 32/4 KP1, phường Thới An, Quận 12 | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.276 | |
| 3 | Công ty CP Sữa Việt Nam - nhà máy quận 12 | Lô 1-18, KHU G1, KCN-TTH Hiệp Thành, Quận 12 | Công nghiệp | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa | 2.264 | |
| 4 | Công ty TNHH SX TM Hồng Phúc | Số 15 Hà Huy Giáp, phường Thạnh Lộc, Quận 12 | Công nghiệp | Sản xuất nước đá | 1.218 | |
| 5 | Công ty Pepsico Vietnam | Lầu 5 Cao ốc SHERATON, 88 đường Đồng Khởi, Quận 1 | Công nghiệp | Sản xuất đồ uống không cồn | 3.061 | |
| 6 | Công ty CP Tập đoàn Thái Tuấn | Số 1/148 đường Nguyễn Văn Quá, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12 | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 1.822 | |
| 7 | Công ty TNHH Dệt Kim Đông Quang | Số 19/5 đường Nguyễn Ảnh Thủ, phường Hiệp Thành, Quận 12 | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 4.619 | |
| 8 | Công ty TNHH Tân Vinh Phát | Số 170 KP5, phường Tân Thới Nhất, Quận 12 | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 1.128 | |
| 9 | Công ty CP Enternal Prowess Vietnam | Số 2969-2971 Quốc lộ 1A, phường Tân Thới Nhất, Quận 12 | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su | 1.624 | |
| 10 | Xí nghiệp Cao su Huyện Hóc Môn | KP2, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12 | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su | 1.489 | |
| 11 | Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Phát Thành | Số 2909, Quốc lộ 1A, KP5, phường Tân Thới Nhất, Quận 12 | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.318 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 12 | Công ty TNHH Thương mại Sản xuất nhựa Tiến Thành | Số 2977/10/15 KP5, phường Tân Thới Nhất, Quận 12 | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.256 | |
| 13 | Công ty CP Nhựa Vinh Hoa | Lô H20-H20A đường 3&6, KCN Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh | Công nghiệp | Sản xuất bao bì từ plastic | 1.684 | |
| 14 | Công ty TNHH TM SX Nguyễn Tình | Lô G DG D1 KCN An Hạ, huyện Bình Chánh | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 1.212 | |
| 15 | Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn | Lô C45/I-C50/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh | Công nghiệp | Sản xuất thuốc lá | 3.184 | |
| 16 | Công ty CP Shang One Việt Nam | Lô H2-H4 KCN Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 1.503 | |
| 17 | Công ty TNHH Nhựa Sunway Mario | E9/58A Ấp 5, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.762 | |
| 18 | Nhà máy bia Sài Gòn - Hoàng Quỳnh (CN Công ty CP Bia Bình Tây) | A73/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân | Công nghiệp | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia | 1.401 | |
| 19 | Công ty TNHH SX nước đá Hạnh Phước | Số 771 đường Lê Trọng Tấn, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân | Công nghiệp | Sản xuất nước đá | 1.287 | |
| 20 | Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Tân Hữu Thành | Số 194, đường Bình Trị Đông, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân | Công nghiệp | Sản xuất nước đá | 1.230 | |
| 21 | Công ty TNHH Việt Nam Paiho | Lô số 30-32, đường Số 3, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 1.522 | |
| 22 | Công ty TNHH SXTM DV XNK Nhật Nam | Lô số 08-10-12-12A đường số 7, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 1.103 | |
| 23 | Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam | D10/89 Quốc Lộ 1A, phường Tân Tạo, quận Bình Tân | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 36.385 | |
| 24 | Công ty CP Nhựa Bình Minh | Số 240 đường Hậu Giang, Phường 9, Quận 6 | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.047 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 25 | Công ty TNHH SX Nhựa Triệu Du Bổn | Lô số 15-17 đường số 1, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.064 | |
| 26 | Công ty TNHH SX TM DV Thịnh Khang | Lô số 9 đường số 2, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 2.191 | |
| 27 | Công ty CP SX CN TM Nguyên Phát | Lô số 22 đường số 3, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 2.760 | |
| 28 | Công ty TNHH Bao bì Nhựa Thành Phú | Số 652 Hồ Học Lãm, KP14, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân | Công nghiệp | Sản xuất bao bì từ plastic | 1.044 | |
| 29 | Công ty TNHH RKW Lotus | D4/14 Tỉnh lộ 10, phường Tân Tạo, quận Bình Tân | Công nghiệp | Sản xuất bao bì từ plastic | 2.294 | |
| 30 | CN Công ty CP Đại Đồng Tiến - Xưởng 1 | Số 948 Hương lộ 2, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 2.809 | |
| 31 | Công ty TNHH nhựa Long Thành | Số 135A Hồ Học Lãm, phường An Lạc, quận Bình Tân | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 4.136 | |
| 32 | Công ty CP nhựa Duy Tân | Số 298 Hồ Học Lãm, KP3, phường An Lạc, quận Bình Tân | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 5.685 | |
| 33 | Công ty TNHH nhựa Tân Lập Thành | Số 322A Hồ Học Lãm, KP3, phường An Lạc, quận Bình Tân | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.723 | |
| 34 | DNTN Phương Oanh | Số 10/10 KP3, Quốc Lộ 1A, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 2.979 | |
| 35 | Công ty CP SX XNK Inox Kim Vĩ | Số 117 đường Võ Văn Bích, ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi | Công nghiệp | Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn | 1.301 | |
| 36 | Tổng công ty cấp nước Sài Gòn (Nhà máy nước Củ Chi) | Ấp 2, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi | Công nghiệp | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 2.234 | |
| 37 | Công ty TNHH MTV KIDO | KCN Tây Bắc Củ Chi, ấp Cây Sộp, Xã Tân An Hội, huyện Củ Chi | Công nghiệp | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa | 1.225 | |
| 38 | Chi nhánh Tổng công ty CP Bia rượu NGK Sài Gòn | Khu C1, KCN Tây Bắc, huyện Củ Chi | Công nghiệp | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia | 4.554 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 39 | Công ty CP Sợi Thế kỷ | B1-1 Khu Công Nghiệp Tây Bắc | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 6.696 | |
| 40 | Công ty TNHH Hansae Việt Nam | Đường N4, KCN Tây Bắc, huyện Củ Chi | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 1.770 | |
| 41 | Công ty TNHH Việt Nam Samho | Ấp Thạnh An, xã Trung An, huyện Củ Chi | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 4.375 | |
| 42 | Công ty TNHH Woodworth Wooden (VN) | Ấp 12, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi | Công nghiệp | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ | 2.451 | |
| 43 | Công ty TNHH Quốc tế Unilever Vietnam | Lô số A2-3, KCN Tây Bắc, huyện Củ Chi | Công nghiệp | Sản xuất mỹ phẩm | 2.398 | |
| 44 | CN Công ty CP DV TM nhựa Ngọc Nghĩa - Nhà máy số 2 | Lô số B1-8, Khu Công Nghiệp Tây Bắc,Củ Chi,Tân An Hội | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.847 | |
| 45 | Công ty CP nhựa Rạng Đông | Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.059 | |
| 46 | Chi nhánh Công ty cao su Thống nhất - XN 1 | Tổ 3 TL 15, Ấp 12, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su | 1.500 | |
| 47 | Công ty CP nhựa P.E.T Việt Nam | Lô số B1-9, KCN Tây Bắc, huyện Củ Chi | Công nghiệp | Sản xuất bao bì từ plastic | 1.372 | |
| 48 | Công ty CP thép Á Châu | Lô B6 KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.394 | |
| 49 | Chi nhánh Công ty CP Xi măng Thăng Long | Lô A3 KCN Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 3.479 | |
| 50 | Công ty TNHH Boral Gypsum Viet Nam | Lô B3a KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè | Công nghiệp | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao | 5.747 | |
| 51 | Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long | Lô C25 KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 3.817 | |
| 52 | Công ty TNHH Saint - Gobain Viet Nam | Lô C23B đường số 11, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè | Công nghiệp | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao | 6.233 | |
| 53 | Công ty TNHH Xi măng Holcim Viet Nam | KCN Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 1.451 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 54 | Công ty Xi măng Chinfon - nhà máy ghiền clinker | Lô A7 KCN Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 2.228 | |
| 55 | Nhà máy xi măng FICO | Lô A5B KCN Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 3.922 | |
| 56 | Chi nhánh Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân Hiệp Phước | Lô C21 KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè | Công nghiệp | Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động, thực vật | 2.362 | |
| 57 | Công ty CP thuộc da Hào Dương | Lô A18 KCN Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè | Công nghiệp | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú | 1.144 | |
| 58 | Công ty TNHH MTV Kỹ nghệ súc sản Vissan | Số 420 Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt khác | 1.135 | |
| 59 | Công ty May 28 | Số 03 đường Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 1.849 | |
| 60 | Công ty TNHH giày da Huê Phong | Số 57/4A đường Phạm Văn Chiêu, phường 14, quận Gò Vấp | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 1.518 | |
| 61 | Tổng công ty cấp nước Sài Gòn (Nhà máy nước Tân Hiệp) | xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn | Công nghiệp | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 2.730 | |
| 62 | Công ty TNHH SX Tam Hùng | Số 109 ấp 5, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.186 | |
| 63 | Công ty CP Hóa dược Mekophar | Số 267/5 đường Lý Thường Kiệt, Quận 11 | Công nghiệp | Sản xuất thuốc các loại | 1.136 | |
| 64 | Công ty TNHH MTV Ba Son | Số 2 đường Tôn Đức Thắng, Quận 1 | Công nghiệp | Đóng tàu và cấu kiện nổi | 1.124 | |
| 65 | Công ty điện thoại Đông Thành Phố | Số 125 đường Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, Quận 1 | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 1.917 | |
| 66 | Công ty CP Chế biến hàng xuất khẩu Cầu Tre | Số 125/208 đường Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt khác | 1.092 | |
| 67 | Công ty CP Dệt may TM Thành Công | Số 36 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 4.319 | |
| 68 | Công ty CP Dệt may Thắng Lợi | Số 02 đường Trường Chinh, quận Tân Phú | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 4.813 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 69 | Công ty CP Bao bì nhựa Tân Tiến | Lô II-4,5,10,11 đường số 13, nhóm CN II, KCN Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú | Công nghiệp | Sản xuất bao bì từ plastic | 3.822 | |
| 70 | FPT Telecom Tân Thuận | Lô U37-39A, KCX Tân Thuận, Quận 7 | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 1.178 | |
| 71 | Công ty CP Technology (VN) | Đường Tân Thuận, KCX Tân Thuận, Quận 7 | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng | 1.958 | |
| 72 | Công ty TNHH Furukawa Automotive Part (Vietnam) | Số 19 đường 19, KCX Tân Thuận,Quận 7 | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại | 2.899 | |
| 73 | Công ty TNHH Hong Ik Vina | Số 18 đường 18, KCX Tân Thuận, Quận 7 | Công nghiệp | Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn | 2.315 | |
| 74 | Công ty TNHH Juki (Vietnam) | Số 5 đường 5, KCX Tân Thuận, Quận 7 | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 2.216 | |
| 75 | Công ty TNHH Kim May Organ (VN) | Lô B-7-10 đường Tân Thuận, KCX Tân Thuận, quận 7 (hoặc Lô U.02-12A đường số 22 & 15 KCX Tân Thuận) | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 1.529 | |
| 76 | Công ty TNHH Matai (VN) | khu A Lô N số 47b-49-51-53-55, đường số 20, KCX Tân Thuận, Quận 7 | Công nghiệp | Sản xuất bao bì từ plastic | 1.196 | |
| 77 | Công ty TNHH Mtex (VN) | Đường số 18, KCX Tân Thuận, Quận 7 | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | 1.700 | |
| 78 | Công ty TNHH Nidec Tosok (VN) | Đường số 16, KCX Tân Thuận, Quận 7 | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 9.600 | |
| 79 | Công ty TNHH Nikkiso Vietnam | Số 19 đường 19, KCX Tân Thuận, Quận 7 | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp | 1.277 | |
| 80 | Công ty TNHH Nissey Vietnam | Lô P25a-33b đường 14, KCX Tân Thuận, Quận 7 | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học | 1.307 | |
| 81 | Công ty TNHH Quốc tế Hoàng Việt | Số 3 đường 3, KCX Tân Thuận, Quận 7 | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 1.288 | |
| 82 | Công ty TNHH UACJ Foundry & Forging Vietnam | Đường số 16, KCX Tân Thuận, Quận 7 | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 2.019 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 83 | Công ty TNHH nhôm định hình Sapa Bến Thành | Lô C, đường số 3, KCN Bình Chiểu, quận Thủ Đức | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 1.102 | |
| 84 | Công ty CP Thép Thủ Đức | Km9 xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 16.887 | |
| 85 | Công ty TNHH Nissei Electric | Lô 95-98 KCX Linh Trung, phường Linh Trung, quận Thủ Đức | Công nghiệp | Sản xuất dây cáp, dây điện và điện tử khác | 3.459 | |
| 86 | Công ty TNHH Sài Gòn PRECISION | Lô 17 KCX Linh Trung, phường Linh Trung, quận Thủ Đức | Công nghiệp | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại | 1.238 | |
| 87 | Công ty TNHH SUNG SHIN | Lô 112-116P KCX Linh Trung, quận Thủ Đức | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 1.751 | |
| 88 | Công ty TNHH FREETREND INDUSTRIAL A | Lô số 26-31, KCX Linh Trung 2, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 4.572 | |
| 89 | Công ty TNHH FREETREND INDUSTRIAL | Lô 24-34, 67-69, 79-85 phường Linh Trung, quận Thủ Đức | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 7.371 | |
| 90 | Công ty TNHH YUJIN VINA | Lô 71-74, phường Linh Trung, quận Thủ Đức | Công nghiệp | Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn | 1.327 | |
| 91 | Công ty TNHH KREVER VINA | Lô 76, phường Linh Trung, quận Thủ Đức | Công nghiệp | Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn | 1.475 | |
| 92 | Công ty CP B.O.O nước Thủ Đức | 479, Kp1, XL Hà Nội, P.Linh Trung, Q.Thủ Đức, TPHCM | Công nghiệp | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 2.449 | |
| 93 | Tổng công ty cấp nước Sài Gòn (Nhà máy nước Thủ Đức) | Số 2 đường Lê Văn Chí, phường Linh Trung, quận Thủ Đức | Công nghiệp | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 6.029 | |
| 94 | Công ty CP Giấy Vĩnh Huê | Số 66/5 Quốc lộ 1, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 1.251 | |
| 95 | Công ty CP Sữa Việt Nam (Nhà máy sữa Thống Nhất) | Số 12 đường Đặng Văn Bi, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức | Công nghiệp | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa | 1.236 | |
| 96 | Công ty TNHH COCA-COLA Vietnam | Số 485 đường Hà Nội, phường Linh Trung, quận Thủ Đức | Công nghiệp | Sản xuất đồ uống không cồn | 1.450 | |
| 97 | Công ty TNHH Dệt Việt Phú | Số 127 đường Lê Văn Chí, phường Linh Trung, quận Thủ Đức | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 1.863 | |
| 98 | Công ty CP Tổng công ty Việt Thắng | Số 127 đường Lê Văn Chí, phường Linh Trung, quận Thủ Đức | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 8.682 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 99 | Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1 - Trạm nghiền Thủ Đức | Km8 xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 5.791 | VICEM |
| 100 | Công ty LD TNHH Crown Saigon | Xa lộ Hà Nội, phường Hiệp Phú, Quận 9 | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 3.931 | |
| 101 | Công ty TNHH Nidec Copal Precision VN | Lô I-1d-1 đường N1 Khu Công nghệ cao, phường Hiệp Phú, Quận 9 | Công nghiệp | Sản xuất mô tơ, máy phát | 1.678 | |
| 102 | Công ty TNHH Jabil Vietnam | Lô I8-1 Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, Quận 9 | Công nghiệp | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) | 1.699 | |
| 103 | Công ty TNHH Nidec Vietnam Corporation | Lô I1-N2 Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, Quận 9 | Công nghiệp | Sản xuất mô tơ, máy phát | 2.194 | |
| 104 | Công ty TNHH Nidec Sankyo Vietnam | Lô I1-N1 Khu Công Nghệ Cao, phường Tân Phú, Quận 9 | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | 2.027 | |
| 105 | Công ty TNHH Xi măng Holcim Viet Nam - trạm Cát Lái | Km7 đường Nguyễn Thị Định, phường Thành Mỹ Lợi, Quận 2 | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 1.157 | |
| 106 | Cảng Sài Gòn | Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, phường Thành Mỹ Lợi, Quận 2 | Vận tải | Vận tải hàng hóa viễn dương | 5.748 | |
| 107 | Công ty CP Phát triển Sài Gòn | Số 6512 Ấp Long Sơn, phường Long Bình, Quận 9 | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 1.586 | |
| 108 | Công ty TNHH Intel Products VN | Lô I2 đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, Quận 9 | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | 6.720 | |
| 109 | Công ty TNHH Nidec Servo Vietnam | Lô I1.3-N1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, Quận 9 | Công nghiệp | Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy) | 1.109 | |
| 110 | Công ty CP Dệt gia dụng Phong Phú | Số 48 đường Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9 | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 1.163 | |
| 111 | Công ty TNHH MTV sợi chỉ may Phong Phú | Số 48 đường Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9 | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 4.476 | |
| 112 | Công ty CP xi măng Hà Tiên 1 - Trạm nghiền Phú Hữu | To 8 KP4P, phường Phú Hữu, Quận 9 | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 6.400 | |
| 113 | Công ty TNHH Saigon Allied Technologies | Lô I4, Khu Công Nghệ Cao, phường Tân Phú, Quận 9 | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | 1.053 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 114 | Công ty TNHH Sonion Vietnam | Lô I3-9 Khu Công Nghệ Cao, phường Tân Phú, Quận 9 | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.038 | |
| 115 | Khu CN Lê Minh Xuân - Công ty CP Đầu tư Xây dựng | A6/177B Trần Đại Nghĩa, Xã Tân Nhựt, H. Bình Chánh | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 2.160 | |
| 116 | Công ty Dệt Sài Gòn-JOUBO | Số 191 Bùi Minh Trực, Phường 6, Quận 8 | Công nghiệp | Sản xuất vải dệt thoi | 1.001 | |
| 117 | Nhà máy Bia Sài Gòn | Số 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5 | Công nghiệp | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia | 1.318 | |
| 118 | Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam | Số 81-85 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1 | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 19.480 | |
| 119 | Công ty TNHH Nestlé Việt Nam - Nhà máy 2 | Lầu 9 Etow3, Số 364 Cộng Hòa, Quận Tân Bình | Công nghiệp | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa | 1.370 | |
| 120 | Công ty CP Sữa Việt Nam - Công ty TNHH MTV Sữa Dielac | Số 10 Tân Trào, P Tân Phú, Quận 7 | Công nghiệp | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa | 4.149 | |
| 121 | Công ty TNHH Metro Cash & Carry Vietnam (Hiệp Phú) | Phường Tân Thới Hiệp, Quận 12 | Công trình xây dựng | Bán buôn tổng hợp | 539 | |
| 122 | Công ty TNHH MTV Phát triển Công viên phần mềm Quang Trung | Quốc lộ 1A, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12 | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 4.642 | |
| 123 | Công ty TNHH Metro Cash & Carry Vietnam (Bình Phú) | F10 đường 26, KDC Bình Phú, Phường 10, Quận 6 | Công trình xây dựng | Bán buôn tổng hợp | 712 | |
| 124 | Siêu thị Big C An Lạc | Khu phố 5, số 1231 Quốc Lộ 1A, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân | Công trình xây dựng | Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại | 856 | |
| 125 | Bệnh viện Đa khoa Triều An | Số 425 đường Kinh Dương Vương, phường An Lac, quận Bình Tân | Công trình xây dựng | Hoạt động của các bệnh viện | 610 | |
| 126 | Công ty CP Hùng Vương | Số 126 đường Hùng Vương, Phường 12, Quận 5 | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 1.809 | |
| 127 | Khách sạn Thương mại An Đông | Số 126 đường Hùng Vương, Phường 12, Quận 5 | Công trình xây dựng | Khách sạn | 2.213 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 128 | Công ty CP Thủy tinh Hưng Phú | Số 84 đường Phạm Thế Hiển, Phường 1, Quận 8 | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 591 | |
| 129 | Khách sạn Equatorial TP.HCM | Số 242, đường Trần Bình Trọng, Phường 4, Quận 5 | Công trình xây dựng | Khách sạn | 1.012 | |
| 130 | Công ty quản lý và kinh doanh Chợ Bình Điền | Đại lộ Nguyễn Văn Linh, Khu Phố 6, Phường 7, Quận 8 | Công trình xây dựng | Hoạt động khác | 2.153 | |
| 131 | Bệnh viện Nguyễn Trãi | Số 314 đường Nguyễn Trãi, Phường 8, Quận 5 | Công trình xây dựng | Hoạt động của các bệnh viện | 504 | |
| 132 | Bệnh viện Chợ rẫy | Số 201B đường Nguyễn Chí Thanh, Quận 5 | Công trình xây dựng | Hoạt động của các bệnh viện | 1.809 | |
| 133 | Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi | Đường Nguyễn Văn Hoài, Ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi | Công trình xây dựng | Hoạt động của các bệnh viện | 532 | |
| 134 | Tổng công ty Khí Vietnam - Công ty CP | Số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 739 | |
| 135 | Siêu thị Big C Hoàng Văn Thụ | Số 202B đường Hoàng Văn Thụ. Phường 9, quận Phú Nhuận | Công trình xây dựng | Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại | 678 | |
| 136 | Công ty TNHH KS Văn phòng làm việc AY | Số 251 đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 10, quận Phú Nhuận | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 804 | |
| 137 | Công ty CP Sài Gòn Givral | Số 144 đường Nguyễn Văn Trỗi, quận Phú Nhuận | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 582 | |
| 138 | Công ty CP Đầu tư Nguyên Vũ | Số 106 đường Nguyễn Văn Trỗi, quận Phú Nhuận | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 941 | |
| 139 | Bệnh viện Nhân dân Gia Định | Số 01 đường Nơ Trang Long, quận Phú Nhuận | Công trình xây dựng | Hoạt động của các bệnh viện | 682 | |
| 140 | Công ty CP Quản lý bất động sản Bình Minh | Số 91 đường Nguyễn Hữu Cảnh, quận Phú Nhuận | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 568 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 141 | TTTM Maximark 3/2 | Số 3-3C đường 3/2, Phường 11, Quận 10 | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 912 | |
| 142 | Công ty TNHH MTV Thương mại và Bất động sản T. đường - Chi nhánh TPHCM | Số 184 đường Lê Đại Hành, Phường 15, Quận 11 | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 1.162 | |
| 143 | Công ty CP Bảo Gia | Số 184 đường Lê Đại Hành, Phường 15, Quận 11 | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 1.137 | |
| 144 | HTX Thương mại Dịch vụ Toàn Tâm | Số 497 đường Hòa Hảo, Quận 10 | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 541 | |
| 145 | Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ | Số 215B đường Lý Thường Kiệt, Quận 10 | Công trình xây dựng | Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống | 709 | |
| 146 | Công ty CP Chương Dương | Số 328 đường Võ Văn Kiệt, phường Cô Giang, Quận 1 | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 648 | |
| 147 | CN Công ty CP Đầu tư Vạn Thịnh Phát | Số 8 đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1 | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 1.205 | |
| 148 | Tổng công ty Điện lực TP.HCM | Số 35 đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1 | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | 774 | |
| 149 | Công ty TNHH TMDV Phan Thanh | Số 77-89 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Quận 1 | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 606 | |
| 150 | Công ty TNHH MTV Itaxa | Số 122-124-126 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3 | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 604 | |
| 151 | Trung tâm Điện toán Truyền số liệu Khu vực II | Số 42 đường Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3 | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 562 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 152 | Công ty LD căn hộ và văn phòng Sài Gòn | Số 11 đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1. | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 506 | |
| 153 | Thương xá Tax | Số 135 Nguyễn Huệ, quận 1 | Công trình xây dựng | Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại | 610 | |
| 154 | Khách sạn Novotel | Số 167 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3 | Công trình xây dựng | Khách sạn | 613 | |
| 155 | Công ty CP XNK Tân Định | Số 45 Nguyễn Văn Mai, Phường 8, Quận 3 | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 671 | |
| 156 | Công ty CP Phát triển A&B | Số 76 đường Lê Lai | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 706 | |
| 157 | Công ty CP Đầu tư Times Square Việt Nam | Số 22-36 Nguyễn Huệ & 57-69F Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1 | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 746 | |
| 158 | Công ty CP Sao Phương Nam | Số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3 | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 859 | |
| 159 | Cao ốc Metropolitan | Số 235 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1 | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 861 | |
| 160 | Tổng công ty XD số 1 - TNHH MTV | Số 111A Pasteur, Quận 1 | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 873 | |
| 161 | Công ty LD TM Quốc tế IBC (Diamond plaza) | Số 34 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1 | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 1.047 | |
| 162 | Khách sạn Bến Thành (Rex) | Số 141 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1 | Công trình xây dựng | Khách sạn | 1.077 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 163 | Công ty LD Trung tâm thương mại Quốc tế | Số 34 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1 | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 1.114 | |
| 164 | Công ty CP Sun Wah Properties (Viet Nam) | Số 115 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận I | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 1.144 | |
| 165 | Công ty TNHH Parkson Vietnam | Số 35BIS-45 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1 | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 1.266 | |
| 166 | Công ty TNHH Fei Yueh Viet Nam | Số 235 Nguyễn Văn Cừ, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1 | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 2.930 | |
| 167 | Công ty TNHH Keppel Land Watco-1 | Số 65 Lê Lợi, phường Bến Nghé, Quận 1 | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 1.404 | |
| 168 | Công ty TNHH DV TM và Đầu tư Tương Lai | Số 171 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1 | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 1.902 | |
| 169 | Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco - CN TP.HCM | Số 45 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1 | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 2.646 | |
| 170 | Tập đoàn Vingroup - Công ty CP (Vincom) | Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1 | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 3.647 | |
| 171 | Công ty TNHH Kumho Asiana Plaza Saigon | Số 39 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1 | Công trình xây dựng | Khách sạn | 4.710 | |
| 172 | Khách sạn Cửu Long (Majestic) | Số 28 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1 | Công trình xây dựng | Khách sạn | 528 | |
| 173 | Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh | Số 02 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1 | Công trình xây dựng | Khách sạn | 866 | |
| 174 | Công ty TNHH Luks Land Vietnam | Số 37 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1 | Công trình xây dựng | Khách sạn | 1.038 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 175 | Công ty LD Khách sạn Saigon Riverside | Số 8-15 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1 | Công trình xây dựng | Khách sạn | 1.731 | |
| 176 | Công ty LD Hai Thanh Kotobuki | Số 2A-4A Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1 | Công trình xây dựng | Khách sạn | 1.477 | |
| 177 | Công ty LD Khách sạn Chains Caravelle | Số 19-23 Công Trường Lam Sơn, phường Bến Nghé, Quận 1 | Công trình xây dựng | Khách sạn | 1.591 | |
| 178 | Công ty LD Khách sạn Saigon INN - Khách sạn New World | Số 76 Lê Lai, phường Bến Thành, Quận 1 | Công trình xây dựng | Khách sạn | 2.493 | |
| 179 | Công ty LD Đại Dương | Số 80 Đông Du, phường Bến Nghé, Quận 1 | Công trình xây dựng | Khách sạn | 2.085 | |
| 180 | CN Công ty CP Bông Sen | Số 95-97 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1 | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 963 | |
| 181 | Công ty TNHH Khách sạn Grand Imperial Saigon | Số 101 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, Quận 1 | Công trình xây dựng | Khách sạn | 1.701 | |
| 182 | Bệnh viện Từ Dũ | Số 02 Lương Hữu Khánh, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 | Công trình xây dựng | Hoạt động của các bệnh viện | 1.043 | |
| 183 | Bệnh viện Nhi Đồng 2 | Số 14 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1 | Công trình xây dựng | Hoạt động của các bệnh viện | 923 | |
| 184 | Văn phòng Tổng cục Hậu cần An ninh II | Số 258 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1 | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | 551 | |
| 185 | Đài truyền hình thành phố | Số 9 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1 | Công trình xây dựng | Hoạt động truyền hình | 1.249 | |
| 186 | Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất | Sân bay Tân Sơn Nhất, Phường 2, quận Tân Bình | Vận tải | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không | 5.003 | |
| 187 | CN Viettel TP Hồ Chí Minh-Tập đoàn Viễn thông Quân đội | Số 158/2A Hoàng Hoa Thám, Phường 12, quận Tân Bình | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | 3.057 | |
| 188 | Công ty CP Thực phẩm xuất khẩu Tân Bình | Số 1/1 Trường Chinh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 951 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 189 | Công ty TNHH Đầu tư bất động sản New Plan | Số 1/1 Trường Chinh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 1.187 | |
| 190 | Công ty CP Kim Cương | P701, lầu 7, số 3 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, Quận 7 | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 854 | |
| 191 | Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng | Số 801 Nguyễn Văn Linh, phường Tân Phong, Quận 7 | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 2.002 | |
| 192 | CN Công ty TNHH CP Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu Khí | Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7 | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 755 | |
| 193 | Công ty TNHH PREFERRED FREEZER SERVICES (Viettnam) | Số 163 Nguyễn Văn Quỳ, KPI, phường Phú Thuận, Quận 7 | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 515 | |
| 194 | Công ty TNHH TT TM Lotte Vietnam | Số 469 Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Hưng, Quận 7 | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 1.828 | |
| 195 | Công ty CP Cơ điện lạnh (REE) | Số 364 đường Cộng Hòa, Phường 13, quận Tân Bình | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 2.886 | |
| 196 | Đại học RMIT | Đường Nguyễn Văn Linh, Khu phố I, quận Tân Phú | Công trình xây dựng | Đào tạo đại học và sau đại học | 801 | |
| 197 | Công ty TNHH Y tế Viễn Đông Vietnam | Số 6 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, Quận 7 | Công trình xây dựng | Hoạt động của các bệnh viện | 1.091 | |
| 198 | Công ty TNHH METRO CASH & CARRY VN (An phú) | Khu An Phú-An Khánh, Quận 2 (Xa lộ Hà Nội) | Công trình xây dựng | Bán buôn tổng hợp | 954 | |
| 199 | Công ty CP Việt Nam Quốc tế | Số 60A Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 1.333 | |
| 200 | Công ty TNHH PICO Sài Gòn | Số 20 đường Cộng Hòa, Phường 12, Quận Tân Bình | Công trình xây dựng | Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại | 1.072 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 201 | Công ty TNHH Liên doanh Khách sạn Plaza | Số 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1 | Công trình xây dựng | Khách sạn | 802 | |
| 202 | Công ty TNHH Khách sạn và Văn phòng làm việc A-1 VY | Số 253 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 10, quận Phú Nhuận | Công trình xây dựng | Khách sạn | 533 | |
| 203 | TT Quản lý Hầm sông Sài Gòn | Hầm Thủ Thiêm, phường Thủ Thiêm, Quận 2 | Công trình xây dựng | Hoạt động khác | 585 | |
| 204 | Công ty TNHH MTV Thoát nước đô thị Thành Phố | Số 10 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 19, quận Bình Thạnh | Công trình xây dựng | Thoát nước | 2.145 | |
| 205 | Công ty CP Vận tải Xăng dầu VITACO | số 8, Nam Kì Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1 | Vận tải | Vận tải hàng hóa viễn dương | 38.130 | |
| 206 | Công ty CP Vận tải sản phẩm khí Quốc tế (GAS SHIPPING) | Tầng 9 tòa nhà Green Tower, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1 | Vận tải | Vận tải hàng hóa viễn dương | 3.540 | |
| 207 | Công ty CP Vận tải Dầu khí Phương Đông Việt (PVTRANS OIL) | Tầng 8, 45 Võ Thị Sáu, phường Đa Kao, Quận 1 | Vận tải | Vận tải hàng hóa viễn dương | 5.326 | |
| 208 | Công ty CP vận tải xăng dầu Phương Nam | Tầng lửng tòa nhà PVFCCO, số 43 Mạc Đỉnh Chi, phường Đakao, Quận 1 | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác | 8.240 | |
| 209 | Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (PVTRANS PACIFIC) | Tầng lửng tòa nhà PVFCCO, số 43 Mạc Đỉnh Chi, phường Đakao, Quận 1 | Vận tải | Vận tải hàng hóa viễn dương | 9.469 | |
| 210 | Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam | Số 428 Nguyễn Tất Thành, phường 18, Quận 4 | Vận tải | Vận tải hàng hóa viễn dương | 1.015 | |
| 211 | Công ty CP Gemadept | Lầu 22, số 2 bis 4-6 Lê Thánh Tôn, Quận 1 | Vận tải | Vận tải hàng hóa viễn dương | 1.836 | |
| 212 | HTX Bà Chiểu - Chợ Lớn | Tổ dân phố 113, khu phố 6, đường D1, phường 25, quận Bình Thạnh | Vận tải | Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh | 1.146 | |
| 213 | HTX Xe Du lịch vận tải thi công CG Hiệp Phát | Số 276 Minh Phụng, Phường 2, Quận 11 | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) | 2.026 | |
| 214 | HTX Xe buýt Quyết Thắng | Số 1129/18 Lạc Long Quân, phường 11, quận Tân Bình | Vận tải | Vận tải bằng xe buýt | 2.678 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 215 | Liên hiệp HTX Vận tải Thành phố | Số 1129/18 Lạc Long Quân, phường 11, quận Tân Bình | Vận tải | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ | 5.051 | |
| 216 | HTX Vận tải và Du lịch số 3 | Số 618 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình | Vận tải | Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh | 3.377 | |
| 217 | HTX Vận tải Du lịch Taxi Minh Đức | Số 90 Đỗ Nhuận, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú | Vận tải | Vận tải hành khách bằng taxi | 1.295 | |
| 218 | Công ty TNHH Comfordelgro Savico Taxi | Số 325 Hồ Văn Huê, phường 2, quận Tân Bình | Vận tải | Vận tải hành khách bằng taxi | 1.242 | |
| 219 | Công ty TNHH Taxi Sài Gòn Hoàng Long | Lầu 5, 149 Nguyễn Văn Cừ, Phường 2, Quận 5. | Vận tải | Vận tải hành khách bằng taxi | 1.491 | |
| 220 | Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn | Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5 | Vận tải | Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh | 9.286 | |
| 221 | Công ty CP Taxi Mai Linh | Số 64-68 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, Quận 1 | Vận tải | Vận tải hành khách bằng taxi | 9.083 | |
| 222 | Công ty CP VTTH Mai Linh | Số 64-68 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, Quận 1 | Vận tải | Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh | 8.227 | |
| 223 | Công ty CP Ánh Dương Việt Nam | Số 5 Phan Xích Long, phường 2, quận Phú Nhuận | Vận tải | Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu | 17.896 | |
| 224 | HTX Vận tải liên tỉnh và Du lịch Việt Thắng | Số 29A Lê Quang Sung, Quận 6 | Vận tải | Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh | 3.060 | |
| 225 | HTX Vận tải 19/5 | Số 1/1B xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn | Vận tải | Vận tải bằng xe buýt | 8.189 | |
| 226 | Công ty TNHH Vận tải TP HCM | Số 278 Trần Phú, Phường 8, Quận 5 | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) | 1.428 | |
| 227 | Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn | Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5 | Vận tải | Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh | 9.486 | |
| 228 | Công ty CP Đầu tư Nam Phúc | Số 60 Lý Thường Kiệt, Phường 8, quận Tân Bình | Vận tải | Kinh doanh vận tải đường bộ và đường thủy nội địa | 2.079 | |
| 229 | Công ty TNHH TMDV Xăng dầu Thuận Lợi | Số 12M1 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, Quận 1 | Vận tải | Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan | 2.223 | |
| 230 | Công ty TNHH Dầu hàng hải Tuấn Hùng | Số 6CD Phan Kế Bính, phường Đa Kao, Quận 1 | Vận tải | Dịch vụ đại lý vận tải đường biển | 3.958 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 231 | Đại lý hàng hải Sài Gòn | Số 07 Nguyễn Huệ, Quận 1 | Vận tải | Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu | 5.270 | |
| 232 | Công ty TNHH ĐTTMDV QT Đại Minh | Số 70 Trần Kế Xương, Quận Bình Thạnh | Vận tải | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ | 1.408 | |
| 233 | Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí - PVTRANS | Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, Quận 1 | Vận tải | Vận tải hàng hóa viễn dương | 12.896 | |
| 234 | Công ty CP Vận tải Dầu khí Cửu Long (PVTRANS PCT) | Số 18 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, quận Bình Thạnh | Vận tải | Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan | 1.676 | |
| 235 | Công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam | Lầu 4, Số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1 | Vận tải | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu | 3.162 | |
| 236 | Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông | Số 45-47 Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận 5 | Vận tải | Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan | 8.940 | |
| 237 | Công ty CP vận tải Nhật Việt | 01-08R1, toà nhà Everich, 968 đường 3/2, Quận 10 | Vận tải | Vận tải hàng hóa viễn dương | 5.370 | |
| 238 | Công ty kinh doanh Sản phẩm khí | Lầu 11, Tòa nhà PVGas Tower, số 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè | Vận tải | Vận tải hàng hóa viễn dương | 1.731 | |
| 239 | Công ty CP DV Vận tải Petrolimex (PTS) | Số 118 Hùynh Tấn Phát, Phường Tân Thuận, Quận 7 | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng | 1.009 | |
| 240 | Công ty CP XNK Petrolimex | Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, Quận 5 | Vận tải | Vận tải hàng hóa viễn dương | 3.812 | |
| 241 | Công ty CP Xăng dầu Sông Châu | Lầu 7, cao ốc Tuildonai, số 119 Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, Quận 1 | Vận tải | Vận tải hàng hóa viễn dương | 1.805 | |
| **VI. ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG** | | | | | | |
| **1. TỈNH LONG AN** | | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH Cơ khí chính xác MienHua | Phường Tân Khánh, TP Tân An | Công nghiệp | Sản xuất các cấu kiện kim loại | 3.138 | |
| 2 | Công ty Lê Long Việt Nam | Số 40 Bà Chánh Thâu, KP2, Thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức | Công nghiệp | Sản xuất pin và ắc quy | 11.568 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Công ty TNHH Nhựa Vô Song | Xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa | Công nghiệp | Sản xuất bao bì từ plastic | 1.001 | |
| 4 | Công ty CP Dệt Đông Quang | KCN Hải Sơn, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 2.781 | |
| 5 | Công ty CP Sợi Sài Gòn Long An VN | KCN Tân Đức, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 1.745 | |
| 6 | Công ty CP Sợi Đông Quang | Xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 17.625 | |
| 7 | Công ty TNHH Sản xuất thương mại Thép Việt Trung LA | Lô 03HG-1, ĐS10, KCN Xuyên Á, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 2.146 | |
| 8 | Công ty TNHH Dương Vũ | Xã Bình Thạnh, huyện Thủ Thừa | Công nghiệp | Xay xát | 1.986 | |
| 9 | DNTN Trí Mai | Xã Bình Thạnh, huyện Thủ Thừa | Công nghiệp | Xay xát | 1.009 | |
| 10 | Công ty TNHH Hóa nhựa Đệ Nhất | KCN Hạnh Phúc, xá Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.390 | |
| 11 | Công ty TNHH Nhựa TĐH | Xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.005 | |
| 12 | Công ty TNHH ATHENA | Xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 1.066 | |
| 13 | Công ty CP Bao bì Tín Thành | CCN nhựa Đức Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa | Công nghiệp | Sản xuất bao bì từ plastic | 1.443 | |
| 14 | Công ty CP Songwol Vina | KCN Tân Đức, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 1.540 | |
| 15 | Công ty TNHH Hàn Gia | Xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 1.696 | |
| 16 | CN Tổng công ty Liksin-Thanh Tâm Tân Đức | KCN Tân Đức, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa | Công nghiệp | Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa | 1.691 | |
| 17 | Công ty CP SXTM Duy Tân | Lô D2, CCN Nhựa Đức Hòa Hạ, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa | Công nghiệp | Sản xuất bao bì từ plastic | 1.340 | |
| 18 | Công ty TNHH sắt thép Đại Lộc Phát | KCN Xuyên Á, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.533 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | Công ty TNHH YueKang Việt Nam | KCN Tân Đức, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 1.350 | |
| 20 | Công ty TNHH SXTM Đại Long An | KCN Xuyên Á, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 1.338 | |
| 21 | Chi nhánh Công ty CP nhựa Tân Phú tại Long An | Xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa | Công nghiệp | Sản xuất bao bì từ plastic | 1.152 | |
| 22 | Công ty TNHH SXTM Thép Hương Loan | Xã Trường Bình, huyện Cần Giuộc | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.008 | |
| 23 | Công ty TNHH Giầy FU-LUH | Xã Tân Kim, huyện Cần Giuộc | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 2.061 | |
| 24 | Công ty CP Đồng Tâm DOTALIA | Xã Long Hiệp, huyện Bến Lức | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 2.459 | |
| 25 | Công ty TNHH CJ Vina Agri | Xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 1.659 | |
| 26 | Chi nhánh Công ty CP SXTM nhựa Hiệp Thành | Quốc lộ 1A, ấp Voi Lá, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 2.478 | |
| 27 | Công ty CP GreenFeed Việt Nam | Xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 4.130 | |
| 28 | Công ty CP Thép Việt Thành Long An | Xã Long Hiệp, huyện Bến Lức | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 3.153 | |
| 29 | Công ty CP thép TVP | Số 400, Quốc lộ 1A, KP9, Thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 4.338 | |
| 30 | Công ty CP SX Thép Vina One | Xã Long Hiệp, huyện Bến Lức | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 1.955 | |
| 31 | Công ty TNHH Cà phê Outspan VN | KCN Nhựt Chánh, huyện Bến Lức | Công nghiệp | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu | 4.614 | |
| 32 | Công ty TNHH Vina Eco Board | KCN Phú An Thạnh, huyện Bến Lức | Công nghiệp | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ | 3.824 | |
| 33 | NM phân bón Bình Điền Long An | KCN Long Định, xã Long Cang, huyện Cần Đước | Công nghiệp | Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp | 1.334 | |
| 34 | Công ty TNHH ANT | KCN Long Định, xã Long Cang, huyện Cần Đước | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 1.247 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 35 | CN Công ty CP Kim Tín | KCN Long Định, xã Long Cang, huyện Cần Đước | Công nghiệp | Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn | 1.264 | |
| 36 | Công ty TNHH Thực phẩm Quốc tế Giavico | Xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản rau quả khác | 1.292 | |
| 37 | Công ty TNHH Giày ChingLuh Việt Nam | KCN Thuận Đạo, huyện Bến Lức | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 12.405 | |
| 38 | Công ty TNHH Viana ChungShing Textile | Xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 3.833 | |
| 39 | Chi nhanhs Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1 | Xã Long Định, huyện Cần Đước | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 2.861 | |
| 40 | Công ty TNHH Formosa Taffeta | Xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 5.385 | |
| 41 | HTX Vận tải xây dựng TM Vàm Cỏ | Số 75 Phan Văn Đạt, Phường 1, TP Tân An | Vận tải | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ | 2.251 | |
| 42 | CN Công ty CP Địa Ốc-Cáp Điện Thịnh Phát | Xã Lương Bình, huyện Bến Lức | Công nghiệp | Sản xuất dây cáp, dây điện và điện tử khác | 1.204 | |
| 43 | Công ty TNHH SX&TM Toàn Thắng Plastics | Ấp 1, xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức | Công nghiệp | Sản xuất bao bì từ plastic | 1.663 | |
| 44 | Công ty TNHH SXTMDV Đoàn kết | CCN Đức Thuận, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa | Công nghiệp | Sản xuất sợi | 1.096 | |
| 45 | Công ty TNHH Công Thành | Số 542, Khu phố Nhơn Hậu 1, phường Tân Khánh, TP Tân An | Công nghiệp | Xay xát | 1.175 | |
| | | **2. TỈNH TIỀN GIANG** | | | | |
| 1 | Công ty CP Rau quả Tiền Giang | Km1977 QL1A, xã Long Định, huyện Châu Thành | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản rau quả khác | 5.216 | |
| 2 | Công ty TNHH VBL Tiền Giang | KCN Mỹ Tho, TP Mỹ Tho | Công nghiệp | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia | 2.377 | |
| 3 | Chi nhánh Công ty CP Chăn nuôi CP Việt Nam | KCN Mỹ Tho, TP Mỹ Tho | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 7.171 | |
| 4 | Chi nhánh Công ty TNHH Uni-President VN | Lô 3 KCN Mỹ Tho, TP Mỹ Tho | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 2.429 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát | Lô 25 KCN Mỹ Tho, TP Mỹ Tho | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.795 | |
| 6 | Công ty CP Châu Âu | Lô 69 KCN Mỹ Tho, TP Mỹ Tho | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 3.052 | |
| 7 | Công ty TNHH Minh Hưng Tiền Giang | Ấp Kinh 2A, xã Phước Lập, huyện Tân Phước | Công nghiệp | Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) | 3.382 | |
| 8 | Công ty TNHH Chế biến thực phẩm thương mại Ngọc Hà | Ấp Hội, xã Kim Sơn, huyện Châu Thành | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 6.917 | |
| 9 | Công ty TNHH Thủy sản Đại Thành | Ấp Đông Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 2.184 | |
| 10 | Công ty TNHH Đại Thành | Ấp Đông Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 2.194 | |
| 11 | Công ty TNHH Gia công Đồng Hải Lượng VN | Lô 67 KCN Long Giang, huyện Tân Phước | Công nghiệp | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý | 4.651 | |
| 12 | Công ty CP Thủy sản Vinh Quang | Lô 37-40 KCN Mỹ Tho, TP Mỹ Tho | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.519 | |
| 13 | Công ty CP Nhựa MeKong | CCN Trung An, TP Mỹ Tho | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | 1.024 | |
| 14 | Công ty TNHH Dụ Đức Việt Nam | KCN Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 1.079 | |
| 15 | Công ty TNHH sản xuất và thương mại Thiên Phát | Xã Bình Đức, huyện Châu Thành | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 2.166 | |
| 16 | Công ty CP nông sản Việt Phú | Lô 34-36 KCN Mỹ Tho, xã Trung An, TP Mỹ Tho | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.113 | |
| 17 | Công ty TNHH Sản xuất chế biến nông sản xuất khẩu Thuận Phong | KCN Mỹ Tho, TP Mỹ Tho | Công nghiệp | Sản xuất các loại bánh từ bột | 7.896 | |
| 18 | Công ty TNHH Châu Á | Lô 38-39 KCN Mỹ Tho, xã Bình Đức, TP Mỹ Tho | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.063 | |
| 19 | Công ty TNHH Sản xuất nước đá Chí Thành | Khu phố 5, Phường 9, TP Mỹ Tho | Công nghiệp | Sản xuất nước đá | 1.371 | |
| 20 | Công ty TNHH Freeview Industrial Việt Nam | KCN Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 3.779 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 21 | Công ty TNHH MTV Chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang | Ấp Đông Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.523 | |
| 22 | Công ty CP Dabaco Tiền Giang | Ấp Tây Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 1.318 | |
| 23 | Công ty TNHH TONG WEI Việt Nam | KCN Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.494 | |
| | **3. TỈNH BẾN TRE** | | | | | |
| 1 | Công ty CP Chăn nuôi CP Việt Nam | KCN An Hiệp, huyện Châu Thành | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 3.285 | |
| 2 | Công ty CP Sản xuất thương mại Phương Đông | KCN Giao Long, huyện Châu Thành | Công nghiệp | Sản xuất bao bì từ plastic | 1.055 | |
| 3 | Công ty TNHH Thế giới Việt | KCN Giao Long, huyện Châu Thành | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản rau quả khác | 2.758 | |
| 4 | Công ty CP Hải sản Hải Dương | KCN An Hiệp, huyện Châu Thành | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 3.379 | |
| 5 | Công ty CP XNK Thủy sản Bến Tre | KCN Giao Long, huyện Châu Thành | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.208 | |
| 6 | Công ty Furukawa Automotive Systems | KCN Giao Long, huyện Châu Thành | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | 1.126 | |
| 7 | Công ty CP Đông Hải Bến Tre | Số 457C Nguyễn Đình Chiểu, Phường 8, TP Bến Tre | Công nghiệp | Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa | 2.907 | |
| | **4. TỈNH VĨNH LONG** | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH Tỷ Xuân | KCN Hòa Phú, huyện Long Hồ | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 2.128 | |
| | **5. TỈNH ĐỒNG THÁP** | | | | | |
| 1 | Chi nhánh Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Việt Thắng | KCN Sông Hậu, huyện Lai Vung | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 9.754 | |
| 2 | Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Vina | Lô II-2,II-3,II-4,II-5 Khu A1, KCN Sa Đéc, TP Sa Đéc | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 6.337 | |
| 3 | Công ty CP Vĩnh Hoàn | Quốc lộ 30, Phường 11, TP Cao Lãnh | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 5.491 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | Công ty CP Thủy hải sản An Phú | Xã An Nhơn, huyện Châu Thành | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 3.005 | |
| 5 | Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Việt Thắng | Lô II-1,II-2,II-3 Khu C mở rộng-KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TP Sa Đéc | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 4.730 | |
| 6 | Công ty CP XNK Thủy sản Cửu Long | Lô III-9, khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TP Sa Đéc | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 4.698 | |
| 7 | Công ty CP Thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 | Quốc lộ 30, CCN Thanh Bình, huyện Thanh Bình | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 3.940 | |
| 8 | Chi nhánh Công ty CP ĐT&PT đa quốc gia I.D.I | Quốc lộ 80, CCN Vàm Cống, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 3.253 | |
| 9 | CN Công ty CP CBTHS Hiệp Thanh | Xã Định An, huyện Lấp Vò | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 2.896 | |
| 10 | Công ty TNHH CBTS Hoàng Long | CCN Phú Cường, huyện Tam Nông | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 2.763 | |
| 11 | Công ty TNHH Cỏ may Lai Vung | KCN Sông Hậu, huyện Lai Vung | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 2.660 | |
| 12 | Công ty TNHH Vạn Ý | CCN Bình Thành, Thanh Bình | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 2.195 | |
| 13 | Công ty CP CB&XNK Cadovimex II | Lô III-8Khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, TP Sa Đéc | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 2.176 | |
| 14 | Công ty CP thủy sản số 4 Đồng Tâm | CCN Bình Thành, huyện Thanh Bình | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 2.016 | |
| 15 | Công ty CP Tố Châu | Khóm 4, Phường 11, TP Cao Lãnh | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.969 | |
| 16 | Công ty CP Thức ăn thủy sản Hùng Vương Tây Nam | Lô II-5, II-6, II-7 Khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, TP Sa Đéc | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 1.845 | |
| 17 | Công ty CP Thức ăn thủy sản Phát Tiến | CCN Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.752 | |
| 18 | Công ty TNHH TMDV Quang Trung | Xã Tân Quy Tây, TP Sa Đéc | Công nghiệp | Xay xát | 1.423 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | Công ty TNHH Hùng Cá | CCN Bình Thành, huyện Thanh Bình | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.275 | |
| 20 | Công ty CP Thủy sản Trường Giang | Lô IV-8, khu A1, KCN Sa Đéc, TP Sa Đéc | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.277 | |
| 21 | Công ty TNHH Ngọc Đài | Phường 1, TP Sa Đéc | Công nghiệp | Xay xát | 1.231 | |
| 22 | Công ty CP thủy sản Hùng Cá | Lô B, CCN Bình Thành, xã Bình Thành, huyện Thanh Bình | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.059 | |
| 23 | Công ty CP TM Thuỷ Sản Á Châu | Lô số 1, đường số 2 CCN Bình Thành, huyện Thanh Bình | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.042 | |
| 24 | Công ty CP Thủy Sản Bình Minh | Lô 8-9-10 KCN Sông Hậu, xã Tân Thành, huyện Lai Vung | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.176 | |
| | | **6. TỈNH AN GIANG** | | | | |
| 1 | Nhà máy gạch CERAMIC An Giang | Quốc lộ 91, phường Mỹ Thạnh, TP Long Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 2.062 | |
| 2 | Công ty CP Nam Việt | Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP Long Xuyên | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 3.329 | |
| 3 | Nhà máy nước Bình Đức TP Long Xuyên | Số 253/13 Trần Hưng Đạo, phường Bình Đức, TP Long Xuyên | Công nghiệp | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 5.702 | |
| 4 | Chi nhánh Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang, Xí nghiệp bao bì | Số 297 Trần Hưng Đạo, phường Bình Khánh, TP Long Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa | 1.639 | |
| 5 | DNTN Đồng Lợi 2 | Số 459A/44 Trần Hưng Đạo, phường Bình Khánh, TP Long Xuyên | Công nghiệp | Xay xát | 1.866 | |
| 6 | Chi nhánh Công ty CP Rau quả thực phẩm AG-Nhà máy Bình Khánh | Phan Bội Châu, phường Bình Khánh, TP Long Xuyên | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản rau quả khác | 3.329 | |
| 7 | Công ty CP Ntaco | Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP Long Xuyên | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 4.971 | |
| 8 | Công ty CO XNK Thủy sản Cửu Long AG | Số 90 Hùng Vương, Khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP Long Xuyên | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 21.683 | |
| 9 | Công ty CP XNK Bình Minh | Quốc lộ 91 Khóm An Hưng, phường Mỹ Thới, TP Long Xuyên | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 16.881 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 10 | Chi nhánh Công ty TNHH MTV xây lắp An Giang, nhà máy xi măng An Giang (ACIFA) | Quốc lộ 91, phường Mỹ Thạnh, TP Long Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 1.604 | |
| 11 | Chi nhánh Công ty CP XNK Nông sản thực phẩm AG, XN thức ăn chăn nuôi thủy sản | Số 25/40 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Thới, TP Long Xuyên | Công nghiệp | Bán buôn tổng hợp | 9.777 | |
| 12 | Nhà máy gạch ngói Long Xuyên | Tổ 12, Khóm Bình Đức 5, phường Bình Đức, TPLong Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 2.520 | |
| 13 | Công ty CP An Xuyên | Số 9 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP Long Xuyên | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 4.082 | |
| 14 | Công ty TNHH MTV XLAG - XN Ván Okal Sinh Thái | QL 91, Khóm Đông Thạnh, phường Mỹ Thạnh, TP Long Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác | 1.035 | |
| 15 | Công ty TNHH Bình Tây (CN Mỹ Thới) | Khóm Đông Thạnh, phường Mỹ Thới, TP Long Xuyên | Công nghiệp | Xay xát | 1.779 | |
| 16 | Công ty CP Việt An | Quốc lộ 91 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, TP Long Xuyên | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 22.038 | |
| 17 | Công ty TNHH may XNK Đức Thành | Số 18 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Thới, TP Long Xuyên | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 2.626 | |
| 18 | Công ty CP XNK Việt Ngư | Khóm Trung Hưng, phường Mỹ Thới, TP Long Xuyên | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 5.354 | |
| 19 | Công ty CP XNK Thủy sản AG (XN Đ/lạnh 7) | Số 1234 Trần Hưng Đạo, phường Bình Đức, TP Long Xuyên | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 7.511 | |
| 20 | Công ty TNHH Khiêm Thanh | Xã Long Hòa, huyện Phú Tân | Công nghiệp | Xay xát | 5.729 | |
| 21 | Trạm nhà máy nước đá Phú Hưng | Ấp Phú Xương, Thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân | Công nghiệp | Sản xuất nước đá | 1.241 | |
| 22 | DNTN Hữu Tài | Ấp Phú Mỹ Hạ, xã Phú Thọ, huyện Phú Tân | Công nghiệp | Xay xát | 1.076 | |
| 23 | Nhà máy xay xát Đặng Tuấn | Ấp Hưng Thới 2, Xã Phú Hưng, huyện Phú Tân | Công nghiệp | Xay xát | 1.057 | |
| 24 | DNTN Cúc Tạo | Ấp Bình Quới, xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân | Công nghiệp | Xay xát | 1.705 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 25 | Công ty TNHH Lương thực Phước Thịnh | Ấp Hậu Giang 1, xã Tân Hòa, huyện Phú Tân | Công nghiệp | Xay xát | 2.701 | |
| 26 | DNTN Trường Huy | Ấp Bình Quới 2, xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân | Công nghiệp | Xay xát | 2.050 | |
| 27 | Công ty TNHH Thanh Bích | Số 59/72 Ấp Trung 2, xã Tân Trung, huyện Phú Tân | Công nghiệp | Xay xát | 1.146 | |
| 28 | Nhà máy nước đá Phúc Lộc | Ấp Mỹ Thiện, Mỹ Đức, Châu Phú | Công nghiệp | Sản xuất nước đá | 3.852 | |
| 29 | Nhà máy nước đá Hòa Thành 2 | Ấp Vịnh Thuận, xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú | Công nghiệp | Sản xuất nước đá | 2.283 | |
| 30 | Công ty TNHH Bình Long | Lô E KCN Bình Long, huyện Châu Phú | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 6.703 | |
| 31 | Công ty CP Chế biến và xuất nhập khẩu thủy sản Hòa Phát | Lô A, KCN Bình Long, xã Bình Long, huyện Châu Phú | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 14.269 | |
| 32 | Công ty TNHH XNK Thủy sản Đông Á | Lô B, KCN Bình Long, xã Bình Long, huyện Châu Phú | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 7.830 | |
| 33 | Chi nhánh Cty CP XNK AG, CN Lương thực Angimex 1 | Khu Dân cư xã Diễu, xã Bình Thành, huyện Thoại Sơn | Công nghiệp | Xay xát | 2.356 | |
| 34 | Nhà máy nước đá Nguyễn Bùi II | Ấp Tân Hiệp A, xã Óc Eo, huyện Thoại Sơn | Công nghiệp | Sản xuất nước đá | 1.831 | |
| 35 | Nhà máy nước đá Phạm Văn Mĩnh | Ấp Bắc Sơn, xã Núi Sập, huyện Thoại Sơn | Công nghiệp | Sản xuất nước đá | 2.401 | |
| 36 | Công ty CP Hoàng Vĩnh Phú | Số 46 Hùng Vương, xã Núi Sập, huyện Thoại Sơn | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 1.483 | |
| 37 | Công ty CP XNK Thủy sản An Mỹ | Lô A2-A3 CCN Phú Hòa, xã Phú Hòa, huyện Thoại Sơn | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 12.570 | |
| 38 | Công ty TNHH MTV chế biến Lương thực Vĩnh Trạch | Ấp Tân Bình, xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn | Công nghiệp | Xay xát | 1.089 | |
| 39 | Công ty CP lương thực Phú Vĩnh | Xã Phú Hòa, huyện Thoại Sơn | Công nghiệp | Xay xát | 2.500 | |
| 40 | Công ty TNHH MTV Lương thực Thoại Sơn | Ấp Sơn Lập, xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn | Công nghiệp | Xay xát | 7.248 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 41 | DNTN Phan Phương Thảo | Tổ 15 Ấp Sơn Thành, xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn | Công nghiệp | Xay xát | 1.882 | |
| 42 | Nhà máy nước đá Nguyễn Trường Thúc | Ấp Nhơn Ngãi, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới | Công nghiệp | Sản xuất nước đá | 1.199 | |
| 43 | DNTN Hưng Thành | Xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới | Công nghiệp | Xay xát | 1.877 | |
| 44 | Công ty CP rau quả thực phẩm AG-Nhà máy Mỹ An | Xã Mỹ An, huyện Chợ Mới | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản rau quả khác | 3.514 | |
| 45 | Công ty TNHH Gia Phúc | Ấp Long Hòa, thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 5.935 | |
| 46 | DNTN Phước Lợi | Xã Hòa An, huyện Chợ Mới | Công nghiệp | Xay xát | 1.826 | |
| 47 | Cơ sở Xay xát Đồng Nghĩa | Xã Hòa An, huyện Chợ Mới | Công nghiệp | Xay xát | 1.449 | |
| 48 | DNTN Lập Thành | Xã Long Điền A, huyện Chợ Mới | Công nghiệp | Sản xuất nước đá | 1.472 | |
| 49 | Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu lương thực Vinh Phát | Ấp Bình Thạnh I, xã Hòa An, huyện Chợ Mới | Công nghiệp | Xay xát | 3.212 | |
| 50 | DNTN Ba Nông | Ấp Bình Phú, xã Hòa An, huyện Chợ Mới | Công nghiệp | Xay xát | 1.584 | |
| 51 | Công ty TNHH XNK Vạn Hòa | Ấp Bình Thạnh I, xã Hòa An, huyện Chợ Mới | Công nghiệp | Xay xát | 2.749 | |
| 52 | Công ty TNHH XNK Phước Tiếng | Ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới | Công nghiệp | Xay xát | 6.847 | |
| 53 | Chi nhánh Công ty CP Quốc tế Gia | Xã Hòa An, huyện Chợ Mới | Công nghiệp | Xay xát | 1.351 | |
| 54 | Công ty CP thép Miền Tây | Ấp Long Hòa, thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 26.262 | |
| 55 | Công ty TNHH MTC XNK Trường Thành | Ấp Bình Thạnh I, xã Hòa An, huyện Chợ Mới | Công nghiệp | Xay xát | 1.227 | |
| 56 | Chi nhánh An Giang, Công ty CP Hiệp Lợi | Ấp An Thạnh, xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới | Công nghiệp | Xay xát | 2.914 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 57 | Công ty TNHH TM XNK Đạt Nghĩa | Ấp Bình Quới, xã Hòa An, huyện Chợ Mới | Công nghiệp | Xay xát | 1.090 | |
| 58 | DNTN Thạnh Lợi | Ấp An Thạnh, xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới | Công nghiệp | Xay xát | 2.978 | |
| 59 | Cơ sở sấy lúa Quế Long Trương Văn Tường | Ấp An Thạnh, xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới | Công nghiệp | Xay xát | 1.242 | |
| 60 | Công ty TNHH XNK Nguyên Phú Tiến | Ấp Bình Thạnh I, xã Hòa An, huyện Chợ Mới | Công nghiệp | Xay xát | 2.558 | |
| 61 | Công ty TNHH Lê Thành Lợi | Ấp Bình Quới, xã Hòa An, huyện Chợ Mới | Công nghiệp | Xay xát | 1.168 | |
| 62 | Công ty TNHH Tiến Bộ | Lô C2 KCN Bình Hòa, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 23.711 | |
| 63 | Công ty TNHH SX TM DV Thuận An | Ấp Hòa Long 3, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 13.267 | |
| 64 | Công ty TNHH MTV Lương thực Vĩnh Bình | Ấp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Bình, huyện Châu Thành | Công nghiệp | Xay xát | 6.311 | |
| 65 | Nhà máy nước đá Nhật Minh | Ấp Tô Thủy, xã Núi Tô, huyện Tri Tôn | Công nghiệp | Sản xuất nước đá | 3.294 | |
| 66 | Công ty TNHH MTCV Khai thác & Chế biến đá An Giang | Ấp Tô Thủy, xã Cô Tô, huyện Tri Tôn | Công nghiệp | Khai thác đá | 2.733 | |
| 67 | Công ty TNHH Thương mại Nguyễn Huệ | Số 9/9 Trần Hưng Đạo, Mỹ Xuyên, Long Xuyên | Công trình xây dựng | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh | 1.116 | |
| 68 | Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - AG | Số 12 Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP Long Xuyên | Công trình xây dựng | Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại | 4.263 | |
| 69 | Chi nhánh Cty TNHH Metro Cash&carry tỉnh AG) | Số 414 Trần Hưng Đạo, phường Bình Đức, TP Long Xuyên | Công trình xây dựng | Bán buôn tổng hợp | 1.557 | |
| | | | **7. TỈNH KIÊN GIANG** | | | |
| 1 | NMĐ Diesel Phú Quốc | Xã Cửa Dương, huyện Phú Quốc | Công nghiệp | Sản xuất điện | 17.476 | |
| 2 | Chi nhánh Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1 - NM xi măng Kiên Lương | Ấp Lò bom, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 167.215 | VICEM |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Công ty CP Xi măng Hà Tiên | Xã Bình An, huyện Kiên Lương | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 11.285 | VICEM |
| 4 | NM Xi măng Hong Chông - Công ty TNHH Xi măng Holcim | Xã Bình An, huyện Kiên Lương | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 84.353 | |
| 5 | Công ty CP Xi măng Kiên Giang | Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 1.723 | |
| 6 | Công ty CP Xi măng Hà Tiên | Xã Bình An, huyện Kiên Lương | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 1.922 | |
| 7 | Công ty CP Gạch ngói Kiên Giang | Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 3.322 | |
| 8 | Công ty TNHH MTV Hải Nương | Xã Thạnh Hưng, huyện Giống Riềng | Công nghiệp | Xay xát | 1.075 | |
| 9 | Chi nhánh Công ty CP Thủy sản BIM Kiên Giang | KCN Cảng cá Tắc Cậu, xã Bình An, huyện Châu Thành | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.459 | |
| 10 | Ban điều hành nhà máy điện Kiên Hải | Số 287, ấp 2 Hòn Tre, huyện Kiên Hải | Công nghiệp | Sản xuất điện | 1.175 | |
| 11 | Công ty TNHH Tàu cao tốc Ngọc Thành | Phường Vĩnh Quang, TP Rạch Giá | Vận tải | Vận tải hành khách ven biển | 1.048 | |
| 12 | Công ty TNHH Tàu cao tốc Superdong Kiêng Giang | Thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc | Vận tải | Vận tải hành khách ven biển | 2.148 | |
| 13 | Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang | Số 46 đường Lê Lợi, TP Rạch Giá | Công trình xây dựng | Hoạt động của các bệnh viện | 982 | |
| **8. THÀNH PHỐ CẦN THƠ** | | | | | | |
| 1 | CN Công ty TNHH WILMAR AGRO Việt Nam tại Thốt Nốt | GĐ3 KCN Thốt Nốt, quận Thốt Nốt | Công nghiệp | Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động, thực vật | 1.224 | |
| 2 | Công ty CP Xi măng Tây Đô | Phường Phước Thới, quận Ô Môn | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 4.917 | |
| 3 | Công ty CP Xi măng Cần Thơ | Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | 1.906 | |
| 4 | Công ty CP Nam Việt | Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP Long Xuyên | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.370 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | Công ty CP Chế biến thủy hải sản Hiệp Thanh | Thới An 3, phường Thuận An, quận Thốt Nốt | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 3.329 | |
| 6 | Công ty CP Thủy sản NTSF | Phường Thới Hòa, quận Thới Thuận | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 3.010 | |
| 7 | Công Ty TNHH Ấn Độ Dương | KCN Thốt Nốt, quận Thốt Nốt | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 4.433 | |
| 8 | NM Sữa Cần Thơ | KCN Trà Nóc 1, quận Bình Thủy | Công nghiệp | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa | 1.068 | |
| 9 | Công ty Thép Tây Đô | KCN Trà Nóc 1, quận Bình Thủy | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | 4.917 | |
| 10 | Công ty TNHH Hải sản Thanh Thế | KCN Trà Nóc 1, quận Bình Thủy | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.532 | |
| 11 | Công ty TNHH MTV Proconco Cần Thơ | Lô số 13,14 KCN Trà Nóc 1, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 2.552 | |
| 12 | Công ty CP Thủy sản Mekong | KCN Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.241 | |
| 13 | Công ty TNHH Hải sản 404 | Đường Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.047 | |
| 14 | Chi nhánh Sản xuất kinh doanh thức ăn thủy sản | Lô 16A3 KCN Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 2.546 | |
| 15 | Công ty TNHH Công nghiệp thuỷ sản Miền Nam | Lô 2.14 KCN Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.236 | |
| 16 | Công ty TNHH Thủy sản Biển đông | KCN Trà Nóc 1, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 2.039 | |
| 17 | Công ty CP Bao bì Sadico Cần Thơ | Phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy | Công nghiệp | Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) | 1.070 | |
| 18 | Công ty CP Thủy sản Bình An | Lô 2.17 KCN Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.368 | |
| 19 | Công ty CP XNK Thủy sản Cần Thơ (Caseamex) | Lô 2.12 KCN Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.112 | |
| 20 | Công ty TNHH Thủy sản Quang Minh | Lô 2.20 KCN Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.420 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 21 | DNTN Trần Huy Phong | Thị trấn Thạnh An, quận Vĩnh Thạnh | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | 1.709 | |
| 22 | Công ty CP Pepsico Việt Nam - Cần Thơ | KCN Trà Nóc 1, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy | Công nghiệp | Sản xuất đồ uống không cồn | 2.369 | |
| 23 | Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH MTV | Số 1 Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy | Công nghiệp | Sản xuất điện | 12.655 | EVN |
| 24 | Công ty CP Dược Hậu Giang | Phường An Hoàn, quận Ninh Kiều | Công nghiệp | Sản xuất thuốc các loại | 1.347 | |
| 25 | Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước TP Cần Thơ | Phường An Hội, quận Ninh Kiều | Công nghiệp | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 1.278 | |
| 26 | Công ty CP BĐS Việt Nhật | KCN Hưng Phú, phường Tân Phú, quận Cái Răng | Công trình xây dựng | Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại | 1.214 | |
| 27 | Trung tâm Thông tin Di động Khu vực IV | Phường An Cư, quận Ninh Kiều | Công trình xây dựng | Hoạt động viễn thông không dây | 574 | |
| 28 | Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ | Phường An Khánh, quận Ninh Kiều | Công trình xây dựng | Hoạt động của các bệnh viện | 721 | |
| | **9. TỈNH HẬU GIANG** | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú Hậu Giang | KCN Nam Sông Hậu, huyện Châu Thành | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 3.284 | |
| 2 | Công ty CP Thuỷ sản Cafatex | Ấp Phú Lợi, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.672 | |
| 3 | Công ty TNHH Hải sản Việt Hải | Xã Long Thạnh, huyện Phụng Hiệp | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.379 | |
| | **10. TỈNH SÓC TRĂNG** | | | | | |
| 1 | Công ty CP Thực phẩm Sao Ta | Km2132 Quốc lộ 1, khóm 4, Phường 2, TP Sóc Trăng | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 2.705 | |
| 2 | Công ty CP Thủy sản Sóc Trăng | Số 119 Quốc lộ 1, Phường 7, TP Sóc Trăng | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 3.793 | |
| 3 | Công ty CP Chế biến thủy sản Út Xi | Số 24 Đường tỉnh 934, Ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.680 | |
| 4 | XN Chế biến thực phẩm Thái Tân | Số 176 Quốc Lộ 1A, Phường 7, TP Sóc Trăng | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.198 | |

| STT | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | Công ty TNHH Khánh Hoàng | Ấp Cảng, Thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.300 | |
| 6 | Công ty CP Thủy sản sạch VN | Lô F KCN An Nghiệp, huyện Châu Thành | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.354 | |
| **11. TỈNH CÀ MAU** | | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH KD Chế biến thủy sản và XNK Quốc Việt | Số 444 Lý Thường Kiệt, phường 6, TP Cà Mau | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 2.618 | |
| 2 | Công ty CP Tập đoàn thủy sản Minh Phú | KCN phường 8, TP Càu Mau | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 5.363 | |
| 3 | Công ty Điện lực dầu khí Cà Mau (Nhà máy điện Cà Mau 1&2) | Xã An Khánh, U Minh | Công nghiệp | Sản xuất điện | 1.357.089 | PVN |
| 4 | Công ty CP Chế biến và dịch vụ thủy sản Cà Mau | Số 4, Nguyễn Công Trứ, P8, Cà Mau | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thuỷ sản đông lạnh | 1.422 | |
| 5 | Công ty TNHH MTV phân bón dầu khí Cà Mau | Lô D, Đường Ngô Quyền, Phường 1, TP Cà Mau | Công nghiệp | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ | 441.198 | PVN |
| **12. TỈNH TRÀ VINH** | | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH Giày da Mỹ Phong | Ấp Tân Đại, xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | 3.135 | |

**Ghi chú:**

**04 tỉnh hiện không có cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm: Bắc Kạn; Ninh Thuận; Đắk Nông; Bạc Liêu*

***Ghi chú tên viết tắt các Tập đoàn, tổng công ty:*

EVN: Tập đoàn Điện lực Việt Nam

PVN: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

VINACOMIN: Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

VINACHEM: Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

VICEM: Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

VINAPACO: Tổng công ty Giấy Việt Nam